

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH SƠN LA

TÀI LIỆU
TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG
BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC

Sơn La, tháng 10 năm 2018

MỤC LỤC

Chuyên đề 1.	Công tác xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.	4
Chuyên đề 2.	Lắp đặt camera quan sát để chủ động phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật.	6
Chuyên đề 3.	Phòng ngừa, ngăn chặn và tổ chức cứu chữa các vụ cháy nhà ở, cháy nhà ở kết hợp kinh doanh.	8
Chuyên đề 4.	Công tác phòng, chống và đảm bảo an toàn khi xảy ra tai nạn, thiên tai, thảm họa.	13
Chuyên đề 5.	Huy động toàn dân tham gia quản lý, giáo dục, giúp đỡ người lầm lỗi tại cộng đồng dân cư.	17
Chuyên đề 6.	Nâng cao chất lượng hoạt động của “Nhóm liên gia tự quản về An ninh trật tự”.	20
Chuyên đề 7.	Xây dựng khu dân cư an toàn về an ninh trật tự.	22
Chuyên đề 8.	Xây dựng xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự.	24
Chuyên đề 9.	Xây dựng cơ quan, doanh nghiệp an toàn về an ninh trật tự.	27
Chuyên đề 10.	Xây dựng nhà trường an toàn về an ninh trật tự.	30
Chuyên đề 11.	Phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm xâm hại trẻ em.	33
Chuyên đề 12.	Phòng ngừa tội phạm cố ý gây thương tích, tội phạm giết người do nguyên nhân xã hội.	35
Chuyên đề 13.	Phòng ngừa tội phạm trộm cắp tài sản.	39
Chuyên đề 14.	Phòng ngừa tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản.	41
Chuyên đề 15.	Phòng ngừa, ngăn chặn bạo lực học đường.	43
Chuyên đề 16.	Phòng ngừa, ngăn chặn bạo lực gia đình.	47
Chuyên đề 17.	Phòng ngừa, ngăn chặn tình trạng công dân bị lừa bán ra nước ngoài.	49
Chuyên đề 18.	Phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm về ma túy và công tác cai nghiện ma túy.	53
Chuyên đề 19.	Phòng ngừa, ngăn chặn hoạt động kinh doanh đa cấp trái phép.	59
Chuyên đề 20.	Phòng ngừa, ngăn chặn tình trạng ô nhiễm môi trường.	61
Chuyên đề 21.	Phòng, chống vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm.	64
Chuyên đề 22.	Quy định của pháp luật về quản lý cư trú và trách nhiệm của công dân.	68

Chuyên đề 23. Quy định về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.	71
Chuyên đề 24. Quy định của pháp luật về xử lý vi phạm về ANTT ở địa bàn cơ sở.	75
Chuyên đề 25. Các quy tắc giao thông đường bộ và quy định về xử phạt.	76
Chuyên đề 26. Các quy tắc giao thông đường thủy nội địa và quy định về xử phạt.	78
Chuyên đề 27. Công tác quản lý cư trú của người nước ngoài.	81
Chuyên đề 28. Phòng ngừa, ngăn chặn hoạt động phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch đối với địa bàn tỉnh Sơn La.	83
Chuyên đề 29. Phòng ngừa, ngăn chặn hoạt động của tổ chức “ <i>Hội thánh của Đức chúa trời mẹ</i> ”.	86
Chuyên đề 30. Phản bác luận điệu tuyên truyền lập Nhà nước Mông.	88
Chuyên đề 31. Phòng ngừa, ngăn chặn hoạt động di cư tự do.	91
Chuyên đề 32. Phòng ngừa, ngăn chặn hoạt động khiêu khích đông người, trái phép.	93
Chuyên đề 33. Bảo vệ bí mật nhà nước trên không gian mạng.	97

Chuyên đề 1. Công tác xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, hướng tới phát triển Chính phủ điện tử là xu thế tất yếu, là mô hình phổ biến của nhiều quốc gia. Đảng và Nhà nước ta đã và đang thực hiện mạnh mẽ chủ trương ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước, tăng cường công khai, minh bạch thông tin, giảm phiền hà, tham nhũng, tiết kiệm chi phí, cung cấp dịch vụ công tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp.

Ở nước ta hiện nay, việc quản lý dân cư do nhiều bộ, ngành cùng thực hiện, để phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước, đồng thời đảm bảo quyền và nghĩa vụ của công dân trong từng ngành, lĩnh vực, các cơ quan quản lý nhà nước đều cấp cho công dân một loại giấy tờ nên mỗi công dân có thể sở hữu nhiều loại giấy tờ với những con số khác nhau (*giấy khai sinh, giấy đăng ký kết hôn, sổ hộ khẩu, thẻ bảo hiểm y tế, chứng minh nhân dân, hộ chiếu, sổ bảo hiểm xã hội, giấy phép lái xe, các loại thẻ, chứng chỉ,...*). Thông tin trong các giấy tờ này có nội dung trùng lặp (*họ, tên, ngày tháng năm sinh, dân tộc, quốc tịch...*) nên khi sử dụng các giấy tờ để truy nguyên công dân thì đều hiển thị các thông tin trùng nhau, nhưng khi tham gia các giao dịch, công dân lại không thể sử dụng một trong các giấy tờ công dân để chứng minh tình trạng nhân thân của mình.

Việc nghiên cứu, xây dựng các cơ sở dữ liệu mới chỉ tập trung vào mục tiêu quản lý nhà nước của từng ngành, lĩnh vực mà chưa đặt vấn đề kết nối, chia sẻ thông tin chung về công dân giữa các cơ sở dữ liệu nên không khắc phục được tình trạng cục bộ, chia cắt thông tin về công dân, không thống nhất về thông tin cơ bản của một công dân trong các cơ sở dữ liệu, gây lãng phí nguồn lực về tài chính trong việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng (*mở rộng cơ sở dữ liệu*) và lãng phí nguồn nhân lực khi các cơ quan đều thực hiện việc nhập các dữ liệu trùng nhau.

Để khắc phục những hạn chế, bất cập trong công tác quản lý dân cư của các cơ quan quản lý nhà nước, ngày 08/6/2013, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 896/QĐ-TTg phê duyệt Đề án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013- 2020. Đề án 896 ra đời đã khẳng định được vai trò quan trọng của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, tạo sự đổi mới căn bản về tổ chức, hoạt động quản lý nhà nước về dân cư theo hướng hiện đại; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp, nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm giấy tờ công dân, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đến ngày 20/11/2014, tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIII thông qua Luật Căn cước công dân, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2016. Trong đó, quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là tập hợp thông tin cơ bản của tất cả công dân Việt Nam được chuẩn hóa, số hóa, lưu trữ, quản lý bằng cơ sở hạ tầng thông tin để phục vụ quản lý nhà nước và giao dịch của cơ quan, tổ chức, cá nhân; Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư do Bộ Công an thống nhất quản lý.

Xác định được vị trí, vai trò quan trọng của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, ngày 26/11/2015, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 2083/QĐ-TTg phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và giao cho Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương khẩn trương tổ chức thực hiện để sớm đưa hệ thống vào khai thác, sử dụng. Để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trên toàn quốc, rút ngắn thời gian

triển khai, tăng cường sự phối hợp của các Bộ, ngành, địa phương và nâng cao trách nhiệm của công dân trong việc cung cấp thông tin dân cư, ngày 13/3/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 07/CT-TTg về việc tăng cường phối hợp triển khai xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Việc xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư có vị trí, vai trò hết sức quan trọng trong mọi mặt của đời sống xã hội, cụ thể:

Thứ nhất, thông qua việc tổ chức thu thập, cập nhật các thông tin cơ bản của công dân sẽ tạo lập nên một hệ cơ sở dữ liệu về dân cư tập trung, thống nhất từ Trung ương đến địa phương để dùng chung nhằm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin dân cư phục vụ công tác quản lý nhà nước, hoạch định các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội.

Thứ hai, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là căn cứ quan trọng để các cơ quan quản lý nhà nước nghiên cứu, đề xuất lộ trình đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm giấy tờ công dân, khắc phục tình trạng người dân phải sử dụng nhiều giấy tờ cá nhân nhưng lại không đem lại hiệu quả trong công tác giải quyết thủ tục hành chính. Việc tra cứu thông tin trong cơ sở dữ liệu khi giải quyết các thủ tục hành chính sẽ thay thế cho việc phải xuất trình hoặc nộp bản sao có chứng thực các giấy tờ công dân khi thực hiện thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian xử lý, giảm chi phí và thời gian đi lại của nhân dân, nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân.

Thứ ba, thông tin về dân cư được thu thập, cập nhật thường xuyên sẽ góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý dân cư, quản lý chắc biên động dân cư, quản lý các loại đối tượng, hỗ trợ công tác tra cứu, xác minh về nhân thân của công dân, góp phần đảm bảo an ninh, trật tự, đấu tranh phòng chống tội phạm.

Thứ tư, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được xây dựng với mục tiêu kết nối, chia sẻ thông tin về dân cư với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các ngành, lĩnh vực trên toàn quốc, làm tăng khả năng khai thác, cập nhật thông tin về dân cư, hạn chế tối đa sự trùng lặp thông tin, giảm chi phí đầu tư từ ngân sách nhà nước đối với hạ tầng công nghệ thông tin của các cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Đồng thời, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư ra đời cũng góp phần làm giảm khối lượng hồ sơ giấy tờ đang lưu trữ tại các cơ quan hành chính.

Như vậy, việc xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, tạo nền tảng cho công tác quản lý hành chính nhà nước theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp, nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm giấy tờ công dân, giảm thời gian và chi phí giải quyết thủ tục hành chính; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và góp phần phát triển Chính phủ điện tử. Trong đó, việc thu thập thông tin dân cư có ý nghĩa hết sức quan trọng quyết định đến sự thành công của cả hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Vì vậy, để việc triển khai thu thập thông tin dân cư đạt hiệu quả, đảm bảo tiến độ theo kế hoạch đề ra, Công an tỉnh đề nghị mỗi công dân cần nắm vững các quy định của pháp luật về việc xây dựng, quản lý và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; quyền và trách nhiệm trong việc cung cấp và khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và phối hợp thực hiện một số nội dung sau:

- Căn cứ vào các giấy tờ tùy thân, như: sổ hộ khẩu, Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân, Giấy khai sinh... đã được cấp và hướng dẫn của cơ quan Công an để

kê khai đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin cơ bản của bản thân và người thân trong hộ gia đình vào Phiếu thu thập thông tin dân cư do Bộ Công an phát hành;

- Xuất trình các giấy tờ chứng minh thông tin nhân thân phục vụ việc kiểm tra, xác thực tính chính xác của thông tin dân cư được kê khai trong Phiếu.

- Kiểm tra, ký xác nhận vào mẫu Phiếu thu thập thông tin dân cư để đảm bảo căn cứ pháp lý của thông tin được thu thập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Sau khi hoàn thành việc xây dựng hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, mỗi người dân được quyền khai thác thông tin của mình trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để giải quyết thủ tục hành chính và bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp khác. Bên cạnh đó, để đảm bảo thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được cập nhật kịp thời, mỗi người dân cũng có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin khi có sự thay đổi theo quy định.

Chuyên đề 2. Lắp đặt camera quan sát để chủ động phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật.

Camera quan sát là camera dùng với mục đích quan sát một khu vực nào đó, những cảnh phim do camera quay lại được hiển thị liên tục trên màn hình để tìm kiếm những mối nguy cơ an ninh tiềm tàng, hoặc dùng để xem lại những sự kiện đã xảy ra, tùy vào môi trường khác nhau mà dùng những loại camera khác nhau, và hiện nay camera an ninh đang phát triển nhanh chóng tại nhiều quốc gia trên thế giới.

Camera quan sát là một hệ thống video được thiết kế chỉ được xem bởi người dùng cụ thể, hình ảnh được phát sóng, nhưng ghi lại hoặc xem trên một màn hình cụ thể.

1. Các chức năng chính

- Chức năng phát lại hình ảnh đã ghi;

- Chức năng dò tìm dữ liệu để phát lại thông minh, có thể tìm dữ liệu để phát lại theo ngày tháng, sự kiện...

- Phát lại đồng thời hết tất cả camera cùng một lúc, khi cần phóng to hình camera nào thì bấm vào camera đó; ngoài ra, có thể chọn phát lại một thời điểm bất kỳ.

- Zoom kỹ thuật số để phóng to khu vực cần chú ý.

- Người quản lý khi đi công tác xa, thậm chí ở nước ngoài vẫn có thể truy cập vào mạng Internet để lấy dữ liệu hình ảnh đã lưu và phát lại dữ liệu đó một cách dễ dàng như đang ngồi trực tiếp ở máy đó vậy.

2. Ứng dụng trong cuộc sống: Camera quan sát ra đời đã góp phần không nhỏ trong nhiều lĩnh vực của cuộc sống chúng ta, như: Lĩnh vực nghiên cứu không gian; Lĩnh vực thám hiểm các đại dương và địa tầng trái đất; Lĩnh vực quân sự; Lĩnh vực y tế; Lĩnh vực giao thông; Ứng dụng trong cuộc sống hàng ngày...

3. Việc lắp đặt camera quan sát là cực kỳ cần thiết, vì nó mang lại cho bạn:

- Cảm giác yên tâm:

+ Hệ thống camera giám sát với hình ảnh rõ nét, trong từng thời gian, mang lại cho chính bạn cảm giác yên tâm.

+ Hệ thống camera giám sát mang lại cho quý khách hình ảnh rõ nét, trong từng thời gian, giúp bạn cảm giác yên tâm cho chính bạn.

+ Hơn thế việc lắp đặt camera quan sát giúp cửa hàng, siêu thị, cơ quan, doanh nghiệp... của bạn tăng tính chuyên nghiệp, tăng sự tin tưởng về an ninh hơn trong lòng khách hàng, đem lại sự thân thiện với khách hàng.

- Quản lý an ninh cực tốt: Hệ thống camera giúp bạn quan sát trực tiếp, ghi hình, phát lại, thông báo bằng âm thanh, kích hoạt báo động, tự động nhận tín hiệu cảnh báo an ninh bị xâm phạm, phát hiện cháy nổ... Không những thế bạn có thể quan sát từ điện thoại, máy tính bảng và laptop cá nhân.

- Đem lại hiệu quả công việc cao

+ Giúp cho bạn quản lý và kiểm soát cơ quan, doanh nghiệp, cửa hàng, siêu thị... một cách chặt chẽ, tiết kiệm được chi phí và nhân lực. Khi xảy ra bất cứ một sự cố gì đều được hệ thống an ninh ghi lại, từ đó làm tư liệu bằng chứng để tìm ra được nguyên nhân gây ra vấn đề đó.

+ Đặc biệt hơn cả, hệ thống camera giám sát không chỉ để canh chừng kẻ gian chống mất cắp hàng hóa mà còn giúp bạn quan sát và phân tích được hành vi, thói quen mua sắm của khách hàng từ đó có chiến lược kinh doanh cụ thể với từng mặt hàng.

4. Giải pháp thực tế đang áp dụng

- Camera quan sát cho nhà riêng:

+ Nếu bạn là người bận rộn trong công việc hàng ngày, bạn không có thời gian để quản lý ngôi nhà của bạn, khu bạn đang sống an ninh không đảm bảo khiến bạn thật sự an tâm khi bạn vắng nhà?

+ Nếu bạn có con nhỏ, bạn không thể trông nom chúng, bạn cần phải thuê người giúp việc để giữ chúng. Nhưng liệu bạn có đủ tin tưởng với người giúp việc đó hay không? Nếu con bạn đã trưởng thành. Bạn có thể nhắc nhở và theo dõi con mình ở nhà có ngoan không?

→ Với hệ thống camera quan sát, người sử dụng chỉ cần xem, quan sát theo dõi hoạt động của mọi thành viên trong gia đình trên máy vi tính hoặc thiết bị di động (smart phone) ngay cả khi bạn không có mặt tại nhà.

- Camera quan sát cho cửa hàng, shop...

+ Bạn là 1 chủ cửa hàng, 1 shop thời trang, hoặc 1 quán café nào đó; Bạn muốn việc quản lý của mình tốt hơn? Bạn muốn biết *“thái độ phục vụ của nhân viên bạn như thế nào đối với khách hàng?”* *“Cửa hàng, shop... của bạn một ngày có bao nhiêu lượt khách ghé thăm?”*...

→ Camera quan sát có thể nói như đôi mắt thứ 2 của bạn. Bạn hoàn toàn có thể quản lý một cách chủ động hơn. Bạn có thể thấy được những thiếu sót trong kinh doanh mà có thể bạn chưa nhận ra.

- Camera quan sát cho nhà xưởng, văn phòng...

+ Quản lý nhân sự. Vấn đề được đặt ra từ các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân... là làm sao có được công cụ quản lý tốt hơn và hệ thống bảo mật hơn.

+ Có ý kiến cho rằng: “*lắp đặt camera quan sát nhưng tôi đâu có thời gian mà ngồi quan sát từng giờ, từng phút*”. Tuy nhiên điều đó chưa hoàn toàn đúng. Vì ngoài việc quan sát, camera còn có thể ghi lại hình ảnh suốt 24/24. Cho nên đối với nhân viên, công nhân (*những người lao động nói chung*) hệ thống camera sẽ đảm bảo họ làm việc tự giác hơn bao giờ hết, không cần phải giám sát trực tiếp, không cần phải nhắc nhở. Với cách làm việc nhiệt tình và có kỷ luật dẫn tới năng suất lao động cũng tăng theo.

+ Trong quá trình sản xuất, kinh doanh, lãnh đạo dù ở nơi đâu vẫn có thể quan sát và điều hành nhân sự một cách tối ưu nhất, công việc đạt hiệu quả cao nhất.

→ Khi năng suất lao động tăng cao kéo theo lợi nhuận của công ty tăng lên, đồng thời lợi ích của người lao động cũng nâng lên, đời sống được cải thiện đáng kể, từ đó người lao động càng gắn bó chặt chẽ với doanh nghiệp.

Trong cuộc sống, camera quan sát được ứng dụng ngày càng rộng rãi, từ các phương tiện nghe nhìn như: camera KTS du lịch, camera KTS quay phim chuyên nghiệp cho đến các máy chụp ảnh KTS... Với sự ứng dụng camera quan sát vào việc giám sát an ninh đã giúp con người tăng cường công tác bảo vệ tính mạng và tài sản. Camera lắp đặt trong các công ty, nhà máy, kho tàng, cho đến các Showroom đã giúp các nhà quản lý có thể di chuyển bất cứ nơi nào mà vẫn kiểm soát được công việc kinh doanh tại Công ty mình. Mọi sự việc diễn ra trong doanh nghiệp đều được camera giám sát và kiểm soát, khi có “lệnh” của ông chủ, lập tức đầu ghi hình sẽ “tua” lại hình ảnh tại từng thời điểm cho ông chủ xem và xử lý.... Đối với những nơi khắc nghiệt như: các công trường đang thi công, hầm mỏ, nơi nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp... camera được lắp đặt để Bộ phận quản lý có thể giám sát 24/24 nhằm quản lý và giám sát chất lượng được liên tục, nhiều góc độ, nhiều khu vực cùng một lúc và trong nhiều thời điểm khác nhau.

Với hiệu quả vô cùng to lớn và việc được ứng dụng rộng rãi trong đời sống, camera quan sát đã trở nên quen thuộc với mỗi chúng ta. Hiện nay, khi công nghệ camera đưa người dùng đến với những thay đổi tích cực về hình ảnh, tốc độ xử lý nhanh chóng, mang lại cảm giác yên tâm... con người dần có những xu hướng sử dụng camera hiện đại, chất lượng hơn.

Chuyên đề 3. Phòng ngừa, ngăn chặn và tổ chức cứu chữa các vụ cháy nhà ở, cháy nhà ở kết hợp kinh doanh.

1. Tình hình cháy nhà ở, nhà ở kết hợp kinh doanh

Thời gian gần đây, tình hình cháy xảy ra đối với nhà ở của hộ gia đình diễn biến phức tạp, một số trường hợp gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản. Trong năm 2017, cả nước xảy ra 4.074 vụ cháy, (*trong đó có 2.057 vụ cháy tại khu dân cư, hộ gia đình, chiếm 50,5%*) làm chết 96 người, bị thương 203 người, thiệt hại về tài sản trị giá 2.120 tỷ đồng và 339 ha rừng; xảy ra 21 vụ nổ, làm chết 11 người, bị thương 24 người, thiệt hại về tài sản 4.164 triệu đồng; quý I năm 2018: Cả nước xảy ra 1.040 vụ cháy (*trong đó 1.019 vụ cháy nhà dân và phương tiện giao thông cơ giới; 21 vụ cháy rừng*)

làm chết 31 người, bị thương 42 người; thiệt hại về tài sản khoảng 271,4 tỷ đồng và 22 ha rừng; xảy ra 03 vụ nổ, làm chết 02 người, bị thương 01 người, thiệt hại về tài sản 10 triệu đồng.

Trên địa bàn tỉnh Sơn La, năm 2017 xảy ra 39 vụ cháy (*trong đó 22 vụ cháy nhà dân, chiếm 77%*), làm 03 người chết, 02 người bị thương, thiệt hại về tài sản khoảng 5,4 tỉ đồng; quý I năm 2018 xảy ra 13 vụ cháy (*10 vụ cháy nhà dân*), bị thương 02 người, thiệt hại về tài sản trên 1,7 tỷ đồng.

- So sánh với năm 2016: Số vụ cháy trên cả nước tăng 492 vụ = 13,7% (4.074/3.582 vụ); số người chết giảm 9 người = 8,6% (96/105 người); số người bị thương tăng 41 người = 25,3% (203/162 người); thiệt hại về tài sản tăng 919 tỷ đồng = 76,5% (2.120/1.201 tỷ đồng).

- Phân tích theo địa bàn xảy ra cháy: Thành thị: 2.518 vụ = 61,8%; nông thôn 1.556 vụ = 38,2%; Theo khu vực kinh tế xảy ra cháy: nhà dân 2.057 vụ = 50,5%; Kinh tế tư nhân 1.573 vụ = 38,6%; kinh tế nhà nước 301 vụ = 7,4%; kinh tế tập thể 98 vụ = 2,4%; liên doanh và 100% vốn nước ngoài 45 vụ = 1,1%.

- Về nguyên nhân cháy: Đã điều tra làm rõ nguyên nhân 3.573 vụ cháy chiếm 87,7%, trong đó: do sự cố hệ thống và thiết bị điện 2.004 vụ = 49,2%; sơ suất trong sử dụng lửa, điện, xăng dầu, khí đốt, hóa chất 1.275 vụ = 31,3%; do đốt 143 vụ = 3,5%; vi phạm quy trình, quy định an toàn 82 vụ = 2%; do tác động của hiện tượng thiên nhiên 20 vụ = 0,5%; nguyên nhân khác 49 vụ = 1,2%. Có 501 vụ chưa rõ nguyên nhân, chiếm 12,3%.

Tình hình cháy nhà dân diễn biến phức tạp (*xảy ra 2.057 vụ = 50,5%*), có vụ gây thiệt hại nghiêm trọng về người, nguyên nhân chủ yếu do sơ suất, bất cẩn, thiếu ý thức trong việc chấp hành các quy định về PCCC. **Một số vụ cháy nhà dân điển hình:**

- Ngày 10/6/2016, xảy ra cháy tại cửa hàng bếp từ Tân Phú Gia trên đường Lũy Bán Bích, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh làm 4 người tử vong, nguyên nhân do sự cố về điện.

- Ngày 31/7/2016, xảy ra cháy tại căn nhà số 91 đường Phan Bội Châu, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau, khiến 06 người trong gia đình tử vong, nguyên nhân do sự cố về điện.

- Ngày 01/11/2016, xảy ra cháy tại quán karaoke, số 68 phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Sau 7 tiếng chữa cháy, lực lượng chức năng phát hiện 13 nạn nhân tử vong (12 nam, 01 nữ). Mặt tiền 04 căn nhà cao khoảng 08 tầng bị thiêu rụi hoàn toàn, nhiều xe máy và ô tô hư hỏng. Nguyên nhân do tàn lửa trong khi hàn cắt kim loại gây cháy.

- Ngày 16/12/2016, xảy ra cháy tại tầng trệt căn nhà hai lầu trong hẻm 453, đường Lê Văn Sỹ, phường 12, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, làm chết 6 người cùng trong một gia đình, trong đó có 03 trẻ em từ 01-07 tuổi, nguyên nhân do sự cố về điện.

- Hồi 01h ngày 26/02/2017, tại một con hẻm trên đường 30/4 - phường Phú Hòa, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xảy ra cháy khiến 04 người tử vong, nguyên nhân do chập điện.

- Khoảng 0h20' ngày 12/3/2017, tại cơ sở kinh doanh trại hòm số 1686 đường tỉnh lộ 10, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh xảy ra cháy khiến 04 người tử vong, nguyên nhân do chập điện.

- Vào lúc 10h30 ngày 29/7/2017, tại thôn Thượng, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội xảy ra vụ cháy nhà ở kết hợp xưởng sản xuất bánh kẹo, làm 08 người chết, 02 người bị thương, toàn bộ tài sản trong căn nhà bị hủy hoại. Nguyên nhân do tia lửa hàn cắt kim loại bắn vào xốp trong xưởng gây cháy.

2. Nguyên nhân cháy

- Nguyên nhân dẫn đến tình hình cháy gia tăng thời gian qua một phần là tính tất yếu của quá trình phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, các dự án, công trình, khu công nghiệp, khu chế xuất, các nhà máy, xí nghiệp và các chợ, trung tâm thương mại phát triển mạnh dẫn đến nguy cơ và điều kiện phát sinh cháy, nổ gia tăng.

- Việc chấp hành và duy trì các điều kiện về an toàn PCCC&CNCH trong quá trình thiết kế, xây dựng và hoạt động chưa được quan tâm, đầu tư và duy trì đúng mức.

- Do một bộ phận nhân dân thiếu kiến thức cơ bản về PCCC nên chủ quan, lơ là, xem nhẹ công tác phòng ngừa, khi xảy ra cháy không xử lý kịp dẫn đến thiệt hại lớn về người, tài sản.

- Công tác tuyên truyền phổ biến kiến thức pháp luật quy định về công tác PCCC của các cấp, các ngành và nhân dân chưa tích cực, chưa đồng bộ, còn có những hạn chế nhất định.

3. Hướng dẫn các giải pháp an toàn về PCCC Đối với nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh

3.1. Các giải pháp ngăn cháy lan

- Đối với nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh nên bố trí tách biệt nơi chứa hàng hóa, chất nguy hiểm về cháy, nổ với nơi ở, sinh hoạt.

- Đối với nơi sản xuất, kinh doanh, chứa hàng hóa, chất nguy hiểm về cháy, nổ, nơi để phương tiện giao thông cơ giới, cần có giải pháp ngăn cháy với lối thoát nạn.

- Đối với nhà ở có tầng hầm, tầng nửa hầm, cần có giải pháp ngăn khói, ngăn cháy lan lên tầng trên qua cầu thang bộ, cầu thang máy, trục kỹ thuật thông tầng; không nên bảo quản, sử dụng chất khí, chất lỏng dễ cháy, nổ trong tầng hầm.

- Đối với nhà ở liền kề cần hạn chế tối đa xây dựng bằng các vật liệu dễ cháy.

3.2. Các giải pháp thoát nạn

- Đối với nhà có 01 lối thoát nạn, cần bố trí thêm phương án thoát nạn khác, có thể là cầu thang sắt ngoài nhà, ống tụt hoặc thang dây, dây thả chậm đặt tại ban công, lô gia, sân thượng...

- Đối với lối đi, lối thoát nạn, cần có giải pháp giảm thiểu đến mức thấp nhất các tác động của các yếu tố nguy hiểm từ đám cháy, cụ thể:

+ Trên hành lang, lối thoát nạn, cầu thang thoát nạn của nhà, không nên để các thiết bị, vật dụng nhô ra khỏi mặt tường ở độ cao dưới 2m (*chiều cao được xác định từ*

sàn nhà hoặc bậc thang, chiếu nghỉ đến mép dưới của thiết bị, vật dụng), các ống dẫn chất lỏng, chất khí dễ cháy.

+ Cầu thang bộ thoát nạn trong nhà nên sử dụng vật liệu không cháy hoặc khó cháy; hạn chế cầu thang xoắn ốc.

+ Lối thoát nạn từ cầu thang bộ tại tầng 1 nên bố trí thoát ra ngoài trực tiếp hoặc qua lối đi an toàn có đủ chiều rộng cho người di chuyển thuận lợi. Không nên để phương tiện, hàng hóa, đồ dùng, vật liệu dễ cháy gần nguồn lửa, nguồn nhiệt hoặc liền kề lối thoát nạn.

+ Cửa đi ra ngoài nhà tại tầng 1 nên sử dụng cửa có bản lề (*cửa cánh*), cửa được mở ra phía ngoài, hạn chế lắp đặt cửa trượt ngang, cửa cuốn; nên bố trí nơi để chìa khóa, dụng cụ phá dỡ thông thường (*búa, rìu, xà beng...*) trong nhà để kịp thời mở hoặc phá cửa khi xảy ra sự cố cháy, nổ. Trường hợp lắp đặt cửa cuốn, cần có bộ lưu điện và bộ tời bằng tay để mở cửa khi mất điện hoặc khi động cơ bị hỏng.

+ Đối với nhà ở có ban công, lô gia hoặc cửa sổ ở mặt tiếp giáp với đường giao thông, cần bảo đảm thông thoáng để thoát nạn khi cần thiết; trường hợp lắp đặt lồng sắt, lưới sắt, nên bố trí ô cửa đủ để thoát nạn khi có cháy, nổ. Việc lắp đặt biển quảng cáo bên ngoài nhà cần chấp hành quy định của pháp luật hiện hành và bảo đảm an toàn PCCC.

+ Đối với tầng mái (*sân thượng*), nên có lối lên từ tầng dưới qua cầu thang hoặc ô cửa có kích thước đủ rộng để có thể di chuyển lên tầng mái và tính toán đến khả năng thoát nạn sang nhà liền kề.

3.3. Đảm bảo an toàn trong quản lý, sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt

- Tại nơi đun nấu: không nên để hàng hóa, chất dễ cháy gần nơi đun nấu. Khi sử dụng bếp, cần lưu ý:

+ Đối với bếp GAS: cần tắt bếp và đóng van bình gas khi không sử dụng; thường xuyên kiểm tra ống dẫn gas, van khóa, van an toàn để kịp thời thay thế khi bị hư hỏng. Vị trí đặt bình gas, bếp gas cần bảo đảm thông thoáng và không để gần các thiết bị điện, thiết bị sinh lửa, sinh nhiệt; nên lắp đặt đầu báo dò khí gas tại khu vực đặt bình gas, bếp gas. Trường hợp sử dụng hệ thống cấp khí đốt trung tâm, cần thiết kế, lắp đặt, nghiệm thu theo đúng quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.

+ Đối với bếp điện (*bếp từ, hồng ngoại...*), cần bố trí đường dây điện phù hợp với công suất của bếp và có thiết bị đóng ngắt, bảo vệ (*cầu dao, cầu chì, aptomat...*).

+ Đối với bếp dầu: Thường xuyên lau chùi sạch sẽ; không rót dầu vào bếp khi bếp đang cháy; không dùng xăng làm nhiên liệu cho bếp dầu.

- Tại khu vực thờ cúng:

+ Vách, trần nhà nên sử dụng vật liệu không cháy hoặc khó cháy; đèn, bát hương, nến khi thắp cần đặt chắc chắn trên mặt phẳng để tránh bị đổ vỡ, trường hợp đặt trên vật dụng khác thì nên sử dụng là loại không cháy hoặc khó cháy (*miếng lót bằng kim loại, bát đĩa, cốc...*); không nên thắp đèn, hương, nến khi đi ngủ hoặc không có người ở nhà.

+ Khi đốt vàng mã nên có người trông coi; nơi đốt vàng mã phải cách xa khu vực có chất cháy, cần được che chắn tránh cháy lan hoặc bị gió cuốn tàn lửa.

3.4. Bảo đảm an toàn trong lắp đặt, sử dụng hệ thống điện

- Hệ thống điện cần được thiết kế, lắp đặt bảo đảm đủ công suất cấp cho các thiết bị sử dụng, có thiết bị đóng, ngắt, bảo vệ (*cầu dao, cầu chì, aptomat...*) cho hệ thống điện chung toàn nhà, từng tầng, nhánh và thiết bị tiêu thụ điện có công suất lớn (*điều hòa, bình nóng lạnh...*). Cầu dao, aptomat nên lắp đặt tại vị trí thuận tiện cho việc ngắt điện.

- Khi lắp đặt thêm thiết bị tiêu thụ điện, cần tính toán cụ thể sao cho phù hợp giữa công suất tiêu thụ của thiết bị, dây dẫn, thiết bị bảo vệ, tránh gây quá tải; không nên sử dụng nhiều thiết bị điện trên cùng một ổ cắm.

- Khi lắp đặt các thiết bị điện sinh nhiệt lớn (*đèn sưởi, quạt sưởi, lò nướng...*), cần có khoảng cách an toàn đến các vật dụng dễ cháy.

- Kiểm tra và tắt các thiết bị điện khi không sử dụng trước khi đi ngủ hoặc ra khỏi nhà.

- Lắp đặt tách biệt hệ thống điện phục vụ sinh hoạt với hệ thống điện phục vụ sản xuất, kinh doanh, kho chứa đựng hàng hóa.

- Trong khu vực chứa đựng nhiều hàng hóa, chất cháy cần lắp đặt hệ thống điện đảm bảo an toàn (*Bóng điện phòng nổ, dây đi trong tường hoặc được luôn trong ống chống cháy, bảng điện nên bố trí ra phía ngoài...*)

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị điện bị hư hỏng hoặc không bảo đảm an toàn.

3.5. Đảm bảo an toàn trong sắp xếp, bảo quản tài sản, vật dụng, chất cháy

- Không nên để xăng, dầu, khí đốt, chất lỏng dễ cháy, chất nổ ở trong nhà; trường hợp cần thiết thì chỉ nên dự trữ số lượng tối thiểu đáp ứng nhu cầu sử dụng và bảo quản ở nơi thông thoáng, cách xa nguồn lửa, nguồn nhiệt và chất dễ cháy.

- Ô tô, mô tô, xe gắn máy, máy phát điện để cách xa nơi đun nấu, nguồn lửa, nguồn nhiệt.

- Sắp xếp, bảo quản tài sản, vật dụng theo từng loại bảo đảm gọn gàng, không cản trở lối đi, lối thoát nạn; không nên để hàng hóa, chất cháy gần ổ cắm điện, công tắc, aptomat, thiết bị tiêu thụ điện sinh nhiệt.

- Hàng hóa dễ cháy cần bố trí trong khu vực hoặc phòng riêng và loại trừ yếu tố có thể dẫn đến tự cháy do phát sinh nhiệt hoặc do phản ứng hóa học giữa các chất.

- Đối với hộ gia đình hoặc cụm dân cư cần thiết phải xây dựng phương án chữa cháy, phương án cứu nạn cứu hộ phù hợp với điều kiện thực tế.

3.6. Trang bị phương tiện chữa cháy

Hộ gia đình nên tự trang bị phương tiện chữa cháy phù hợp với đặc điểm hoạt động và điều kiện của từng hộ gia đình như bình chữa cháy, đèn chiếu sáng sự cố, mặt nạ phòng độc, thang dây, dụng cụ phá dỡ... Trường hợp nhà ở kết hợp với sản xuất, kinh doanh thì trang bị phương tiện PCCC phù hợp với quy mô, tính chất, đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh, cần thiết thì lắp đặt hệ thống báo cháy, chữa cháy tự động phù hợp.

Chuyên đề 4. Công tác phòng, chống và đảm bảo an toàn khi xảy ra tai nạn, thiên tai, thảm họa.

I. Kỹ năng tự thoát nạn khi xảy ra tai nạn, thiên tai, thảm họa

1. Một số định nghĩa

- *Thảm họa*: là sự cố, tai nạn gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng về người, tài sản, gây tác động xấu và để lại hậu quả lâu dài đối với đời sống xã hội và môi trường trên phạm vi rộng lớn.

- *Thiên tai*: là các hiện tượng do thiên nhiên gây ra sự tổn hại về người, vật chất, hệ sinh thái như bão lũ, sóng thần, động đất, biến đổi khí hậu... chưa đến mức thảm họa.

- *Tai nạn*: là chấn thương không chủ ý, là một sự kiện không mong muốn, ngẫu nhiên và không có kế hoạch, dẫn đến bị thương hoặc chết người.

2. Khi xảy ra các tai nạn, sự cố, thiên tai, thảm họa thường đi kèm với thiệt hại vô cùng lớn về người, tài sản. Việc trang bị kiến thức, sự hiểu biết và vận dụng kỹ năng sống, kỹ năng sinh tồn (*ngoài bản năng của con người*) về những nguy cơ tai nạn, sự cố, thiên tai, thảm họa là vô cùng cần thiết, nó giúp cho con người tồn tại nhiều hơn, lâu hơn trong mọi điều kiện khắc nghiệt để tự thoát ra khỏi nơi nguy hiểm hoặc đủ thời gian để các lực lượng đến giải cứu. Ví dụ: vụ mắc kẹt trong hang đá của 13 thầy trò đội bóng đá thiếu niên tại Thái Lan hoặc khi xảy ra cháy tại tầng hầm chung cư Carina tại Thành phố Hồ Chí Minh...

3. Hướng dẫn các kỹ năng thoát nạn đối với một số sự cố, tai nạn

3.1. Sự cố công trình

- Giữ bình tĩnh, di chuyển đến nơi an toàn như góc nhà, hành lang, cầu thang,.. hoặc bên dưới các đồ vật có tác dụng che chắn.

- Nếu không di chuyển được thì hô hét, gõ mạnh vào tường để gây sự chú ý tới người xung quanh.

- Bật đèn chiếu sáng của điện thoại (*nếu có*) để báo vị trí cho người xung quanh.

- Nếu có khả năng bị mắc kẹt trong thời gian dài, nên tiết kiệm pin điện thoại (*tắt nguồn điện thoại, chỉ bật lên vào những lúc cần thiết*) để giữ liên lạc với lực lượng cứu nạn, cứu hộ trong thời gian lâu nhất có thể.

- Tin tưởng vào lực lượng cứu nạn, cứu hộ và lực lượng Cảnh sát PCCC.

3.2. Sự cố cháy, nổ

- Nếu đám cháy chưa lan đến phòng:

+ Hết sức giữ bình tĩnh và phản ứng ngay khi có dấu hiệu hỏa hoạn (*ngửi thấy mùi cháy, khét, thấy khói, chuông báo cháy kêu*)... Lấy một chiếc chăn trùm người bạn lại (*loại không quá mỏng hay quá dày để bạn có thể dễ dàng di chuyển*) và nhanh chóng thoát ra khỏi nơi xảy ra cháy.

+ Nếu không may lửa bén thì có thể tìm đến nguồn nước gần nhất hoặc ngay lập tức nằm xuống, hai tay úp vào mặt và lăn qua lăn lại cho đến khi lửa tắt. Không được chạy vì gió có thể làm lửa cháy bùng thêm. Không nhảy vào hồ bơi, bể chứa hay thùng nước vì nước có thể đã bị nấu sôi dưới tác động của đám cháy.

+ La lớn và kêu gọi mọi người cùng thoát nạn. Nếu điện thoại còn sử dụng được, nhanh chóng gọi 113 (*Công an*), 114 (*cứu hỏa*) hoặc 115 (*cấp cứu*) để báo cho họ biết vị trí của bạn đang đứng. Di chuyển đến nơi an toàn, hoặc ra ban công, dùng quần áo sáng màu để vẫy, ra hiệu để mọi người đến cứu.

+ Nếu cháy chưa lan đến hành lang, hãy tìm cửa thoát hiểm gần nhất và thoát ra ngoài.

- Nếu đám cháy đang lan đến phòng:

+ Hãy đóng cửa lại để bảo vệ ngọn lửa không bén vào phòng. Ở trường hợp này, bạn hãy:

+ Cảm nhận sức nóng của cánh cửa bằng mu bàn tay. Bờ mu bàn tay tập trung nhiều dây thần kinh nên sẽ giúp bạn xác định chính xác độ nóng của bề mặt cửa; đồng thời phản xạ tự nắm tay sẽ giúp bạn không bị bỏng hoặc điện giật.

+ Nếu thấy cửa chưa nóng, hãy mở cửa từ từ và quan sát xung quanh. Khói sẽ bay ở phía trên nên bạn hãy nằm sát mặt đất và trườn ra ngoài. Càng nằm sát đất, bạn càng dễ thoát khỏi đám cháy bởi khói phía trên không chỉ là khói mà còn là không khí bị hun nóng cùng nhiều khí độc khác.

+ Cố gắng không hít khói. Sử dụng áo, miếng vải, mền hay bất cứ thứ gì có thể làm ướt được, làm ướt nó và chụp nó vào mũi, miệng khi trườn qua đám lửa.

+ Nếu thấy cửa nóng, điều đó có nghĩa lửa đang tiến lại rất gần. Đừng mở cửa, hãy tìm lối thoát khác như cửa sổ, cửa thoát hiểm...

- Trong trường hợp bạn bị kẹt:

+ Hãy cố gắng đến được chỗ mà lực lượng cứu hỏa và cấp cứu có thể nghe hoặc thấy bạn.

+ Tuyệt đối không mở cửa sổ, oxy bên ngoài cửa sổ sẽ thu hút lửa từ cửa chính và làm bạn bị kẹt trong lửa. Lấy khăn hoặc bất cứ thứ gì bạn tìm được chặn phía dưới cửa chính để ngăn không cho khói bay vào phòng.

+ Chỉ trèo ra ngoài cửa sổ và nhảy xuống nếu an toàn hoặc có người trợ giúp. Nếu bắt buộc phải nhảy từ cửa sổ, hãy tìm một cái gờ để bám vào, bạn có thể đi trên gờ, quay mặt vào bờ tường. Nhớ luôn úp mặt vào bờ tường khi chui ra từ cửa sổ ở trên cao. Vì khi đó, bạn có thể dùng hết sức mình để bám vào tường và đáp đất một cách an toàn hơn.

+ Tuy nhiên, lý tưởng nhất vẫn là ngồi yên trong phòng, cách ly lửa bên ngoài bằng cửa phòng đóng chặt, chặn khói lan trong phòng, lấy bất cứ thứ gì bạn tìm thấy được, làm ướt - che mũi và miệng bạn để lọc không khí và chờ ai đó sẽ đến cứu.

+ Tuyệt đối không sử dụng thang máy làm lối thoát nạn.

II. Biện pháp nhằm giảm thiểu thiệt hại khi xảy ra thiên tai, thảm họa

1. Phải xây dựng phương án ứng phó khi xảy ra thiên tai, thảm họa

1.1. Phương án ứng phó thiên tai bao gồm một số nội dung chính sau đây:

- Bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai và công trình trọng điểm (ví dụ: đê, kè, cống, bờ bao, hồ, đập, hệ thống trạm bơm, kênh, mương tưới tiêu...);
- Phương án và địa điểm sơ tán, bảo vệ người, tài sản, bảo vệ sản xuất.
- Đảm bảo an ninh trật tự, giao thông, thông tin liên lạc.
- Phối hợp chỉ đạo, chỉ huy phòng tránh, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;
- Xác định nguồn nhân lực ứng phó thiên tai;
- Chuẩn bị vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm cho hoạt động phòng, chống thiên tai (theo phương châm bốn tại chỗ: chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ);
- Tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập kỹ năng phòng, chống thiên tai;
- Tổ chức thường trực, trực ban cập nhật thông tin diễn biến thiên tai; chuẩn bị địa điểm sơ tán; tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập kỹ năng phòng, chống thiên tai.

1.2. Phương án ứng phó đối với một số loại thiên tai cụ thể:

** Đối với bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng, sạt lở, sạt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy:*

- Sơ tán người ra khỏi khu vực nguy hiểm, nơi không đảm bảo an toàn; tập trung triển khai biện pháp đảm bảo an toàn cho người, đặc biệt chú ý các đối tượng dễ bị tổn thương trong tình huống thiên tai khẩn cấp;
- Phối hợp với các đơn vị hữu quan di chuyển tàu thuyền, phương tiện nuôi trồng thủy sản trên biển, ven biển, trên sông ra khỏi khu vực nguy hiểm; tổ chức kiểm đếm, hướng dẫn tàu thuyền neo đậu an toàn;
- Thực hiện biện pháp đảm bảo an toàn đối với nhà cửa, công sở, bệnh viện, trường học, kho tàng, công trình và cơ sở kinh tế, an ninh, quốc phòng trong địa bàn...
- Chủ động thực hiện biện pháp bảo vệ sản xuất;
- Kiểm tra, phát hiện và xử lý sự cố công trình phòng, chống thiên tai; công trình trọng điểm về kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng;
- Giám sát, hướng dẫn và chủ động thực hiện việc hạn chế hoặc cấm người, phương tiện đi vào khu vực nguy hiểm trên sông, trên biển, khu vực và tuyến đường bị ngập sâu, khu vực có nguy cơ sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy và khu vực nguy hiểm khác;
- Đảm bảo giao thông và thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai;
- Thực hiện hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị chia cắt, khu vực ngập lụt nghiêm trọng và địa điểm sơ tán;
- Đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của Nhà nước và nhân

dân tại khu vực xảy ra thiên tai;

- Huy động khẩn cấp và tuân thủ quyết định chỉ đạo, huy động khẩn cấp về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để kịp thời ứng phó với thiên tai.

** Đối với hạn hán và xâm nhập mặn:*

- Điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ phù hợp với dự báo, cảnh báo và tình hình diễn biến hạn hán và xâm nhập mặn;

- Kiến nghị vận hành hợp lý các hồ chứa nước có liên quan đến khu vực bị hạn hán, xâm nhập mặn, công trình cấp nước, ưu tiên cấp nước sinh hoạt; sử dụng tiết kiệm, chống thất thoát nước;

- Kiến nghị ưu tiên cung cấp điện và vật tư, nhiên liệu cần thiết cho các trạm bơm;

- Phối hợp với các đơn vị hữu quan trong việc quan trắc độ mặn, điều hành đóng mở công lấy nước và ngăn mặn phù hợp với từng tình huống cụ thể.

** Đối với sương muối, rét hại:*

- Triển khai biện pháp chống rét cho người, đặc biệt cho các đối tượng dễ bị tổn thương;

- Triển khai chống rét và đảm bảo nguồn thức ăn cho gia súc;

- Triển khai biện pháp bảo vệ cây trồng phù hợp.

** Đối với động đất, sóng thần:*

- Chủ động trú, tránh, đảm bảo an toàn khi xảy ra động đất;

- Chủ động sơ tán ra khỏi khu vực chịu ảnh hưởng của sóng thần;

- Tổ chức tìm kiếm cứu nạn, cứu chữa người bị thương;

- Bố trí nơi ở tạm, hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống, nhu yếu phẩm khác cho người dân bị ảnh hưởng;

- Đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của Nhà nước và nhân dân tại khu vực xảy ra thiên tai.

2. Phải tổ chức khắc phục hậu quả khi xảy ra thiên tai, thảm họa

2.1. Triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm thiết yếu khác và hỗ trợ tâm lý để ổn định đời sống của người dân:

- Cấp cứu kịp thời người gặp nguy hiểm; tìm kiếm người, phương tiện mất tích;

- Tiếp tục sơ tán người ra khỏi nơi nguy hiểm, ưu tiên đối tượng dễ bị tổn thương;

- Lập các trạm cấp cứu tạm thời hoặc trung dụng có thời hạn trụ sở cơ quan, trường học, cơ sở y tế tại khu vực có thiên tai để tiếp nhận cấp cứu người bị nạn;

- Xác định đối tượng cần được cứu trợ bao gồm cá nhân bị thương, hộ gia đình có người bị chết; hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, không có lương thực, nước uống và

nhu yếu phẩm khác có nguy cơ ảnh hưởng tới tính mạng và sức khỏe, đặc biệt quan tâm tới đối tượng dễ bị tổn thương;

- Huy động người, vật tư, trang thiết bị, thuốc chữa bệnh để tham gia cứu chữa người bị nạn;

- Dựng các lán trại tạm thời cho người dân bị mất nhà ở;

- Cấp phát lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nước sạch và nhu yếu phẩm thiết yếu.

2.2. Thống kê, đánh giá thiệt hại, nhu cầu cần cứu trợ:

- Thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra, nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ và đề xuất phương án khắc phục hậu quả;

- Kiến nghị hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh và nhu yếu phẩm thiết yếu khác để ổn định đời sống của người dân, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh ở khu vực bị tác động của thiên tai;

- Kiến nghị hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư, trang thiết bị, nhiên liệu thiết yếu khác để phục hồi sản xuất;

- Tổ chức vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh ở khu vực bị tác động của thiên tai;

- Lập kế hoạch và đề xuất sửa chữa, khôi phục, nâng cấp công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, thông tin, thủy lợi, điện lực, trường học, cơ sở y tế và công trình hạ tầng công cộng.

Chuyên đề 5. Huy động toàn dân tham gia quản lý, giáo dục, giúp đỡ người làm lỗi tại cộng đồng dân cư.

1. Tình hình

Người làm lỗi tại cộng đồng dân cư bao gồm người chấp hành xong án phạt tù, người đi Cơ sở giáo dục, Trường giáo dưỡng, đi Cơ sở cai nghiện bắt buộc... trở về địa phương sinh sống và những người có hành vi vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự; người đang chấp hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn; bị phạt tù cho hưởng án treo; bị phạt cải tạo không giam giữ; người được tạm hoãn, tạm đình chỉ thi hành các biện pháp xử lý hành chính khác...

Theo số liệu thống kê, năm 2017 toàn tỉnh có 3.017 người chấp hành xong án phạt tù đang cư trú tại địa phương, trong đó có 120 người tái phạm và vi phạm pháp luật. Ngoài ra, toàn tỉnh còn có trên 8.400 người nghiện ma túy. Đa số người chấp hành xong án phạt tù về địa phương đều không có việc làm ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn, một số thuộc diện hộ nghèo. Đây là một trong những nguyên nhân dễ dẫn đến tái phạm hoặc vi phạm pháp luật, đặt ra yêu cầu phải đẩy mạnh công tác quản lý, giáo dục giúp đỡ người làm lỗi tại địa bàn cơ sở.

Quản lý, giáo dục, giúp đỡ người làm lỗi tại cộng đồng dân cư là việc làm thường xuyên của toàn xã hội, trực tiếp dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền ở địa phương, sự tham gia phối hợp của các tổ chức quần chúng, cơ quan, đơn vị...

2. Các biện pháp, hình thức quản lý, giáo dục, giúp đỡ người làm lỗi

- Thông tin, truyền thông giáo dục về tái hòa nhập cộng đồng nhằm định hướng khuyến khích, động viên việc quản lý, giáo dục, giúp đỡ, xóa bỏ sự định kiến, kỳ thị, phân biệt đối xử đối với người làm lỗi tại khu dân cư, giúp họ ổn định cuộc sống, tái hòa nhập cộng đồng,

- Quản lý, giáo dục, giúp đỡ người làm lỗi tại khu dân cư tái hòa nhập cộng đồng:

+ Tổ chức thực hiện công tác tiếp nhận; phân công tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm quản lý, giáo dục, giúp đỡ người làm lỗi tại khu dân cư tái hòa nhập cộng đồng;

+ Tư vấn, trợ giúp về tâm lý, hỗ trợ các thủ tục pháp lý giúp đỡ người làm lỗi tại khu dân cư tái hòa nhập cộng đồng;

+ Hướng dẫn làm các thủ tục đăng ký hộ khẩu, cấp Giấy CMND, xóa án tích, cấp phiếu lý lịch tư pháp;

+ Quản lý giám sát người làm lỗi tại khu dân cư; giáo dục, hướng dẫn chấp hành pháp luật, nghĩa vụ công dân; phát hiện, ngăn chặn, xử lý khi có hành vi vi phạm pháp luật;

+ Hỗ trợ kinh phí, cho vay vốn, tổ chức học tập, dạy nghề, tìm kiếm, giới thiệu việc làm cho người làm lỗi.

+ Tạo các điều kiện cần thiết khác giúp người làm lỗi ổn định cuộc sống, hòa nhập cộng đồng, tránh tái phạm.

- Dạy nghề, giải quyết việc làm cho người làm lỗi tại khu dân cư.

- Trợ giúp về tâm lý và hỗ trợ các thủ tục pháp lý cho người làm lỗi.

- Các biện pháp hỗ trợ hoạt động tái hòa nhập cộng đồng đối với người làm lỗi tại khu dân cư:

+ Nhà nước khuyến khích các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các hoạt động tư vấn, dạy nghề, giới thiệu việc làm, giúp đỡ người làm lỗi tại khu dân cư tái hòa nhập cộng đồng; khuyến khích việc tiếp nhận người làm lỗi tại khu dân cư vào làm việc trong các cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh.

+ Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, giáo dục, giúp đỡ người làm lỗi tại khu dân cư tái hòa nhập cộng đồng.

3. Biện pháp tăng cường công tác quản lý, giáo dục, giúp đỡ người làm lỗi trên địa bàn tỉnh Sơn La

3.1. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được phân công tham gia, phối hợp quản lý giáo dục, giúp đỡ người làm lỗi

- Thường xuyên nắm tình hình, hoạt động, diễn biến tư tưởng, tâm tư nguyện vọng, những thuận lợi, khó khăn của người làm lỗi tại khu dân cư để kịp thời phản ánh với cơ quan Công an, Ủy ban nhân dân cấp xã; đôn đốc, nhắc nhở người làm lỗi tại khu dân cư chấp hành đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của chính quyền địa phương, tích cực tham gia các hoạt động chung tại cộng đồng dân cư.

- Phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan trao đổi, thống nhất biện pháp giúp đỡ người chấp hành xong án phạt tù tiếp tục học tập;

tìm kiếm việc làm, giải quyết khó khăn, ổn định cuộc sống; kịp thời phát hiện, thông báo cho chính quyền và cơ quan chức năng địa phương về những biểu hiện, thái độ, hành vi vi phạm của người làm lỗi tại khu dân cư để có biện pháp quản lý giáo dục phù hợp và xử lý vi phạm kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

3.2. Trách nhiệm của gia đình người được quản lý giáo dục, giúp đỡ

- Quản lý, giáo dục, động viên, giúp đỡ người làm lỗi tại khu dân cư xóa bỏ mặc cảm; tích cực lao động, học tập và tham gia các hoạt động xã hội, ổn định cuộc sống; hỗ trợ, tạo điều kiện giúp người làm lỗi tại khu dân cư tiếp tục thực hiện đầy đủ các hình phạt bổ sung, án phạt, án phí, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ dân sự khác (nếu có).

- Phối hợp với chính quyền, các cơ quan, tổ chức quần chúng và nhân dân địa phương trong việc quản lý, giáo dục người chấp hành xong án phạt tù; kịp thời phát hiện, thông báo chính quyền và các cơ quan chức năng địa phương về những biểu hiện, hành vi vi phạm pháp luật của người làm lỗi tại khu dân cư

3.3. Trách nhiệm của bản thân người làm lỗi

- Phải trở về nơi cư trú và xuất trình các giấy tờ có liên quan như Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù hoặc giấy chứng nhận đặc xá với UBND cấp xã, đảm bảo thời gian quy định.

- Chịu sự quản lý, giáo dục, giám sát của chính quyền địa phương, đơn vị, tổ chức xã hội và nhân dân nơi cư trú, công tác, học tập trong thời gian chưa được xóa án tích.

- Định kỳ báo cáo kết quả chấp hành pháp luật và việc thực hiện các cam kết, nghĩa vụ dân sự (nếu có) với chính quyền địa phương hoặc cơ quan, đơn vị nơi cư trú, công tác, học tập.

- Tích cực lao động, học tập và tham gia các hoạt động phòng ngừa, phát hiện, tố giác tội phạm và những hành vi vi phạm pháp luật khác

* **Một số lưu ý:** Người thuộc diện phải khai báo tạm vắng gồm: Bị can, bị cáo đang tại ngoại; người bị kết án phạt tù nhưng chưa có quyết định thi hành án hoặc được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù; người bị kết án phạt tù được hưởng án treo; người bị phạt cải tạo không giam giữ; người đang bị quản chế; người đang chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh, trường giáo dưỡng nhưng đang được hoãn chấp hành hoặc tạm đình chỉ thi hành khi đi khỏi nơi cư trú từ một ngày trở lên có trách nhiệm khai báo tạm vắng; người trong độ tuổi làm nghĩa vụ quân sự, dự bị động viên đi khỏi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi mình cư trú từ ba tháng trở lên có trách nhiệm khai báo tạm vắng (quy định tại Điều 32 Luật cư trú).

4. Một số quy định về xử lý vi phạm liên quan đến người làm lỗi tại cộng đồng dân cư

- Cá nhân, chủ hộ gia đình không thực hiện đúng quy định về thông báo lưu trú, khai báo tạm vắng, sẽ bị phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng.

- Người được hoãn, tạm đình chỉ thi hành án phạt tù đi khỏi nơi cư trú mà không được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc không có mặt tại nơi chấp hành án, cơ quan thi hành án hình sự nơi cư trú sau khi hết thời hạn hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù sẽ bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

- Người bị kết án phạt tù đang được tại ngoại có quyết định thi hành án mà không có mặt tại cơ quan thi hành án theo thời hạn quy định sẽ bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

- Người bị phạt tù cho hưởng án treo, người bị án phạt cải tạo không giam giữ mà không thực hiện nghĩa vụ của người chấp hành án theo quy định; không có mặt theo yêu cầu của cơ quan thi hành án hình sự, Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục mà không có lý do chính đáng hoặc đi khỏi nơi cư trú mà không được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã sẽ bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

- Người bị án phạt quản chế không thực hiện nghĩa vụ của người chấp hành án theo quy định; không có mặt theo yêu cầu của cơ quan thi hành án hình sự, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quản chế mà không có lý do chính đáng; đi khỏi nơi quản chế mà không được sự đồng ý của người có thẩm quyền hoặc đi khỏi nơi quản chế quá thời hạn cho phép mà không có lý do chính đáng sẽ bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

- Người bị án phạt cấm cư trú mà cư trú ở những nơi đã bị cấm cư trú hoặc không có mặt theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú sẽ bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

- Người bị án phạt tước một số quyền công dân; cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định không thực hiện nghĩa vụ của người chấp hành án sẽ bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

Chuyên đề 6. Nâng cao chất lượng hoạt động của “Nhóm liên gia tự quản về An ninh trật tự” (Nhóm LGTQ).

1. Tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động của Nhóm Liên gia tự quản

Việc nâng cao chất lượng hoạt động của Nhóm Liên gia tự quản về an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Sơn La cần thực hiện theo Hướng dẫn số 06/HD-CAT-PV11, ngày 21/3/2018 của Công an tỉnh, hướng dẫn công tác tự phòng, tự quản, tự bảo vệ, tự hòa giải về an ninh, trật tự của Nhóm Liên gia tự quản về an ninh, trật tự, cụ thể trên các tiêu chí sau:

(1). Duy trì tổ chức các buổi sinh hoạt nhóm LGTQ theo đúng hướng dẫn; kết hợp với việc tuyên truyền, phổ biến các thông tin liên quan đến tình hình và công tác đảm bảo ANTT trên địa bàn.

(2). Phân công thành viên trong Nhóm LGTQ gần gũi động viên, giúp đỡ và có nhận xét, đánh giá định kỳ, đột xuất về biểu hiện tiến bộ của những người làm lỗi, người nghiện ma túy đang cư trú tại nhóm, cung cấp cho cơ quan chịu trách nhiệm quản lý, giáo dục.

(3). Làm tốt công tác phát hiện, báo cáo và phối hợp hòa giải các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân trên địa bàn, không để xảy ra hậu quả thiệt hại.

(4). Tích cực phối hợp tổ chức tuần tra, kiểm soát địa bàn, đảm bảo ANTT trong các dịp lễ, tết, các thời điểm tình hình ANTT có diễn biến phức tạp.

(5). Vận động các hộ gia đình tự lắp đặt các thiết bị chiếu sáng ban đêm tại khu vực công cộng, đường làng, ngõ xóm.

(6). Vận động các hộ gia đình tự lắp đặt các thiết bị kỹ thuật để đảm bảo an toàn (*hệ thống khóa, cửa an toàn, chuông báo động, camera giám sát...*).

(7). Tuyên truyền, vận động các hộ gia đình trong nhóm đoàn kết xây dựng nếp sống văn hóa, chấp hành tốt pháp luật, không phạm tội, không để phát sinh người mắc tệ nạn xã hội.

2. Phương pháp nâng cao chất lượng hoạt động của Nhóm LGTQ

2.1. Trưởng bản (*Tổ trưởng dân phố*); Công an viên (*Tổ trưởng bảo vệ dân phố*); Nhóm trưởng nhóm LGTQ tiến hành rà soát, đánh giá thực trạng hoạt động của Nhóm LGTQ, xác định những tiêu chí đã thực hiện tốt, những tiêu chí thực hiện chưa tốt; xây dựng kế hoạch khắc phục hạn chế, yếu kém theo từng tiêu chí nêu trên; phân công trách nhiệm vụ thể cho các thành viên có chức trách, nhiệm vụ liên quan đến tổ chức và hoạt động của Nhóm LGTQ.

2.2. Định kỳ 06 tháng, 01 năm, tiến hành kiểm tra, rà soát, đánh giá chất lượng hoạt động của Nhóm LGTQ theo các tiêu chí nêu trên, xác định những hạn chế, yếu kém để tiếp tục chỉ đạo khắc phục.

2.3. Hàng năm (*trước ngày 15/10*) tổ chức đánh giá, phân loại Nhóm Liên gia tự quản theo đúng hướng dẫn của Công an cấp trên.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Nhóm trưởng Nhóm LGTQ

- Xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động của “*Nhóm liên gia tự quản*”; phát hiện kịp thời các mâu thuẫn nảy sinh trong nhóm, báo cáo và phối hợp với cấp uỷ, chính quyền, lực lượng an ninh cơ sở, Ban công tác mặt trận và các đoàn thể ở tổ, bản, giải quyết, hoà giải kịp thời, không để diễn biến phức tạp.

- Triệu tập và chủ trì cuộc họp các chủ hộ hoặc đại diện hộ dân trong nhóm để:

+ Thông báo tình hình, kết quả các mặt công tác đảm bảo an ninh trật tự, văn hoá, xã hội trên địa bàn.

+ Kiểm điểm, nhắc nhở các cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm nội quy, quy định của địa phương, hương ước, quy ước của tổ, bản.

+ Triển khai quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên đến nhân dân; trao đổi, bàn bạc, thống nhất đề ra các biện pháp giữ gìn an ninh trật tự; tổ chức các hoạt động văn hoá, xã hội, tình nghĩa, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

- Vận động và tổ chức cho nhân dân cam kết chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của địa phương; tham

gia phát hiện, cảm hoá, giáo dục, quản lý, giúp đỡ người lầm lỗi, người nghiện ma tuý trong nhóm.

- Chủ động phát hiện những sai phạm trong đăng ký tạm trú, khai báo lưu trú, tạm vắng, những điểm, đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội, những hành vi, vụ, việc phạm pháp xảy ra trên địa bàn cũng như người lạ mặt có biểu hiện nghi vấn, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý.

- Tổ chức thực hiện các quyết định của tổ, bản, nhóm; Sơ kết, tổng kết hoạt động của nhóm theo hướng dẫn của cấp trên; tập hợp, phản ánh và đề nghị tổ, bản, chính quyền xã giải quyết những nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

- Được dự lớp tập huấn, bồi dưỡng về nghiệp vụ, công tác do các ngành chức năng và chính quyền địa phương tổ chức.

- Nhóm trưởng, nhóm phó làm việc thông qua mối quan hệ trực tiếp với hộ dân; thường xuyên báo cáo, trao đổi với Trưởng bản, Tổ trưởng dân phố, Tiểu khu trưởng, bảo vệ dân phố, tổ an ninh nhân dân để kịp thời nắm bắt tình hình và giải quyết công việc trong nhóm; được tham gia sinh hoạt tổ, bản để báo cáo tình hình trong nhóm và tiếp thu nhiệm vụ được giao.

- Nhóm trưởng, nhóm phó chịu sự quản lý và điều hành trực tiếp của Bí thư chi bộ, Trưởng bản, tiểu khu, tổ dân phố; sự hướng dẫn nghiệp vụ của Cảnh sát khu vực, Công an phụ trách xã, Công an viên, Bảo vệ dân phố, tổ ANND; phối hợp với Ban công tác mặt trận và các tổ chức đoàn thể ở tổ, bản để thực hiện nhiệm vụ của nhóm.

Chuyên đề 7. Xây dựng khu dân cư an toàn về an ninh trật tự.

Việc xây dựng khu dân cư an toàn về ANTT vào thời điểm hiện tại, cơ bản thực hiện theo Thông tư 23/2012/TT-BCA, ngày 27/4/2012 của Bộ Công an “*Quy định về khu dân cư, xã, phường, thị trấn cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường an toàn về an ninh, trật tự*” và hướng dẫn số 184/HD-CAT-PV28, ngày 09/08/2012 của Công an tỉnh.

1. Tiêu chí xác định khu dân cư an toàn đạt tiêu chuẩn “*An toàn về ANTT*”

(1). Hàng năm Chi bộ Đảng có nghị quyết, Ban điều hành bản, tiểu khu, tổ dân phố có bản đăng ký phấn đấu đạt tiêu chuẩn “*An toàn về ANTT*” và 100% hộ gia đình trên địa bàn ký cam kết giao ước thi đua xây dựng thôn, bản, tổ “*An toàn về ANTT*”.

(2). Triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối, của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có mô hình tự quản về an ninh trật tự.

(3). Không để xảy ra các hoạt động

- Chống Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

- Phá hoại các mục tiêu, công trình kinh tế, văn hóa, xã hội, AN, QP.

- Tuyên truyền, phát triển đạo trái pháp luật; hoạt động ly khai, đòi tự trị, gây rối an ninh, trật tự.

- Mâu thuẫn, tranh chấp phức tạp trong nội bộ nhân dân; khiếu kiện đông người và khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật.

(4). Thực hiện tốt công tác phòng ngừa các loại tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật khác, bao gồm:

- Kiểm chế, làm giảm các loại tội phạm, tai, tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật khác so với năm trước.

- Không để xảy ra tội phạm nghiêm trọng và không có công dân của thôn, tổ, bản phạm tội nghiêm trọng trở lên; nếu xảy ra tội phạm phải được phát hiện và báo cáo ngay cấp có thẩm quyền để xử lý kịp thời.

- Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; không phát sinh người mắc tệ nạn xã hội ở cộng đồng.

- Không để xảy ra cháy nổ, tai nạn giao thông và tai nạn lao động nghiêm trọng do công dân của thôn, tổ, bản gây ra ở cộng đồng.

(5). Công an viên, Bảo vệ dân phố hoàn thành tốt nhiệm vụ; không có Công an viên, Bảo vệ dân phố bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

(6). Khu dân cư có bản đăng ký phấn đấu đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự” từ đầu năm.

2. Phương pháp xây dựng khu dân cư an toàn về ANTT

2.1. Trưởng bản, tiểu khu, tổ dân phố và Công an viên (*hoặc Tổ trưởng bảo vệ dân phố*) tiến hành rà soát, đánh giá thực trạng địa bàn khu dân cư theo các tiêu chí nêu tại mục 1; xác định những tiêu chí đã thực hiện tốt, những tiêu chí thực hiện chưa tốt; xây dựng kế hoạch khắc phục hạn chế, yếu kém theo từng tiêu chí nêu trên; tham mưu với chi ủy, chi bộ phân công trách nhiệm cụ thể cho người đứng đầu các tổ chức đoàn thể và các thành viên có trách nhiệm thuộc khu dân cư.

2.2. Định kỳ hàng năm, tiến hành kiểm tra, rà soát, đánh giá việc xây dựng các tiêu chí nêu trên ở khu dân cư, xác định những hạn chế, yếu kém để tiếp tục chỉ đạo khắc phục.

2.3. Hàng năm (*trước ngày 30/10*) tổ chức khảo sát, đánh giá thực trạng tình hình ANTT tại khu dân cư và kết quả thực hiện các tiêu chí nêu trên theo đúng hướng dẫn của Công an cấp trên; hoàn thành các thủ tục hồ sơ trình chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn (*qua Công an xã, phường, thị trấn*) ra quyết định công nhận nếu xét thấy khu dân cư đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT”.

Lưu ý: Kết quả xét duyệt, công nhận khu dân cư đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT” là một trong những tiêu chí bắt buộc để đề xuất các cấp khen thưởng về phong trào toàn dân bảo vệ ANTT, đồng thời là căn cứ để xét, công nhận các danh hiệu khác có liên quan đến tiêu chuẩn về an ninh trật tự.

3. Trách nhiệm trong công tác xây dựng khu dân cư đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT”

3.1. Trách nhiệm của cấp ủy, Ban điều hành khu dân cư:

- Tổ chức công tác lãnh đạo, chỉ đạo; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ đảm bảo ANTT trên địa bàn;

- Tổ chức xây dựng phong trào Toàn dân bảo vệ ANTT trên địa bàn; huy động các đoàn thể chính trị - xã hội và các tầng lớp nhân dân tham gia công tác đảm bảo ANTT.

- Hàng năm, tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình, kết quả công tác xây dựng khu dân cư đạt tiêu chuẩn “*An toàn về ANTT*”; đề ra giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả trong thời gian tiếp theo.

3.2. Trách nhiệm của Công an viên bản, Tổ trưởng bảo vệ dân phố và thành viên các tổ chức tự quản về ANTT:

- Là lực lượng nòng cốt trực tiếp tham mưu cho cấp ủy, Ban điều hành khu dân cư và chủ trì trong việc phối hợp triển khai thực hiện các biện pháp đảm bảo ANTT trên địa bàn; xây dựng khu dân cư đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT.

- Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội, các tầng lớp nhân dân tham gia các hoạt động đảm bảo ANTT trên địa bàn.

3.3. Trách nhiệm của Trưởng các đoàn thể ở khu dân cư: Tổ chức tuyên truyền, vận động thành viên của tổ chức mình: (1) Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến công tác đảm bảo ANTT; (2) Chủ động phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi liên quan đến ANTT xâm hại trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của bản thân, gia đình mình và người dân trong khu dân cư; (3) Tích cực và chủ động tham gia các hoạt động đảm bảo ANTT ở khu dân cư.

3.4. Trách nhiệm của người dân cư trú tại khu dân cư: (1) Tự giác chấp hành các quy định của pháp luật, quy định của khu dân cư về đến công tác đảm bảo ANTT; (2) Chủ động phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi liên quan đến ANTT xâm hại trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của bản thân, gia đình mình và người dân trong khu dân cư; (3) Tích cực và chủ động tham gia các hoạt động đảm bảo ANTT ở khu dân cư.

3.5. Trách nhiệm của Công an xã, phường, thị trấn:

- Chủ trì, tham mưu với UBND xã, phường, thị trấn tổ chức kiểm tra, rà soát, đánh giá, xác định cụ thể, chính xác tình hình ANTT tại khu dân cư và mức độ đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT tại khu dân cư theo các tiêu chí đã quy định.

- Hướng dẫn cấp ủy, Ban điều hành khu dân cư tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để xây dựng khu dân cư đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT; xây dựng phong trào Toàn dân bảo vệ ANTT ở khu dân cư.

- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình, kết quả, tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng khu dân cư đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT, phát hiện kịp thời những hạn chế, khó khăn, vướng mắc của khu dân cư trong công tác đảm bảo ANTT và phối hợp hướng dẫn, đề ra giải pháp khắc phục.

- Định kỳ hàng năm, phối hợp với cấp ủy, Ban điều hành khu dân cư tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình, kết quả công tác xây dựng khu dân cư đạt tiêu chuẩn “*An toàn về ANTT*”; đề ra giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả trong thời gian tiếp theo.

Chuyên đề 8. Xây dựng xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự.

Việc xây dựng xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự vào thời điểm hiện tại, cơ bản thực hiện theo Thông tư 23/2012/TT-BC, ngày 27/4/2012 của Bộ Công an “*Quy định về khu dân cư, xã, phường, thị trấn cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường an toàn về an ninh, trật tự*” và Hướng dẫn số 184/HD-CAT-PV28, ngày 09/8/2012 của Công an tỉnh.

1. Các tiêu chí xác định xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn “*An toàn về an ninh trật tự*”

(1). Hàng năm, Đảng ủy có Nghị quyết, UBND xã, phường, thị trấn có kế hoạch về công tác đảm bảo ANTT và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTV; có bản đăng ký phân đấu đạt tiêu chuẩn “*An toàn về ANTT*” (có chữ ký của đại diện các ban, ngành, đoàn thể, các đầu mối trực thuộc xã, phường, thị trấn và cán bộ viên chức cấp xã).

(2). Không để xảy ra các hoạt động sau:

- Chống Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc;
- Phá hoại các mục tiêu, công trình kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng;
- Tuyên truyền, phát triển đạo trái pháp luật; hoạt động ly khai, đòi tự trị, gây rối an ninh, trật tự;
- Mâu thuẫn, tranh chấp phức tạp trong nội bộ nhân dân; khiếu kiện đông người và khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật.

(3). Thực hiện các hoạt động phòng ngừa các loại tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật khác, bao gồm:

- Kiểm chế, làm giảm các loại tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật khác so với năm trước;
- Không để xảy ra tội phạm nghiêm trọng và không có công dân của khu dân cư phạm tội nghiêm trọng trở lên; nếu xảy ra tội phạm phải được phát hiện và báo cáo ngay cấp có thẩm quyền để xử lý kịp thời;
- Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; không phát sinh người mắc tệ nạn xã hội ở cộng đồng;
- Không để xảy ra cháy, nổ, tai nạn giao thông và tai nạn lao động nghiêm trọng do công dân của khu dân cư gây ra ở cộng đồng.

(4). Hàng năm, Công an xã, phường, thị trấn, Bảo vệ dân phố phải đạt danh hiệu “*Đơn vị tiên tiến*” trở lên; không có cá nhân vi phạm bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

(5). Có từ 70% khu dân cư được công nhận đạt tiêu chuẩn “*An toàn về ANTT*”.

2. Phương pháp xây dựng xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn “*An toàn về ANTT*”

2.1. Chủ tịch UBND, Trưởng Công an xã, phường, thị trấn tiến hành rà soát, đánh giá thực trạng tình hình ANTT địa bàn xã, phường, thị trấn theo các tiêu chí nêu tại mục 1; xác định những tiêu chí đã thực hiện tốt, những tiêu chí thực hiện chưa tốt; xây dựng kế hoạch khắc phục hạn chế, yếu kém theo từng tiêu chí nêu trên; tham mưu

với Đảng ủy, cấp ủy chính quyền xã, phường, thị trấn phân công cụ thể cho người đứng đầu khu dân cư các tổ chức đoàn thể triển khai thực hiện.

2.2. Định kỳ hàng năm, tiến hành kiểm tra, rà soát, đánh giá việc xây dựng các tiêu chí nêu trên ở xã, phường, thị trấn, xác định những hạn chế, yếu kém để tiếp tục chỉ đạo khắc phục.

2.3. Hàng năm trước ngày 30/11 tổ chức khảo sát đánh giá tình hình ANTT tại xã, phường, thị trấn và kết quả thực hiện các tiêu chí nêu trên theo đúng Hướng dẫn của Công an cấp trên; hoàn thành các thủ tục, hồ sơ trình chủ tịch UBND huyện, thành phố (*qua Công an huyện, thành phố*) ra quyết định công nhận nếu xét thấy xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn “*An toàn về ANTT*”.

Lưu ý: Kết quả xét duyệt, công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn về “*An toàn về ANTT*” là một trong những tiêu chí bắt buộc để đề xuất các cấp khen thưởng về phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ, đồng thời là căn cứ để xét, công nhận các danh hiệu khác có liên quan đến tiêu chuẩn về an ninh trật tự.

3. Trách nhiệm trong công tác xây dựng xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn về “*An toàn về ANTT*”

3.1. Trách nhiệm của Đảng ủy, UBND xã, phường, thị trấn:

- Tổ chức công tác lãnh đạo, chỉ đạo; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ đảm bảo ANTT trên địa bàn;

- Tổ chức xây dựng phong trào Toàn dân bảo vệ ANTQ trên địa bàn; huy động các ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội và các tầng lớp nhân dân tham gia công tác đảm bảo ANTT.

- Hàng năm, tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình, kết quả công tác xây dựng xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn “*An toàn về ANTT*”; đề ra giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả trong thời gian tiếp theo.

3.2. Trách nhiệm của Công an xã, phường, thị trấn:

- Là lực lượng nòng cốt trực tiếp triển khai thực hiện các biện pháp đảm bảo ANTT trên địa bàn; xây dựng xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT.

- Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội, các tầng lớp nhân dân tham gia các hoạt động đảm bảo ANTT trên địa bàn.

3.3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị đứng chân trên địa bàn; các đoàn thể xã, phường, thị trấn: Tổ chức tuyên truyền, vận động thành viên của cơ quan, đơn vị, tổ chức mình: (1) Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến công tác đảm bảo ANTT; (2) Chủ động phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi liên quan đến ANTT xâm hại trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của bản thân, gia đình mình và người dân xã, phường, thị trấn; (3) Tích cực và chủ động tham gia các hoạt động đảm bảo ANTT ở xã, phường, thị trấn.

3.4. Trách nhiệm của các khu dân cư: Tổ chức tuyên truyền vận động người dân nâng cao ý thức tự giác chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến

công tác đảm bảo ANTT; (2) chủ động phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi liên quan đến ANTT xâm hại trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của bản thân, gia đình mình và người dân trong khu dân cư; (3) tích cực và chủ động tham gia các hoạt động đảm bảo ANTT ở khu dân cư.

3.5. Trách nhiệm của Công an huyện, thành phố:

- Chủ trì, tham mưu với UBND huyện, thành phố tổ chức kiểm tra, rà soát, đánh giá, xác định cụ thể, chính xác tình hình ANTT tại xã, phường, thị trấn và mức độ đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT tại xã, phường, thị trấn theo các tiêu chí đã quy định.

- Hướng dẫn Đảng ủy, UBND xã, phường, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để xây dựng phong trào Toàn dân bảo vệ ANTT; xây dựng xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT.

- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình, kết quả, tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT, phát hiện kịp thời những hạn chế, khó khăn, vướng mắc của xã, phường, thị trấn trong công tác đảm bảo ANTT và phối hợp hướng dẫn, đề ra giải pháp khắc phục.

- Định kỳ hàng năm, phối hợp với Đảng ủy, UBND xã, phường, thị trấn tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình, kết quả công tác xây dựng xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn “*An toàn về ANTT*”; đề ra giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả trong thời gian tiếp theo.

Chuyên đề 9. Xây dựng cơ quan, doanh nghiệp an toàn về an ninh trật tự.

Việc xây dựng cơ quan, doanh nghiệp an toàn về an ninh trật tự vào thời điểm hiện tại, cơ bản thực hiện theo Thông tư 23/2012/TT-BC, ngày 27/4/2012 của Bộ Công an “*Quy định về khu dân cư, xã, phường, thị trấn cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường an toàn về an ninh, trật tự*” và Hướng dẫn số 184/HD-CAT-PV28, ngày 09/8/2012 của Công an tỉnh.

1. Các tiêu chí xác định cơ quan, doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn “*An toàn về ANTT*”

(1). Hàng năm, cấp ủy Đảng có Nghị quyết (*đối với nơi có tổ chức Đảng*), người đứng đầu các cơ quan, doanh nghiệp có kế hoạch về công tác đảm bảo ANTT và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTT;

(2). Có bản đăng ký phân đấu đạt tiêu chuẩn “*An toàn về ANTT*”;

(3). Có nội quy, quy chế bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp, bảo vệ bí mật Nhà nước, bảo vệ chính trị nội bộ, phòng chống cháy, nổ;

(4). 100% cán bộ công nhân viên ký cam kết giao ước thi đua thực hiện tốt nội quy, quy chế và xây dựng cơ quan, doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn “*An toàn về ANTT*”.

(5). Triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương; có kế hoạch phối hợp với chính quyền địa phương và cơ quan Công an trong công tác bảo đảm ANTT, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trên địa bàn; có mô hình tự phòng, tự quản, tự bảo vệ về ANTT; tự bảo vệ vật tư, tài sản cơ quan, doanh nghiệp.

(6). Không để xảy ra khiếu kiện đông người, đình công trái pháp luật, mất trộm tài sản có giá trị lớn (*đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự*); không để lộ công nghệ, bí mật Nhà nước, cháy, nổ, tai nạn lao động nghiêm trọng; không có cán bộ, công nhân viên phạm tội hoặc mắc tệ nạn xã hội.

(7). Lực lượng bảo vệ chuyên trách và bán chuyên trách trong sạch, vững mạnh, hàng năm đạt danh hiệu “*Tập thể lao động tiên tiến*” trở lên; không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

(8). Có 70% số đầu mối trực thuộc (*phòng, ban, tổ, đội...*) trở lên đạt danh hiệu “*Tập thể lao động tiên tiến*”.

2. Phương pháp xây dựng cơ quan, doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT”

2.1. Người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp tiên hành rà soát, đánh giá thực trạng tình hình ANTT ở cơ quan, doanh nghiệp theo các tiêu chí nêu tại mục 1; xác định những tiêu chí đã thực hiện tốt, những tiêu chí thực hiện chưa tốt; xây dựng kế hoạch khắc phục hạn chế, yếu kém theo từng tiêu chí nêu trên; tham mưu với tập thể cấp ủy, lãnh đạo cơ quan, doanh nghiệp phân công trách nhiệm cụ thể cho các bộ phận chức năng; các tổ chức đoàn thể quần chúng, các tổ chức tự quản về ANTT và cán bộ, công nhân viên chức, người lao động trong cơ quan, doanh nghiệp triển khai thực hiện.

2.2. Định kỳ hàng năm, tiến hành kiểm tra, rà soát, đánh giá việc xây dựng các tiêu chí nêu trên ở tại cơ quan, doanh nghiệp, xác định những hạn chế, yếu kém để tiếp tục chỉ đạo khắc phục.

2.3. Hàng năm (*trước ngày 30/11*) tổ chức khảo sát, đánh giá thực trạng tình hình ANTT tại cơ quan, doanh nghiệp và kết quả thực hiện các tiêu chí nêu trên theo đúng hướng dẫn của cơ quan Công an cùng cấp; hoàn thành các thủ tục hồ sơ, gửi cơ quan Công an cùng cấp (*theo phân cấp quản lý*) tập hợp, báo cáo đề xuất Chủ tịch UBND cùng cấp ra quyết định công nhận nếu xét thấy cơ quan, doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn “*An toàn về ANTT*”.

Lưu ý: Kết quả xét duyệt, công nhận cơ quan, doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn “*An toàn về ANTT*” là một trong những tiêu chí bắt buộc để đề xuất các cấp khen thưởng về phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ, đồng thời là căn cứ để xét, công nhận các danh hiệu khác có liên quan đến tiêu chuẩn về ANTT.

3. Trách nhiệm trong công tác xây dựng cơ quan, doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT”.

3.1. Trách nhiệm của cấp ủy, lãnh đạo cơ quan, doanh nghiệp:

Người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp chịu trách nhiệm toàn diện về việc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn tài sản của cơ quan, doanh nghiệp; chỉ đạo xây dựng, tổ chức, kiểm tra thực hiện kế hoạch, nội quy bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp; chỉ đạo lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp thường xuyên phối hợp với lực lượng Công an, chính quyền địa phương trong việc triển khai kế hoạch, phương án bảo vệ; xây dựng lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp trong sạch, vững mạnh.

Căn cứ yêu cầu, tính chất, quy mô của cơ quan, doanh nghiệp để quyết định hình thức tổ chức lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp cho phù hợp; bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, nơi làm việc, trang thiết bị, phương tiện nghiệp vụ phục vụ cho hoạt động của lực lượng bảo vệ.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan Công an có thẩm quyền tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng bảo vệ; tổ chức thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ của Bộ Công an về công tác bảo đảm an ninh, trật tự tại cơ quan, doanh nghiệp.

- Thể chế hóa nghị quyết, kế hoạch và tổ chức đề cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thực hiện có hiệu quả đường lối, chính sách pháp luật, các nội dung phong trào bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, tài sản cơ sở vật chất, trật tự kỷ cương an toàn cơ quan, doanh nghiệp.

- Chỉ đạo xây dựng, tổ chức, kiểm tra thực hiện kế hoạch nội quy bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp; đổi mới nội dung, biện pháp xây dựng các mô hình phong trào, xây dựng cơ quan, doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT.

- Chỉ đạo lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp phối hợp với lực lượng Công an, chính quyền địa phương xây dựng triển khai kế hoạch, phương án bảo vệ đáp ứng yêu cầu bảo đảm ANTT, an toàn cơ quan, doanh nghiệp.

- Sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình, kết quả công tác và tiếp tục triển khai xây dựng cơ quan, doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn “*An toàn về ANTT*”; đề ra giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả trong thời gian tiếp theo.

3.2. Trách nhiệm của lực lượng bảo vệ chuyên trách, bán chuyên trách và thành viên các tổ chức tự quản về ANTT của cơ quan, doanh nghiệp

- Là lực lượng nòng cốt trực tiếp tham mưu cho cấp ủy, lãnh đạo cơ quan, doanh nghiệp và chủ trì trong việc phối hợp triển khai thực hiện các biện pháp đảm bảo ANTT tại cơ quan, doanh nghiệp; xây dựng cơ quan, doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT.

- Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn các tổ chức đoàn thể quần chúng, cán bộ, công nhân viên chức người lao động trong cơ quan, doanh nghiệp tham gia các hoạt động đảm bảo ANTT trong cơ quan, doanh nghiệp.

3.3. Trách nhiệm của Trưởng các tổ chức đoàn thể quần chúng:

Tổ chức tuyên truyền, vận động thành viên của tổ chức mình: (1) Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến công tác đảm bảo ANTT; (2) Chủ động phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi liên quan đến an ninh, trật tự có thể xảy ra tại cơ quan, doanh nghiệp, đặc biệt là xảy ra tại nơi mình làm việc; (3) tích cực và chủ động tham gia các hoạt động đảm bảo ANTT trong cơ quan, doanh nghiệp.

3.4. Trách nhiệm của cán bộ, công nhân viên chức, người lao động: (1) Tự giác chấp hành các quy định của pháp luật; các quy định của đơn vị có liên quan đến công tác đảm bảo ANTT; (2) Chủ động phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi liên quan đến ANTT có thể xảy ra tại cơ quan, doanh nghiệp, đặc biệt là xảy ra tại nơi mình làm

việc; (3) Tích cực và chủ động tham gia các hoạt động đảm bảo ANTT trong cơ quan, doanh nghiệp.

3.5. Trách nhiệm của cơ quan Công an trực tiếp phụ trách công tác xây dựng phong trào Toàn dân bảo vệ ANTQ tại cơ quan, doanh nghiệp:

- Chủ trì, tham mưu với UBND cùng cấp tổ chức kiểm tra, rà soát, đánh giá, xác định cụ thể, chính xác tình hình ANTT tại cơ quan, doanh nghiệp và mức độ đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT tại cơ quan, doanh nghiệp theo các tiêu chí đã quy định.

- Hướng dẫn cấp ủy, lãnh đạo cơ quan, doanh nghiệp tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để xây dựng cơ quan, doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT; xây dựng phong trào Toàn dân bảo vệ ANTQ ở trong cơ quan, doanh nghiệp.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc đánh giá tình hình, kết quả, tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng cơ quan, doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT, phát hiện kịp thời những hạn chế, khó khăn, vướng mắc của cơ quan, doanh nghiệp trong công tác đảm bảo ANTT và phối hợp hướng dẫn, đề ra giải pháp khắc phục.

- Định kỳ hàng năm, phối hợp với cấp ủy, lãnh đạo cơ quan, doanh nghiệp tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình, kết quả công tác xây dựng cơ quan, doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT”; đề ra giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả trong thời gian tiếp theo.

Chuyên đề 10. Xây dựng nhà trường an toàn về an ninh trật tự.

Việc xây dựng nhà trường an toàn về an ninh trật tự vào thời điểm hiện tại, cơ bản thực hiện theo Thông tư 23/2012/TT-BCA, ngày 27/4/2012 của Bộ Công an “Quy định về khu dân cư, xã, phường, thị trấn cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường an toàn về an ninh, trật tự” và Hướng dẫn số 184/HD-CAT-PV28, ngày 09/8/2012 của Công an tỉnh.

1. Tiêu chí xác định nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT”

(1). Hàng năm, cấp ủy Đảng có Nghị quyết (đối với những nơi có tổ chức Đảng), Ban Giám hiệu nhà trường có kế hoạch bảo đảm ANTT và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ;

(2). Có bản đăng ký phần đầu đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT” từ đầu năm;

(3). Có nội quy, quy chế bảo vệ nhà trường, bảo vệ chính trị nội bộ, quản lý, giáo dục người học; phòng, chống cháy, nổ;

(4). 100% cán bộ, giáo viên, công nhân viên, người học (từ cấp THCS trở lên) ký cam kết thực hiện các nội quy, quy chế và xây dựng nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT” gắn với các phong trào thi đua trong hệ thống giáo dục quốc dân.

(5). Triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối, của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương; có kế hoạch hoặc quy chế phối hợp giữa nhà trường với chính quyền địa phương và gia đình người học (nếu người học là học sinh phổ thông) trong công tác bảo đảm ANTT và quản lý, giáo

dục người học; có mô hình tự phòng, tự quản, tự bảo vệ về ANTT trong nhà trường, ký túc xá, khu ngoại trú.

(6). Không để xảy ra các hoạt động gây rối, biểu tình, lập các hội, nhóm, tuyên truyền phát triển đạo, khiếu kiện đông người trái với quy định của pháp luật; không để xảy ra tội phạm và bạo lực học đường; không có cán bộ, giáo viên, công nhân viên, người học phạm tội hoặc mắc tệ nạn xã hội; không để xảy ra cháy, nổ, tai nạn lao động nghiêm trọng.

(7). Xây dựng lực lượng bảo vệ chuyên trách hoặc bán chuyên trách trong sạch, vững mạnh, hàng năm đạt danh hiệu “*Tập thể lao động tiên tiến*” trở lên; không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

(8). Có 70% số đầu mối trực thuộc (*khoa, phòng, tổ, bộ môn...*) trở lên đạt danh hiệu “*Tập thể lao động tiên tiến*”.

2. Phương pháp xây dựng nhà trường đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT

2.1. Người đứng đầu nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá thực trạng tình hình ANTT ở nhà trường theo các tiêu chí nêu tại mục 1; xác định những tiêu chí đã thực hiện tốt, những tiêu chí thực hiện chưa tốt; xây dựng kế hoạch khắc phục hạn chế, yếu kém theo từng tiêu chí nêu trên; tham mưu với tập thể cấp ủy, lãnh đạo nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể cho các bộ phận chức năng; các tổ chức đoàn thể quần chúng, các tổ chức tự quản về ANTT và cán bộ, giáo viên, công nhân viên chức, người lao động trong nhà trường triển khai thực hiện.

2.2. Định kỳ hàng năm, tiến hành kiểm tra, rà soát, đánh giá việc xây dựng các tiêu chí nêu trên tại nhà trường, xác định những hạn chế, yếu kém để tiếp tục chỉ đạo khắc phục.

2.3. Hàng năm (*thời điểm kết thúc năm học*) tổ chức khảo sát, đánh giá thực trạng tình hình ANTT tại nhà trường và kết quả thực hiện các tiêu chí nêu trên theo đúng hướng dẫn của cơ quan Công an cùng cấp; hoàn thành các thủ tục hồ sơ, gửi cơ quan Công an cùng cấp (*theo phân cấp quản lý*) tập hợp, báo cáo đề xuất Chủ tịch UBND cùng cấp ra quyết định công nhận nếu xét thấy nhà trường đạt tiêu chuẩn “*An toàn về ANTT*” (*trình cùng thời điểm với việc trình xét, duyệt đối với khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp*).

Lưu ý: Kết quả xét duyệt, công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn “*An toàn về ANTT*” là một trong những tiêu chí bắt buộc để đề xuất các cấp khen thưởng về phong trào toàn dân bảo vệ ANTT, đồng thời là căn cứ để xét, công nhận các danh hiệu khác có liên quan đến tiêu chuẩn về an ninh trật tự.

3. Trách nhiệm trong công tác xây dựng nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT”

3.1. Trách nhiệm của cấp ủy, lãnh đạo nhà trường:

- Người đứng đầu nhà trường chịu trách nhiệm toàn diện về việc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn tài sản của nhà trường; chỉ đạo xây dựng, tổ chức, kiểm tra thực hiện kế hoạch, nội quy bảo vệ nhà trường; chỉ đạo lực lượng bảo vệ nhà trường thường xuyên phối hợp với lực lượng Công an, chính quyền địa phương trong việc

triển khai kế hoạch, phương án bảo vệ; xây dựng lực lượng bảo vệ nhà trường trong sạch, vững mạnh.

- Căn cứ yêu cầu, tính chất, quy mô của nhà trường để quyết định hình thức tổ chức lực lượng bảo vệ của trường mình cho phù hợp; bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, nơi làm việc, trang thiết bị, phương tiện nghiệp vụ phục vụ cho hoạt động của lực lượng bảo vệ.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan Công an có thẩm quyền tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng bảo vệ; tổ chức thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ của Bộ Công an về công tác bảo đảm an ninh, trật tự tại nhà trường.

- Thể chế hóa nghị quyết, kế hoạch và tổ chức đề cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thực hiện có hiệu quả đường lối, chính sách pháp luật, các nội dung phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, an ninh chính trị nội bộ, tài sản cơ sở vật chất, trật tự kỷ cương, an toàn nhà trường.

- Chỉ đạo xây dựng, tổ chức, kiểm tra thực hiện kế hoạch nội quy bảo vệ nhà trường; đổi mới nội dung, biện pháp xây dựng các mô hình phong trào, xây dựng nhà trường đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự.

- Chỉ đạo lực lượng bảo vệ nhà trường phối hợp với lực lượng Công an, chính quyền địa phương xây dựng triển khai kế hoạch, phương án bảo vệ đáp ứng yêu cầu bảo đảm ANTT, an toàn nhà trường.

- Sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình, kết quả công tác và tiếp tục triển khai xây dựng nhà trường đạt tiêu chuẩn “*An toàn về ANTT*”; đề ra giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả trong thời gian tiếp theo.

3.2. Trách nhiệm của lực lượng bảo vệ chuyên trách, bán chuyên trách và thành viên các tổ chức tự quản về ANTT của nhà trường

- Là lực lượng nòng cốt trực tiếp tham mưu cho cấp ủy, Ban giám hiệu và chủ trì trong việc phối hợp triển khai thực hiện các biện pháp đảm bảo ANTT tại nhà trường; xây dựng nhà trường; đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT.

- Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn các tổ chức đoàn thể quần chúng, mọi cán bộ, giáo viên, công nhân, viên chức, người lao động trong nhà trường tham gia các hoạt động đảm bảo ANTT trong nhà trường.

3.3. Trách nhiệm của Trưởng các tổ chức đoàn thể quần chúng: Tổ chức tuyên truyền, vận động thành viên của tổ chức mình: (1) Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến công tác đảm bảo ANTT; (2) Chủ động phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi liên quan đến ANTT có thể xảy ra tại nhà trường, đặc biệt là xảy ra tại nơi mình làm việc; (3) Tích cực và chủ động tham gia các hoạt động đảm bảo ANTT trong nhà trường.

3.4. Trách nhiệm của cán bộ, giáo viên, công nhân viên chức, người lao động: (1) Tự giác chấp hành các quy định của pháp luật, quy định của nhà trường về công tác đảm bảo ANTT; (2) Chủ động phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi liên quan đến ANTT

có thể xảy ra tại nhà trường, đặc biệt là xảy ra tại nơi mình làm việc; (3) Tích cực và chủ động tham gia các hoạt động đảm bảo ANTT trong nhà trường.

3.5. Trách nhiệm của cơ quan Công an trực tiếp phụ trách công tác xây dựng phong trào Toàn dân bảo vệ ANTT tại nhà trường:

- Chủ trì, tham mưu với UBND cùng cấp tổ chức kiểm tra, rà soát, đánh giá, xác định cụ thể, chính xác tình hình ANTT tại nhà trường và mức độ đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT tại nhà trường theo các tiêu chí đã quy định.

- Hướng dẫn nhà trường tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để xây dựng nhà trường đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT; xây dựng phong trào Toàn dân bảo vệ ANTT ở trong nhà trường.

- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình, kết quả, tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng nhà trường đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT, phát hiện kịp thời những hạn chế, khó khăn, vướng mắc của nhà trường trong công tác đảm bảo ANTT và phối hợp hướng dẫn, đề ra giải pháp khắc phục.

- Định kỳ hàng năm, phối hợp với cấp ủy, lãnh đạo nhà trường tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình, kết quả công tác xây dựng nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT”; đề ra giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả trong thời gian tiếp theo.

Chuyên đề 11. Phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm xâm hại trẻ em.

1. Tình hình

Trong những năm qua hoạt động của một số loại tội phạm hình sự đã được kiểm chế, góp phần đảm bảo ANTT tại địa phương. Tuy nhiên tình hình tội phạm xâm hại tình dục trẻ em (*hiếp dâm trẻ em, giao cấu với trẻ em, dâm ô đối với trẻ em, cưỡng dâm trẻ em*) có chiều hướng gia tăng và ngày càng diễn biến phức tạp, nhiều vụ án xâm hại tình dục trẻ em xảy ra gây hậu quả nghiêm trọng về thể chất, tinh thần cho nạn nhân, gây bức xúc trong gia đình và xã hội, ảnh hưởng xấu đến tình hình ANTT. Năm 2017 trên địa bàn tỉnh Sơn La xảy ra 34 vụ xâm hại 34 trẻ em (*tăng 16 vụ so với năm 2016*), lực lượng Công an đã điều tra làm rõ và khởi tố 34 vụ, 38 đối tượng, trong đó: Hiếp dâm trẻ em 21 vụ 25 đối tượng (*tăng 09 vụ, 13 đối tượng*); Giao cấu với trẻ em 10 vụ (*tăng 05 vụ, 05 đối tượng*); Dâm ô với trẻ em 03 vụ (*tăng 02 vụ, 02 đối tượng*). Phương thức thủ đoạn của các đối tượng thường lợi dụng các em còn nhỏ chưa nhận thức được hành vi nguy hiểm, không có ý thức và khả năng bảo vệ bản thân, mặt khác do các em còn nhỏ nên dễ dụ dỗ, lừa gạt để thực hiện hành vi cưỡng hiếp.

2. Nguyên nhân

- Một số đối tượng có những dục vọng thấp hèn, có tư tưởng lối sống lệch lạc, bị tác động ảnh hưởng của những sản phẩm văn hóa không lành mạnh; hoặc do sử dụng rượu bia và các chất kích thích, không kiểm soát được hành vi của bản thân, đã thực hiện hành vi cưỡng hiếp trẻ em.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật ở nhiều địa bàn chưa được quan tâm đúng mức, công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em ở các vùng đồng bào dân tộc vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới chưa được coi trọng. Nhận thức pháp luật còn hạn chế; có những gia đình còn xem nhẹ việc chăm sóc, giáo dục và quản lý các em; công tác giáo

dục phổ biến giới tính chưa được quan tâm đúng mức; một số trường hợp các em có hoàn cảnh đặc biệt bị chính người thân, người có trách nhiệm nuôi dưỡng cưỡng hiếp.

- Một số gia đình do điều kiện kinh tế khó khăn, mải tập trung vào công việc làm ăn kiếm sống mà lơ là thiếu quản lý, chăm sóc con cái, để các cháu gái tự do chơi bời với bạn bè dẫn đến các vụ xâm hại tình dục trẻ em.

3. Biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn

- Tăng cường công tác giáo dục giới tính cho trẻ em, nhất là trẻ em nữ, trong đó nâng cao nhận thức và kỹ năng phòng tránh những nguy hiểm và cách tự bảo vệ bản thân; hướng dẫn trẻ em không nên tiếp xúc với người lạ mặt, không đi chơi một mình với người lạ hoặc chơi ở những nơi vắng người; khi ở nhà một mình nên khóa cửa và không mở cửa người lạ vào trong nhà; khi gặp nguy hiểm cần phải tìm kiếm sự giúp đỡ của những người xung quanh.

- Bố mẹ, người chăm sóc nuôi dưỡng thường xuyên trò chuyện với trẻ và quan tâm đến suy nghĩ của trẻ; chú ý phát hiện những biểu hiện, tâm lý, cử chỉ khác lạ của trẻ. Không nên để cho trẻ em gái đi chơi tự do nơi công cộng, không gần gũi tiếp xúc với người lạ. Khi phát hiện có dấu hiệu trẻ em bị xâm hại tình dục thì phải trình báo cơ quan có thẩm quyền, bảo vệ các dấu vết vật chứng có liên quan để phục vụ công tác điều tra (*phần lớn nhiều vụ việc khi gia đình phát hiện đã không nhận thức được nên đã vô tình làm mất, làm hỏng dấu vết, chứng cứ quan trọng, gây khó khăn cho việc điều tra xử lý tội phạm*). Nâng cao nhận thức pháp luật, thấy được tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm xâm hại tình dục trẻ em, không vì những lời hứa hẹn của phía đối tượng và những lợi ích trước mắt để tự thỏa thuận giải quyết với nhau, mà nên chủ động trình báo và phối hợp tốt với cơ quan chuyên môn, cơ quan bảo vệ pháp luật để kịp thời cung cấp thông tin tài liệu chứng cứ chứng minh tội phạm và người phạm tội.

- Các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức liên quan cần làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, thường xuyên thông tin về phương thức thủ đoạn của tội phạm xâm hại tình dục trẻ em; đưa nội dung giáo dục giới tính cho lứa tuổi học sinh phù hợp với môi trường và nhận thức của trẻ; giáo dục trẻ em kỹ năng sống, kỹ năng nhận biết những môi nguy hiểm; kỹ năng sinh hoạt, giao tiếp, ăn mặc để hạn chế những nguyên nhân, điều kiện nảy sinh tội phạm; quan tâm chăm sóc giáo dục các em gái có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn như mồ côi cha mẹ, bố mẹ ly hôn, trẻ em gái khuyết tật, trẻ em đã từng là nạn nhân của tội phạm xâm hại tình dục trẻ em.. tạo môi trường sống lành mạnh, an toàn cho các em.

- Lực lượng Công an cơ sở, các tổ chức tự quản ở địa bàn dân cư cần làm tốt công tác nắm tình hình, kịp thời phát hiện các vụ việc, hiện tượng xâm hại tình dục trẻ em để phối hợp với gia đình nạn nhân và lực lượng Công an giải quyết phù hợp; cần làm tốt công tác bảo vệ hiện trường, thu giữ chứng cứ khi có vụ việc xảy ra. Phát động nhân dân tích cực tham gia tố giác tội phạm nói chung và tội phạm về xâm hại tình dục trẻ em nói riêng. Làm tốt công tác quản lý đối tượng ở địa bàn cơ sở nhất là những thanh thiếu niên hư, sống buông thả, những đối tượng đã có tiền án, tiền sự về tội phạm xâm phạm tình dục phụ nữ, trẻ em.

4. Một số quy định của pháp luật về xử lý hành vi xâm hại trẻ em

Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2017*), có hiệu lực từ 01/01/2018 quy định về các hành vi xâm hại tình dục trẻ em như sau:

- **Điều 142. Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi:** Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây: (a) Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi trái với ý muốn của họ; (b) Giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người dưới 13 tuổi, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 20 năm hoặc chung thân, tử hình.

- **Điều 144. Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi:** Người nào dùng mọi thủ đoạn khiến người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi đang ở trong tình trạng lệ thuộc mình hoặc trong tình trạng quần bách phải miễn cưỡng giao cấu hoặc miễn cưỡng thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 20 năm hoặc chung thân.

- **Điều 145. Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi:** Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 142 và Điều 144 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 15 năm. Ngoài ra người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

- **Điều 146. Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi:** Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà có hành vi dâm ô đối với người dưới 16 tuổi không nhằm mục đích giao cấu hoặc không nhằm thực hiện các hành vi quan hệ tình dục khác, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 12 năm.

- **Điều 147. Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm:** Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc người dưới 16 tuổi trình diễn khiêu dâm hoặc trực tiếp chứng kiến việc trình diễn khiêu dâm dưới mọi hình thức, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 12 năm.

- Về hình phạt bổ sung đối với tội phạm xâm phạm tình dục trẻ em (*quy định ở các Điều 142, 144, 145, 146, 147*) thì người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Chuyên đề 12. Phòng ngừa tội phạm cố ý gây thương tích, tội phạm giết người do nguyên nhân xã hội.

1. Thực trạng tình hình

Trong những năm gần đây tình hình tội phạm cố ý gây thương tích và giết người diễn biến phức tạp, gây bức xúc trong xã hội, hậu quả do loại tội phạm này gây ra không chỉ thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của công dân, mà còn ảnh hưởng trực tiếp, lâu dài đến đời sống vật chất, tinh thần đối với gia đình các nạn nhân. Ngoài ra còn gây tác động tâm lý và ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn. Đối tượng phạm tội rất đa dạng về thành phần xã hội, thành phần dân tộc và lứa tuổi ... chủ yếu từ độ tuổi trên 18 và có xu hướng trẻ hóa ở độ tuổi vị thành niên. Phương thức, thủ đoạn thực hiện hành vi phạm tội ở mỗi vụ án cũng rất đa dạng và với động cơ mục đích khác nhau; nhiều vụ đối tượng thực hiện rất manh động thể hiện tính côn đồ hung hãn,

chỉ vì những nguyên cớ nhỏ nhặt mà coi thường pháp luật dẫn đến xâm phạm tính mạng, sức khỏe người khác.

Năm 2017, toàn tỉnh xảy ra 967 vụ phạm pháp hình sự, trong đó có 19 vụ giết người (*chiếm gần 2% tổng số vụ phạm pháp hình sự*), làm chết 09 người, bị thương 13 người (*gồm: giết người do nguyên nhân xã hội 17 vụ; giết, hiếp 01 vụ; giết, cướp 01 vụ*). Địa bàn xảy ra chủ yếu là: Phù Yên 04 vụ; Sông Mã và thành phố: 03 vụ; Mường La, Yên Châu, Mộc Châu, Vân Hồ: 02 vụ; Bắc Yên 01 vụ. Tội phạm cố ý gây thương tích xảy ra 169 vụ (*chiếm hơn 17% tổng số vụ phạm pháp hình sự*), đây là loại tội phạm diễn ra phổ biến ở nhiều địa phương và có xu hướng trẻ hóa trong độ tuổi thanh thiếu niên. Nguyên nhân nảy sinh chủ yếu do những mâu thuẫn trong sinh hoạt, giao tiếp ứng xử, đáng chú ý có một số vụ xuất phát từ việc giải quyết nợ nần, thanh thiếu niên tụ tập ăn chơi đua đòi gây gổ đánh nhau.

- Đối với tội giết người là hành vi làm chết người khác một cách cố ý và trái pháp luật. Hành vi thể hiện qua hành động hoặc không hành động: Hành động: Người phạm tội đã chủ động thực hiện các hành vi mà pháp luật không cho phép như dùng dao đâm, dùng súng bắn, dùng gậy đánh... nhằm giết người; còn không hành động thể hiện ở việc người phạm tội đã không thực hiện nghĩa vụ phải làm để đảm bảo sự an toàn tính mạng của người khác... nhằm giết người khác (*thường trong trường hợp lợi dụng nghề nghiệp*). Và cũng tùy tính chất, mức độ hành vi và điều kiện hoàn cảnh cụ thể hành vi giết người được cụ thể hóa ở từng điều luật khác nhau như: Tội giết người (*Điều 123*); tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ (*Điều 124*); tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (*Điều 125*); tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội (*Điều 126*). Ngoài ra còn căn cứ vào ý thức chủ quan của người phạm tội, hành vi nguy hiểm tuy đã gây hậu quả thiệt hại đến tính mạng người khác nhưng không bị xử lý về tội giết người mà xử lý về tội phạm khác như: Tội làm chết người trong khi thi hành công vụ (*Điều 127*); tội vô ý làm chết người (*Điều 128*); tội vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính... Ngoài ra Bộ luật hình sự hiện hành còn quy định xử lý hình sự đối với hành vi đe dọa giết người (*Điều 133*).

Người phạm tội giết người thì bị xử phạt tù từ 07 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Trường hợp chuẩn bị phạm tội giết người thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Ngoài ra, người phạm tội có thể bị cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm.

- Đối với tội cố ý gây thương tích là hành vi dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác gây tổn thương cho cơ thể của người khác: Hành vi dùng vũ lực có thể bằng sức mạnh cơ thể (*tay nắm, chân đá*) hoặc kèm theo hung khí để tác động lên cơ thể nạn nhân; Hành vi dùng thủ đoạn khác có thể là ép nạn nhân tự gây thương tích hoặc xô đẩy làm nạn nhân ngã, va vào vật cứng dẫn đến thương tích... Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) quy định hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác được quy định tại điều 134, trong đó tùy tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi và tỷ lệ thương tật của nạn nhân để xử lý hình sự phù hợp. Ngoài ra khi xem xét từng vụ án cụ thể còn tùy thuộc ý thức chủ quan của người phạm tội, điều kiện hoàn cảnh để áp dụng điều luật phù hợp như phạm tội trong trường hợp tinh thần bị kích động mạnh (*Điều 135*), phạm tội do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc

do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội (*Điều 136*), hoặc phạm tội trong khi thi hành công vụ (*Điều 137*), hoặc phạm tội do vô ý (*Điều 138, 139*).

Người phạm tội Cố ý gây thương tích có thể bị xử phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 20 năm hoặc tù chung thân, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm. Trường hợp chuẩn bị phạm tội thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

2. Nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm

- **Thứ nhất**, xuất phát từ những mâu thuẫn nảy sinh trong quan hệ gia đình, vợ chồng không hòa thuận, quan hệ không đúng mực dẫn đến xô sát, cãi cọ, ghen tuông như vụ án Lữ Văn Thích giết vợ tại xã Tú Nang, huyện Yên Châu; Quảng Văn Thanh giết vợ tại xã Mường Bú, huyện Mường La; Đặng Văn Phạm giết vợ tại xã Mường Cơi, huyện Phù Yên.

- **Thứ hai**, xuất phát từ những mâu thuẫn nảy sinh ngoài xã hội như nợ nần, uống rượu bia, cạnh tranh làm ăn không lành mạnh, va chạm giao thông... hoặc xuất phát từ những mâu thuẫn nhỏ nhặt từ lời nói, cử chỉ khiêu khích dẫn các vụ đánh nhau gây thương tích hoặc giết người (*điển hình như các vụ án giết người xảy ra tại Mộc Châu, Phù Yên và thành phố Sơn La*).

- **Thứ ba**, xuất phát từ lối sống buông thả, sự xuống cấp về đạo đức lối sống, lợi ích kinh tế, dục vọng cá nhân hoặc do đối tượng bị hạn chế khả năng nhận thức dẫn đến thực hiện hành vi phạm tội (*như vụ giết hiếp trẻ em tại Đứa Mòn, Sông Mã; vụ giết cướp tài sản tại Phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La; vụ giết người do đối tượng mắc bệnh tâm thần ở Mường Lang, Phù Yên...*).

- **Thứ tư**, do tác động từ những mặt trái của cơ chế thị trường đã tác động đến lĩnh vực văn hóa, giáo dục; sự tha hóa biến chất, xuống cấp nghiêm trọng về đạo đức của một số tầng lớp người, cụ thể như ảnh hưởng của những sản phẩm văn hóa phẩm không lành mạnh, độc hại, kích động bạo lực...; nhiều gia đình do mãi làm kinh tế mà buông lỏng quản lý giáo dục con cái; hoặc ông bà, cha mẹ không gương mẫu, vi phạm pháp luật; vợ chồng ly tán... Đây là những nhân tố tác động đến tư tưởng, lối sống tiêu cực của tầng lớp thanh thiếu niên hướng tới giải quyết các mâu thuẫn bằng bạo lực.

- **Thứ năm**, công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật tuy đã được các cấp, các ngành thực hiện thường xuyên nhưng mới chủ yếu ở việc thông tin tuyên truyền chung chung, chưa quan tâm đối với nhóm đối tượng cụ thể.

- **Thứ sáu**, công tác quản lý nhà nước về ANTT ở một số lĩnh vực còn chưa nghiêm nhất là ở những địa bàn, lĩnh vực nhạy cảm (*như các loại hình dịch vụ ăn uống, giải trí ban đêm...*); bên cạnh đó một số loại tệ nạn như cờ bạc, mại dâm, ma túy vẫn diễn biến phức tạp đã tác động không nhỏ đến đạo đức, lối sống của người dân, nhất là tầng lớp thanh thiếu niên.

3. Một số giải pháp phòng ngừa tội phạm giết người, tội phạm cố ý gây thương tích

- **Thứ nhất, đối với mỗi người dân:**

+ Xây dựng cho bản thân lối sống yêu thương, đùm bọc, nhường nhịn lẫn nhau trong cộng đồng và gia đình; kịp thời giải quyết các mâu thuẫn nảy sinh bằng việc trao đổi thẳng thắn, không để mâu thuẫn âm ỉ tích tụ kéo dài dẫn đến các vụ giết người, cố ý gây thương tích.

+ Khi phát hiện hành vi giết người, cố ý gây thương tích cần nhanh chóng thông báo cho các lực lượng chức năng nơi gần nhất biết; ghi nhớ diễn biến sự việc, đặc điểm đối tượng gây án; bảo vệ những dấu vết tại hiện trường; cấp cứu người bị hại; tùy từng tình huống nếu khả năng của bản thân đảm bảo các điều kiện thì có thể khống chế, ngăn chặn hành vi phạm tội.

+ Khi biết thông tin về vụ việc Giết người, Cố ý gây thương tích cần đánh giá sơ bộ về thông tin đó có chính xác hay không; nếu chính xác cần nhanh chóng thông báo cho lực lượng chức năng nơi gần nhất biết để kịp thời xử lý; Phối hợp với lực lượng chức năng khi có yêu cầu cung cấp các thông tin liên quan.

- Thứ hai, nâng cao vai trò trách nhiệm của tổ hòa giải:

+ Thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của tổ hòa giải trong việc nắm tình hình và tham mưu giải quyết các vụ việc mâu thuẫn nảy sinh ở cơ sở;

+ Nghiên cứu kỹ nguyên nhân làm nảy sinh, các điều kiện nảy sinh mâu thuẫn để tìm ra phương pháp hòa giải đạt hiệu quả cao;

+ Tổ chức các buổi hòa giải kết hợp với công tác tuyên truyền pháp luật, cảnh báo nguy cơ nảy sinh phức tạp; kiểm điểm, răn đe giáo dục người có dấu hiệu vi phạm; dự báo những nguy cơ, những vấn đề phức tạp nảy sinh để có biện pháp giải quyết phù hợp;

+ Thường xuyên trao đổi, học hỏi kinh nghiệm trong công tác hòa giải, xây dựng những mô hình điểm, những cách làm hay hiệu quả trong thực tiễn ở cơ sở.

- Thứ ba, đối với nhóm liên gia tự quản:

+ Thường xuyên nắm tình hình ANTT trong nhóm liên gia tự quản;

+ Gắn trách nhiệm của từng hộ gia đình nếu để xảy ra mâu thuẫn;

+ Duy trì sinh hoạt nhóm thường xuyên, gắn với công tác tuyên truyền vận động quần chúng tham gia tố giác tội phạm, tích cực tham gia phong trào thi đua xây dựng nhóm liên gia tự quản vững mạnh;

+ Chủ động thông tin, báo cáo tình hình ANTT và kết quả hoạt động của nhóm liên gia tự quản; tham mưu đề xuất giải quyết các vụ việc đúng quy định của pháp luật, đúng thẩm quyền.

- Thứ tư, đối với cấp ủy, chính quyền, các đoàn thể ở tổ, bản, tiểu khu:

+ Thường xuyên phối hợp với các lực lượng trên địa bàn để nắm bắt thông tin của quần chúng nhân dân; kịp thời ghi nhận các vấn đề mâu thuẫn để có biện pháp xử lý hoặc báo cáo cơ quan, cấp có thẩm quyền giải quyết;

+ Giải quyết kịp thời, thỏa đáng các vấn đề kiến nghị, bức xúc của người dân khi được tiếp nhận; thường xuyên kiểm tra kết quả giải quyết;

+ Thực hiện tốt việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, vận động quần chúng nhân dân chấp hành pháp luật;

+ Chăm lo đến đời sống vật chất, tinh thần của người dân, đặc biệt có chính sách hợp lý đối với những hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, góp phần ổn định cuộc sống cho người dân;

+ Quan tâm động viên khen thưởng, nhân rộng các gương điển hình tại cơ sở trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Chuyên đề 13. Phòng ngừa tội phạm trộm cắp tài sản.

1. Nhận thức chung

Tội phạm trộm cắp tài sản là một loại tội xâm phạm sở hữu, trật tự an toàn xã hội, có tính chất phổ biến trong xã hội nước ta hiện nay, được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Theo đó, trộm cắp tài sản được hiểu là hành vi lén lút, bí mật chuyển dịch một cách trái pháp luật tài sản của người khác thành của mình.

Trong năm qua, hoạt động của tội phạm trộm cắp tài sản trên toàn quốc cũng như tại địa bàn tỉnh Sơn La diễn biến rất phức tạp. Tội phạm trộm cắp chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số vụ phạm pháp hình sự, đối tượng hoạt động với nhiều thủ đoạn khác nhau và thường xuyên thay đổi phương thức, thủ đoạn hoạt động, ngày càng tinh vi xảo quyệt, xâm hại trực tiếp đến tài sản của tổ chức và cá nhân, ảnh hưởng xấu đến TTATXH.

Năm 2015 toàn tỉnh xảy ra 322 vụ trộm cắp tài sản (*chiếm 37% số vụ phạm pháp hình sự*). Đã điều tra làm rõ 270/322 vụ, xử lý 372 đối tượng. Năm 2016 xảy ra 303 vụ trộm cắp tài sản (*chiếm 35,3%*), đã điều tra làm rõ 251/303 vụ, xử lý 329 đối tượng. Năm 2017 xảy ra 249 vụ trộm cắp tài sản (*chiếm 25,7%*), đã điều tra, làm rõ 230/249 vụ, xử lý 305 đối tượng.

2. Phương thức, thủ đoạn phổ biến của tội phạm trộm cắp tài sản và biện pháp phòng ngừa

Tội phạm trộm cắp tài sản hoạt động với nhiều thủ đoạn khác nhau, từ hoạt động đơn lẻ đến cấu kết, hình thành ổ nhóm, đường dây phạm tội từ trộm cắp đến tiêu thụ; chúng thường lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ tài sản để gây án ngay và nhanh chóng tiêu thụ tài sản; các đối tượng hoạt động chuyên nghiệp còn chuẩn bị công cụ, phương tiện, theo dõi kỹ nơi có tài sản, gây án ở địa bàn này nhưng tiêu thụ ở địa bàn khác để chống lại sự phát hiện, điều tra, xử lý của lực lượng chức năng.

Mục tiêu các đối tượng thường nhằm để trộm cắp là những bến bãi, cửa hàng, cửa hiệu, cơ quan công sở, những gia đình giàu có, những địa bàn có nhiều sơ hở trong quản lý bảo vệ tài sản. Chúng thường tìm trộm những tài sản gọn nhẹ, có giá trị, dễ tiêu thụ như tiền, vàng bạc, đá quý, máy tính, điện thoại, xe máy; các vật nuôi như trâu, bò, ngựa...

*** Thủ đoạn đột nhập trộm cắp tài sản ở nhà dân, kho tàng, công sở...:**

- Các đối tượng thường sử dụng sử dụng kim cộng lực, vạm phá khóa, xà beng, máy cắt, khoan, đèn khò, dũa, tay công, búa... để cắt, vạm bẻ khuy khóa, đập bẻ khóa,

cây cửa, cắt bẻ chân song cửa sổ, tháo ô cửa kính, ô thông gió, đột nhập vào công sở, nhà dân để trộm cắp tài sản;

- Chúng thường trèo tường, trèo theo ống nước, dây chống sét, qua cây cối sát nhà, bắc thang, chui qua các mái nhà tầng... để đột nhập từ các cửa tầng trên, đặc biệt là cửa tum. Có đối tượng còn lợi dụng sơ hở của chủ nhà mà lén vào nắp sẵn ở nơi kín trong nhà, cửa hàng... chờ cơ hội chủ nhà đi vắng hoặc ngủ say để trộm cắp tài sản;

- Quá trình hành động, thủ phạm thường tính sẵn những tình huống bất lợi để đối phó và tẩu thoát, nên sau khi đột nhập vào nơi định trộm chúng thường bố trí gây trở ngại cho việc đuổi bắt của chủ nhà như chèn cửa, khóa trái cửa buồng có người ở, tắt đèn, đặt chướng ngại vật ở lối ra vào... và mở sẵn lối thoát để nếu bị phát hiện thì nhanh chóng thoát ra ngoài, rồi chúng mới tiến hành lục soát, tìm lấy tài sản.

*** Thủ đoạn trộm cắp két bạc:** Đối tượng cây khóa cửa phòng nơi để két bạc, dùng vật sắc đục, cắt ở mặt sau hoặc bên hông két, sau đó bẻ cong thành két ra ngoài rồi lục soát chiếm đoạt tài sản bên trong két. Đối với két bạc loại nhỏ, bọn chúng thường dùng chèn, bao tải bọc lại rồi dùng phương tiện chở đi nơi khác phá két lấy tài sản.

Biện pháp phòng ngừa đối với 2 phương thức thủ đoạn trên:

- Nêu cao tinh thần cảnh giác, thực hiện tốt công tác tuần tra bảo vệ khu dân cư, cơ quan, xí nghiệp, công sở;

- Lắp đặt các hệ thống camera, thiết bị báo động chống trộm; hệ thống tường rào, cửa, khóa đảm bảo chắc chắn;

- Cất giữ chìa khóa cửa cẩn thận, nếu bị mất chìa khóa thì phải thay ổ khóa mới để phòng đối tượng sử dụng chìa đó hoặc in sao ra chìa khác để đột nhập trộm cắp tài sản;

- Giấu két bạc vào trong tủ gỗ, tủ nhựa, trong tường hoặc ngụy trang két bạc trong các vật dụng khác để đối tượng không phát hiện ra; xây gạch hoặc hàn, gắn két bạc cố định vào tường, nền nhà, không để đối tượng có điều kiện khuân két bạc đi đến địa điểm khác hoặc đục phá két bạc từ mặt sau, bên hông của két bạc.

*** Thủ đoạn trộm cắp xe máy:**

- Các đối tượng thường lân la ở các khu trung tâm đông người như bến xe, chợ, cửa hàng... để quan sát, theo dõi và lợi dụng tình trạng xe máy để lộn xộn không có người trông giữ, không khóa hoặc khóa không đảm bảo, thiếu sự trông coi thì chúng nhanh chóng lấy xe mang đi;

- Đối tượng lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của người dân để xe máy ở sân, dưới gầm sàn nhà qua đêm, cổng khóa không đảm bảo; để dọc tuyến đường khi đi nương rẫy không có người trông coi; để ở vỉa hè trước cửa nhà, nơi khuất tầm nhìn...;

- Để phá khóa các loại xe máy chúng sử dụng chìa khóa vạn năng hoặc vạm phá khóa hình chữ L hoặc hình chữ T, một đầu đập bẹp để tra vào ổ khóa xoay mạnh để mở. Đối với các loại khóa dây, khóa bằng dây xích, bằng thanh kim loại uốn... chúng dùng kim cộng lực để cắt, có trường hợp dùng dao, búa để chặt phá khóa rồi lấy xe đi, cũng có trường hợp đối tượng dắt đến nơi khác thuận lợi mới tìm cách mở phá khóa giả vờ như người có xe bị mất chìa khóa rồi đi xe trộm cắp được để chạy trốn và mang đi tiêu thụ. Sau khi lấy được tài sản chúng thường làm giả giấy tờ để dễ dàng tiêu thụ.

Biện pháp phòng ngừa: Phải lắp đặt khóa điện và khóa chống trộm đảm bảo chất lượng; không để chìa khóa điện cắm ở xe khi rời khỏi xe đi nơi khác; khi vào chợ, cửa hàng hoặc khu đông người phải gửi xe tại điểm trông xe tin cậy; không để xe máy qua đêm ở sân nhà, dưới gầm sân khi hệ thống bảo vệ không đảm bảo; không để xe ở ven đường khi đi nương rẫy mà không có người trông hoặc để xe ở những nơi khuất tầm nhìn...

*** Thủ đoạn trộm cắp gia súc (trâu, bò, ngựa...):**

- Các đối tượng thường móc nối với các đối tượng ở địa phương khác, hình thành đường dây trộm cắp và đưa đi tiêu thụ ở địa phương khác;

- Chúng lợi dụng việc nhân dân thả rông gia súc ở trên đồi rừng, nương rẫy, bãi chăn thả xa nơi ở, thiếu sự quản lý trông coi hoặc gia súc buộc ở chuồng, dưới sân nhà không có hàng rào, khóa bảo vệ hoặc có nhưng không đảm bảo an toàn... nên các đối tượng lén lút dắt gia súc đến nơi vắng người qua lại, mổ lấy thịt mang đi tiêu thụ tại các điểm giết mổ, mua bán thịt gia súc mà chúng đã hẹn trước; có những vụ đối tượng chỉ dắt gia súc đi cách nhà bị hại vài trăm mét đã nhanh chóng giết mổ và dùng xe máy chở thịt đi tiêu thụ;

- Thời gian thực hiện trộm cắp gia súc chủ yếu xảy ra vào ban đêm lúc mọi người thiếu cảnh giác; cũng có một số vụ trộm gia súc thả rông trên đồi rừng, nương rẫy xa khu dân cư, đối tượng thực hiện cả vào ban ngày.

Biện pháp phòng ngừa: Khi chăn thả ở rừng, nương rẫy xa nơi ở phải có người trông coi; cuối ngày phải đưa về chuồng trại trông giữ; chuồng trại phải có tường, rào và cửa khóa chắc chắn; xung quanh chuồng, cửa chuồng có thể đặt các chuông, mõ để gây tiếng động khi có người đột nhập...

-> Khi phát hiện đối tượng có biểu hiện nghi vấn hoạt động trộm cắp tài sản, mọi công dân phải nêu cao tinh thần cảnh giác, bí mật theo dõi di biến động của chúng, đồng thời bí mật thông tin cho lực lượng bảo vệ, Công an cơ sở nắm, giải quyết. Khi phát hiện các vụ trộm cắp đã xảy ra thì phải giữ nguyên hiện trường và nhanh chóng báo cáo cơ quan Công an để khám nghiệm điều tra; nếu phát hiện đối tượng đang thực hiện hành vi trộm cắp phải tìm cách thông tin, hô hoán mọi người đến tham gia vây bắt đối tượng, thu hồi tài sản, xử lý trước pháp luật.

Chuyên đề 14. Phòng ngừa tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

1. Nhận thức chung

Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản được quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, theo đó lừa đảo chiếm đoạt tài sản được hiểu là hành vi dùng thủ đoạn gian dối làm cho chủ sở hữu, người quản lý tài sản tin nhầm giao tài sản cho người phạm tội để chiếm đoạt tài sản đó.

Trong những năm vừa qua, tình hình tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên cả nước nói chung và ở địa bàn tỉnh Sơn La nói riêng có nhiều diễn biến phức tạp, có chiều hướng gia tăng, xuất hiện những phương thức thủ đoạn mới gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản cho nhân dân. Trong các năm 2016, 2017 toàn tỉnh Sơn La xảy ra 79 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản, gây thiệt hại về tiền và tài sản hơn một trăm tỷ đồng.

Lực lượng Công an đã điều tra làm rõ 74 vụ, 85 đối tượng (trong đó năm 2016 xảy ra 36 vụ, điều tra làm rõ 33 vụ = 35 đối tượng; năm 2017 xảy ra 43 vụ, điều tra làm rõ 41 vụ = 50 đối tượng) tỷ lệ điều tra làm rõ đạt 93,5%.

2. Thủ đoạn phổ biến của tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản và biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn

2.1. Lừa đảo bằng hình thức trực tiếp

- Lừa đảo thông qua hình thức chạy việc: Đây là hình thức lừa đảo không mới song vẫn không ít người dân hiện nay vẫn bị mắc vào. Các đối tượng thường đưa ra các thông tin giả như quen biết những người có chức vụ quyền hạn hoặc chính bản thân đối tượng có chức vụ quyền hạn nhất định hiện đang công tác tại các cơ quan nhà nước có khả năng chạy việc, chạy biên chế vào các cơ quan, đơn vị để bị hại tin tưởng đưa hồ sơ, tiền để “chạy việc”, khi giao nhận tiền thì hai bên chỉ làm giấy vay tiền thông thường, đối tượng sau khi nhận tiền không xin được việc làm và cũng không trả lại tiền, bị hại tố giác với cơ quan Công an nhưng không đưa ra được căn cứ đối tượng lừa đảo gây khó khăn cho công tác xử lý đối tượng.

* Đối với thủ đoạn lừa đảo bằng hình thức chạy việc: Tuyệt đối không giao tiền tài sản cho người mà mình chưa biết rõ, việc tuyển dụng vào biên chế của cơ quan nhà nước là thuộc chức năng của các cơ quan có thẩm quyền không có cá nhân nào có thể tự mình quyết định được việc nhận hay không nhận biên chế vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị do nhà nước quản lý. Nếu đã giao tiền, tài sản phải ngay lập tức tìm hiểu về nhân thân lai lịch của họ có đúng như lời họ nói không đồng thời thông báo đến cơ quan chức năng để có biện pháp giải quyết.

- Lừa đảo bằng hình thức hợp đồng vay mượn tiền, thuê xe, tài sản: Đối tượng lợi dụng mối quan hệ nhất định với bị hại để đưa ra các thông tin gian dối sau đó hỏi vay mượn tiền hoặc làm hợp đồng thuê xe ô tô, xe máy...sau đó đem đi bán hoặc cầm cố lấy tiền tiêu xài, không trả tiền, tài sản cho chủ sở hữu.

* Đối với hình thức lừa đảo bằng thủ đoạn vay mượn tiền, thuê xe, tài sản: Không cho vay, mượn tiền, tài sản khi không có tài sản có giá trị tương đương để đảm bảo.

2.2. Lừa đảo bằng hình thức gọi điện thoại hoặc thông qua các trang mạng xã hội

- Lừa đảo bằng hình thức giả danh cán bộ công an, viện kiểm sát, tòa án gọi điện lừa đảo chiếm đoạt tài sản: Thủ đoạn này được thực hiện như sau: các đối tượng lừa đảo gọi điện thoại đến số máy bàn hoặc điện thoại di động của người dân, tự xưng là cán bộ công an, viện kiểm sát, tòa án... thông báo cho người nghe điện thoại biết người đó hoặc người thân trong gia đình đang liên quan đến các đường dây rửa tiền, buôn bán ma túy... sau đó đối tượng lừa đảo yêu cầu người bị hại rút toàn bộ số tiền trong tài khoản tiết kiệm của mình để chuyển đến các số tài khoản do chúng cung cấp, phục vụ quá trình điều tra. Chúng hứa hẹn sau khi kiểm tra không liên quan sẽ trả lại hoặc yêu cầu bị hại chuẩn bị tiền để lo lót cho hành vi phạm tội mà chúng tự nêu ra. Khi trao đổi chúng yêu cầu bị hại phải giữ bí mật không được nói cho ai, nếu bị hại yêu cầu cung cấp thông tin chúng sẽ đưa ra thông tin giả hoặc sau đó sẽ không liên lạc với bị hại nữa. Trong năm 2017 tại địa bàn thành phố Sơn La đã xảy ra 03 vụ việc như trên, gây thiệt hại gần 1 tỷ đồng.

* Đối với thủ đoạn gọi điện thoại giả danh cán bộ Công an, Viện kiểm sát, Tòa án: Khi nhận cuộc gọi lạ người dân phải bình tĩnh, không làm theo yêu cầu của người gọi điện, tuyệt đối không chuyển tiền và không cung cấp tài khoản, thẻ tín dụng dưới bất cứ hình thức nào; thông báo ngay cho cơ quan Công an khi có nghi ngờ để cùng phối hợp giải quyết. Trường hợp có người giới thiệu là cán bộ Công an, Viện kiểm sát yêu cầu cho biết họ tên, đơn vị công tác để liên hệ trực tiếp với cơ quan đó để trao đổi vì các cơ quan chức năng khi làm việc phải có thông báo, giấy mời...

- Lừa đảo qua mạng Internet là hình thức phổ biến hiện nay, tập trung vào lừa đảo qua các mạng xã hội như Facebook, zalo... do các đối tượng chủ động lên mạng tìm con mồi với một số thủ đoạn như sau:

+ Đối tượng gửi tin nhắn, Email qua mạng làm quen sau đó đưa ra thông tin giả mạo như độc thân, nhà có điều kiện, sau một thời gian nói chuyện biết bị hại độc thân, ly hôn, đổ vỡ tình cảm chúng sẽ tìm cách tán tỉnh nói chuyện yêu đương, khi bị hại tin tưởng các đối tượng sẽ đưa ra thông tin là gửi quà tặng với giá trị hàng trăm nghìn đồng theo đường hàng không, đối tượng làm giả giấy tờ gửi hàng và chụp cho bị hại để làm tin, sau đó cho người liên hệ với bị hại và nói sẽ phải trả một khoản tiền đặt cọc để lấy được hàng vì hàng đó có giá trị cao, vì nhẹ dạ cả tin bị hại gửi tiền cho đối tượng, có người gửi đến 02 - 03 lần, sau khi biết mình bị lừa thì đã mất rất nhiều tiền, hoặc các đối tượng lừa bằng cách làm quen tán tỉnh yêu đương, sau đó vay tiền với nhiều lý do rồi chiếm đoạt, sau đó thì cắt đứt liên lạc.

+ Đối tượng lừa đảo đăng nhập trái phép vào một tài khoản trên mạng xã hội rồi nhắn tin đến các những người thân, quen của tài khoản đó hỏi vay tiền, xin thẻ điện thoại... hoặc lợi dụng các trang mạng xã hội, trang thông tin điện tử, mạng internet, mạng viễn thông đưa ra các thông tin trúng thưởng để lừa đảo như gửi tin nhắn thông báo trúng thưởng đến các số điện thoại, gửi các đường link thông báo trúng thưởng đến các tài khoản facebook, zalo..., nếu có người tin tưởng thì chúng sẽ thông báo nộp tiền phí nhận thưởng bằng cách nạp thẻ cào điện thoại hoặc chuyển tiền vào tài khoản để chúng chiếm đoạt.

* Đối với thủ đoạn lừa đảo lừa đảo qua mạng internet: Người dân nêu cao tinh thần cảnh giác tuyệt đối không chuyển tiền hoặc thẻ cào dưới bất cứ hình thức nào, nếu đã chuyển phải báo ngay cho ngân hàng phong tỏa ngay số tiền đã chuyển, nếu đã nạp thẻ cào điện thoại thì giữ lại các thẻ cào có lưu mã thẻ nạp, số seri để cung cấp cho cơ quan Công an, thông báo cho cơ quan Công an nơi gần nhất để xử lý; Không cho người khác thuê, mượn tài khoản cá nhân của mình để phục vụ việc thanh toán, chuyển tiền. Khuyến cáo người dân khi sử dụng thiết bị di động hạn chế chia sẻ thông tin cá nhân, hoàn cảnh, nguyện vọng... lên mạng xã hội, cẩn trọng khi kết bạn từ người lạ, nhất là người nước ngoài.

Khi phát hiện các đối tượng có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và công dân phải thông báo ngay đến cơ quan Công an nơi gần nhất để giải quyết.

Chuyên đề 15. Phòng ngừa, ngăn chặn bạo lực học đường.

1. Thực trạng tình hình

Bạo lực học đường đang trở thành mối lo của phụ huynh, của ngành giáo dục và của toàn xã hội. Bạo lực học đường không chỉ diễn ra ở thành thị mà còn ở nông thôn, không chỉ có ở học sinh nam, mà cả ở học sinh nữ. Đã gây ra những tác động và ảnh hưởng xấu đến mối quan hệ giữa trò với trò, thầy với trò, đồng thời gây hại trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần, thái độ học tập của học sinh, sự giảng dạy của thầy cô giáo và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Hiện nay, các phương tiện thông tin đại chúng đã và đang đưa rất nhiều hình ảnh, thông tin về tình trạng bạo lực học đường. Trước đây, chúng ta thường nghĩ rằng bạo lực học đường là một vấn đề hết sức xa xôi và không xảy ra phổ biến. Vì vậy mà đã không thể lường trước được hậu quả của nó đối với giới trẻ và sự phát triển của xã hội. Hiện tượng học sinh (HS) có những mâu thuẫn, gây gổ đánh nhau là một thực tế không mới nhưng hiện tượng đánh nhau của HS ở một số nơi trong thời gian gần đây đã bộc lộ những tính chất nguy hiểm và gây ra hậu quả nghiêm trọng. Rõ ràng bạo lực học đường đang là một vấn đề nóng bỏng, gây bức xúc cho xã hội. Nó không chỉ ảnh hưởng đến những người trong cuộc mà còn ảnh hưởng tới cả một thế hệ trẻ, ảnh hưởng trực tiếp tới tương lai của dân tộc. Chính vì vậy, việc tuyên truyền về giáo dục phòng ngừa, ngăn chặn bạo lực học đường cần được quan tâm trước tình hình hiện nay.

Đa số học sinh trong các cơ sở giáo dục đều có ý thức tu dưỡng phẩm chất đạo đức; chủ động, tích cực phấn đấu vươn lên trong học tập, rèn luyện; tham gia nhiệt tình, có trách nhiệm vào các hoạt động do ngành, nhà trường và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường tổ chức, phát động. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận học sinh có nhận thức và hành vi chưa đúng đắn, thể hiện cá tính bản thân một cách thái quá, thiếu khả năng kiềm chế dẫn đến mâu thuẫn, tạo ra bạo lực trong học đường và có hành vi vi phạm pháp luật.

Một số ít học sinh thiếu lễ phép, thiếu tôn trọng thầy cô và bạn bè, có thái độ không đúng mực khi bị nhắc nhở, phê bình vì vi phạm nội quy, gây gổ đánh nhau hoặc vi phạm các quy định về an toàn giao thông.

Trong ứng xử vẫn còn nhiều học sinh thể hiện thiếu kỹ năng sống do ảnh hưởng bạo lực qua phim ảnh, trò chơi điện tử và cuộc sống thực tế.

Theo thống kê, từ năm 2011 đến hết quý I/2018, trên địa bàn tỉnh Sơn La xảy ra 343 vụ việc bạo lực học đường và vi phạm pháp luật trong các cơ sở giáo dục, với 736 đối tượng tham gia, xâm hại 346 nạn nhân. **Điển hình:**

* Ngày 10/5/2017, tại trường THPT Thảo Nguyên, huyện Mộc Châu xảy ra vụ án giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, hậu quả làm 01 người chết. Nội dung vụ án như sau: Chiều 09/5/2017, Trịnh Danh Thịnh cùng Nguyễn Thu Trang đi chơi ở khu bể bơi thuộc bản Bó Bun, thị trấn Nông Trường Mộc Châu thì gặp Hoàng Quang Anh (là bạn trai của Trang). Hoàng Quang Anh có rủ Trang về cùng mình nhưng Trang không đồng ý. Tối ngày 09/5/2017, Trang vào mạng xã hội facebook thì thấy Quang Anh đăng tin trên trang mạng của mình chửi và đe dọa Thịnh. Ngày 10/5/2017 khi đến trường Thịnh đã mang theo 01 con dao nhọn cho vào ba lô để phòng thân, hết giờ học tiết 2, Thịnh đang ngồi trong lớp thì nghe Bùi Văn Kính (học sinh cùng lớp) đứng ngoài hành lang nói cho Thịnh biết là có người đến tìm. Thịnh đi ra ngoài hành lang thì thấy Quang Anh cùng với một số học sinh khác đang đứng ở hành lang, Thịnh đến gần gặp Hoàng Quang Anh. Khi gặp nhau Hoàng Quang Anh không

nói gì mà lao vào đám liên tục vào mặt, vào đầu Thịnh, Thịnh không chống cự mà chỉ ôm đầu lùi về phía sau, rồi quay người chạy dọc hành lang. Khi đến cửa chính lớp học 12A5 thì Vũ Lam Trường (*là anh họ của Quang Anh*) cũng lao vào đám vào người Thịnh. Thịnh chạy vào trong lớp, thì Quang Anh đuổi theo đám vào phía sau, Thịnh cầm lấy con dao nhọn trên mặt bàn thứ nhất, Hai bên giằng co, Thịnh giật mạnh tay cầm dao đâm một nhát trúng vào vùng ngực bên phải của Quang Anh, Quang Anh bị đâm và ôm vết thương đi ra khỏi lớp theo cửa chính. Sau đó Quang Anh được mọi người đưa đi cấp cứu và bị tử vong trên đường đi cấp cứu.

2. Nguyên nhân phát sinh bạo lực học đường

2.1. Về phía gia đình học sinh

Một số học sinh của nhà trường có hoàn cảnh gia đình khó khăn: Học sinh mồ côi cha mẹ, cha mẹ li hôn hoặc phải đi làm ăn xa dẫn tới không có người thường xuyên kèm cặp, bảo ban, đôn đốc, nhắc nhở và giám sát trong học tập, rèn luyện cũng như cách ứng xử trong đời sống giao tiếp, sinh hoạt hàng ngày.

Một số ít gia đình học sinh bố mẹ chưa thực sự quan tâm tới con cái, thường xuyên phó mặc việc chăm sóc, bảo ban con cái cho ông bà hoặc để con cái tự do, không quản lý hoặc không có biện pháp để quản lý con cái dẫn đến học sinh đua đòi, ham chơi.

Có gia đình chưa thực sự quan tâm đến việc học của con em mình, còn “*giao khoán*” con em mình cho thầy cô và nhà trường. Có gia đình cha mẹ dạy con không đúng cách, cha mẹ thực hiện cách cư xử không chuẩn mực hoặc thường xuyên có hành vi bạo lực giữa các thành viên trong gia đình.

Những học sinh có hoàn cảnh, nề nếp gia đình như trên thường không có ý thức trong chấp hành nội quy nhà trường và có những hành vi vi phạm pháp luật, đặc biệt là vi phạm an toàn giao thông. Khi được thầy cô phê bình hoặc bạn bè nhắc nhở thì tỏ thái độ bất cần và sẵn sàng tạo xích mích, gây gổ đánh nhau, gây thương tích.

2.2. Về tác động của các yếu tố ngoài xã hội: Sự tác động của yếu tố văn hóa như phim ảnh, internet, các tệ nạn ngoài xã hội... là tác nhân quan trọng trong việc hình thành các hành vi bạo lực ở học sinh. Ngay từ nhỏ, trẻ em đã bị ảnh hưởng bởi các phim ảnh không lành mạnh, các trò chơi bạo lực trên internet, điều đó đã hình thành nhận thức sai lầm, lệch lạc dẫn tới hành vi bạo lực của học sinh. Bên cạnh đó, việc không được quan tâm đúng mức của gia đình, sự lôi kéo của phần tử xấu dẫn tới hành vi nói dối, nói tục, chửi thề, gây gổ đánh nhau, vi phạm pháp luật...

2.3. Về phía nhà trường

Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh còn ở mức độ hạn chế, chưa đạt hiệu quả cao.

Việc rèn luyện kỹ năng sống (*đặc biệt là nhóm kỹ năng mềm như kỹ năng ứng xử trong giao tiếp; kỹ năng quan sát, học tập; kỹ năng kiềm chế cảm xúc...*) còn gặp nhiều khó khăn do năng lực nhận thức, ý thức của một số ít học sinh còn hạn chế; những hành động thiếu tình, đạt lý và đạt tới giá trị nhân văn cao vẫn chưa thực hiện được.

Một số ít giáo viên chủ nhiệm còn chưa thực sự bám sát lớp chủ nhiệm, chưa kịp thời nắm bắt diễn biến tình cảm, tâm tư nguyện vọng, hoàn cảnh gia đình của học sinh,

các vụ việc, mâu thuẫn trong học sinh chưa được quan tâm nắm bắt và giải quyết, ngăn chặn kịp thời dẫn đến xảy ra các vụ việc nghiêm trọng hơn.

Sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường, xã hội trong công tác quản lý, giáo dục học sinh có nơi còn chưa chặt chẽ, đúng mực.

2.4. Về cá nhân học sinh: Một số học sinh do hạn chế về nhận thức, việc rèn luyện kỹ năng sống, ý thức chấp hành kỷ cương, nội qui trường, lớp học và các quy định của pháp luật chưa cao nên dễ bắt chước thói hư, tật xấu, hành vi không lành mạnh. Ngoài ra, một số em có biểu hiện tự ti, mặc cảm và dễ bột phát nổi loạn...do tâm sinh lý các em đang phát triển, chưa ổn định.

3. Các biện pháp phòng, chống bạo lực học đường

- Biện pháp xử lý đối với đối tượng gây ra bạo lực học đường: Tùy theo tính chất mức độ vi phạm người vi phạm sẽ bị kiểm điểm, xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật:

+ Hành vi bạo lực học đường có thể cấu thành các tội: Giết người, Cố ý gây thương tích, Làm nhục người khác, Hiếp dâm... thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về các tội nêu trên theo luật định;

+ Hành vi bạo lực học đường có thể bị xử lý vi phạm hành chính theo Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

+ Hành vi bạo lực học đường có thể bị lập hồ sơ giáo dục tại xã, phường, thị trấn; lập hồ sơ đưa vào trường giáo dưỡng;

- Biện pháp hỗ trợ học sinh có nguy cơ bị bạo lực học đường:

+ Phát hiện kịp thời học sinh có hành vi gây gổ, có nguy cơ bạo lực hoặc bị bạo lực, đánh giá nguy cơ, hình thức bạo lực học đường có thể xảy ra để có biện pháp phòng tránh;

+ Thông báo kịp thời với gia đình để phối hợp xử lý; trường hợp vụ việc vượt quá khả năng của cơ sở giáo dục thì thông báo cáo kịp thời với các ngành chức năng cơ quan công an để ngăn chặn phối hợp giải quyết, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với nhà trường:

+ Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật và các quy định về phòng, chống bạo lực học đường;

+ Phổ biến nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong cơ sở giáo dục về công tác phòng, chống bạo lực học đường;

+ Nhà trường, các thầy cô giáo, đặc biệt là giáo viên chủ nhiệm phải tăng cường công tác quản lý, giáo dục, răn đe những học sinh cá biệt, học sinh hư có thể trở thành đối tượng gây ra các vụ bạo lực học đường; tăng cường các hoạt động phối hợp giữa nhà trường với gia đình trong việc giáo dục học sinh hư. Những trường hợp học sinh có hành vi vi phạm cụ thể, nhà trường nên phối hợp với Công an xã, phường, thị trấn để tổ chức giáo dục, kiểm điểm, răn đe đối tượng;

+ Nhà trường cần tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục cho học sinh biết các biện pháp bảo vệ bản thân khỏi bị bạo lực học đường; biện pháp xử lý trong trường hợp trở thành nạn nhân của bạo lực học đường xảy ra;

+ Nhà trường phải công khai địa chỉ, số điện thoại của Công an xã, phường, thị trấn để mọi người cung cấp thông tin khi có vụ, việc bạo lực học đường xảy ra;

+ Công khai các kế hoạch, chương trình phòng chống bạo lực học đường trong các cơ sở giáo dục;

- Đối với gia đình quan tâm giáo dục con cái đúng đắn, hình thành nhân cách tốt cho con cái.

Chuyên đề 16. Phòng ngừa, ngăn chặn bạo lực gia đình.

1. Thực trạng tình hình

Bạo lực gia đình là vấn nạn của xã hội, gây nhức nhối cho nhân loại, để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng cho con người, nhất là đối với phụ nữ, trẻ em. Ở Việt Nam, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã dành nhiều sự quan tâm tới việc phòng, chống bạo lực gia đình và đã ban hành nhiều đạo luật trực tiếp và gián tiếp như: Hiến pháp, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Bộ luật Dân sự,.. và đặc biệt là Luật phòng, chống bạo lực gia đình 2007. Những văn bản này đã tạo ra nhiều chuyển biến tích cực trong đời sống xã hội trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình. Nhưng đánh giá một cách khách quan thì các quy phạm pháp luật này chưa thực sự đi vào cuộc sống, sự quan tâm và hiểu biết về lĩnh vực này chưa đi vào chiều sâu, tình trạng bạo lực trong gia đình chưa có nhiều thay đổi và chưa có những chuyển biến tích cực. Hơn thế nữa, hiện nay nó dần trở thành như một sự việc, hiện tượng đáng quan tâm của toàn xã hội.

Tại địa bàn tỉnh Sơn La trong những năm gần đây có nhiều vụ bạo lực gia đình diễn ra nghiêm trọng, gây hậu quả thương tâm:

- Năm 2015 xảy ra 18 vụ bạo lực gia đình trong đó: chồng giết vợ 03 vụ; vợ giết chồng 03 vụ; bố hiếp dâm con 01 vụ; vợ chồng xô sát đánh cãi nhau 11 vụ. Hậu quả làm chết 02 người, bị thương 04 người, trẻ em bị xâm hại 01 người.

- Năm 2016 xảy ra 15 vụ bạo lực gia đình trong đó: chồng giết vợ 02 vụ; con giết mẹ 01 vụ; em giết anh 01 vụ; bố hiếp dâm con 01 vụ; xô sát đánh cãi chửi nhau trong gia đình 10 vụ. Hậu quả làm chết 02 người, bị thương 15 người, 01 trẻ em bị xâm hại.

- Năm 2017 xảy ra 18 vụ bạo lực gia đình trong đó: chồng giết vợ 04 vụ; giết con 01 vụ; hiếp dâm con 01 vụ; xô sát đánh cãi nhau trong gia đình 12 vụ.

- Một số vụ án điển hình:

* Vụ án bố dượng hiếp con riêng, xảy ra ngày 24/8/2017 tại bản Suối Tiều, xã Đá Đỏ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, nạn nhân là Đặng Thị Thanh sinh năm 2007. Nội dung vụ án:

Khoảng 22 giờ ngày 24/8/2017, Đặng Văn Nái nằm ngủ cùng với Đặng Thị Hồng và Đặng Thị Thanh (*con riêng của vợ*) trên một chiếc chiếu trải ra ở giữa nhà, Nái nảy sinh ý định giao cấu với Thanh nên đã thực hiện hành vi hiếp dâm Thanh cho dù Thanh

đã chống cự lại. Thực hiện hành vi hiếp dâm cháu Thanh xong đối tượng tiếp tục đi ngủ. Do bị đau bộ phận sinh dục nên ngày 26/8/2017, Đặng Thị Thanh gọi điện thoại cho mẹ là Bàn Thị Sinh và kể cho biết việc bị Đặng Văn Nái giao cấu. Ngày 28/08/2017, chị Bàn Thị Sinh làm đơn tố giác và đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên điều tra làm rõ.

Kết quả điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự Hiếp dâm trẻ em, khởi tố bị can đối với Đặng Văn Nái về tội Hiếp dâm trẻ em theo quy định tại Khoản 4, Điều 112 BLHS.

* Vụ án chồng giết vợ, xảy ra ngày 10/02/2017 tại Bản Suối Bí, xã Mường Coi, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, nạn nhân là Đặng Thị Lún bị chồng là Đặng Văn Phạm giết.

Nội dung vụ án: ngày 29/01/2017 khi Phạm đi chơi về gần đến nhà thì nhìn thấy có một người đàn ông từ trong nhà đi ra, nghi ngờ vợ có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên từ đó, trước khi đi ngủ Phạm thường xuyên mang theo con dao nhọn để đầu giường với mục đích là rình xem vợ có hẹn hò gặp người đàn ông nào không thì sẽ dùng dao đâm. Vào khoảng 20 giờ ngày 10/02/2017, Phạm nằm suy nghĩ, nghi ngờ việc vợ đi ngoại tình nên nảy sinh ý định giết vợ, Phạm cầm con dao đi đến chỗ giường chị Lún đang ngủ, dùng dao đâm liên tiếp vào người Lún, Lún gạt được, dùng hai tay nắm vào cổ tay cầm dao của Phạm giằng co, đồng thời gọi Đặng Văn Chung (*là con riêng của Lún*) đến can thiệp. Nghe tiếng gọi, Chung đang ngủ ở giường bên cạnh tỉnh dậy và đến can ngăn, Phạm quay lại cầm dao đâm 02 phát trúng vào ngực và sườn của Chung, Chung bỏ chạy ra cửa chính; chị Lún cũng bỏ chạy ra hướng bếp thì bị Phạm đuổi theo đâm 02 phát vào ngực chị Lún, sau đó chạy đuổi theo Chung ra đến ngoài nhưng không thấy Chung. Lúc đó chị Lún bỏ chạy ra vườn, Phạm đuổi theo rồi tiếp tục đâm nhiều nhát vào người chị Lún. Hậu quả, chị Lún bị đâm 02 phát thấu vào lồng ngực, 04 phát thấu vào ổ bụng, 01 phát vào mặt, 01 phát vào bàn tay phải; Đặng Văn Chung bị đâm 01 phát vào sườn bên trái thấu vào trong, 01 phát vào ngực bên trái thấu vào trong.

* Vụ án chồng giết vợ người xảy ra đêm 07/3/2013 tại bản Mơ Tươi, Lóng Phiêng, Yên Châu, nạn nhân là chị Lò Thị Chung, sinh năm 1982 bị đối tượng chém giết rất dã man, sau đó cho xác nạn nhân vào bao tải chôn ở khe suối. Đối tượng thực hiện hành vi giết người là Vì Văn Khiêm chính là chồng của nạn nhân.

2. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến các vụ bạo lực gia đình

- Do bất bình đẳng giới trong gia đình.
- Do khó khăn về kinh tế có thể dẫn tới bạo lực gia đình vì kinh tế khó khăn tạo áp lực, căng thẳng, bế tắc trong gia đình do đó dễ dẫn tới các mâu thuẫn, nếu không biết giải quyết phù hợp có thể dẫn tới bạo lực gia đình.
- Do trình độ nhận thức và hiểu biết của của một bộ phận người dân còn thấp cũng là nguyên nhân dẫn đến bạo lực gia đình.
- Do trong gia đình có thành viên nghiện rượu chè, cờ bạc, nghiện hút, mại dâm cũng là nguyên nhân dẫn đến bạo lực gia đình.

- Do vợ hoặc chồng ngoại tình, ghen tuông là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến bạo lực gia đình

3. Biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, giải quyết

- Mọi hành vi vi phạm về bạo lực gia đình đều bị xử lý nghiêm trước pháp luật. Tùy theo tính chất mức độ vi phạm, người vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính, xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật:

+ Hành vi bạo lực gia đình cấu thành các tội: Giết người, Cố ý gây thương tích, Làm nhục người khác, Hiếp dâm... thì đối tượng vi phạm sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về các tội nêu trên;

+ Đối tượng có hành vi bạo lực gia đình có thể bị xử lý vi phạm hành chính theo Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Luật phòng, chống bạo lực gia đình năm 2008; Nghị định số: 110/2009/NĐ-CP quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực phòng chống bạo lực gia đình;

+ Đối tượng có hành vi bạo lực gia đình có thể bị lập hồ sơ giáo dục tại xã, phường, thị trấn; lập hồ sơ đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc.

- Đối với hàng xóm, láng giềng khi phát hiện có mâu thuẫn trong các gia đình hoặc trong trường hợp bị bạo lực gia đình, cần báo cho chính quyền tổ, bản, nhóm liên gia tự quản, công an viên, bảo vệ dân phố biết và tiến hành hòa giải, ngăn chặn các hành vi bạo lực xảy ra. Cùng với cộng đồng dân cư tư vấn, góp ý, phê bình đối với những đối tượng có hành vi bạo lực gia đình nhằm làm chuyển biến nhận thức của người có hành vi bạo lực gia đình, để họ không tiếp tục có hành vi bạo lực gia đình nữa.

- Đối với cửa cấp ủy, chính quyền tổ, bản, nhóm liên gia tự quản, công an viên, bảo vệ dân phố, tổ hòa giải tiến hành hòa giải các mâu thuẫn, tranh chấp, giữa các thành viên trong gia đình và cung cấp địa chỉ, số điện thoại để người dân liên hệ trong trường hợp xảy ra các vụ bạo lực gia đình: Việc hòa giải các mâu thuẫn trong các thành viên trong gia đình là trách nhiệm của gia đình, người đứng đầu hoặc uy tín trong dòng họ, người có uy tín trong cộng đồng dân cư, cơ quan, tổ chức chính quyền địa phương.

- Đối với mỗi gia đình thì vợ chồng phải biết cách ứng xử tế nhị, tôn trọng giúp đỡ nhau, tạo không khí hòa thuận, cùng có trách nhiệm chăm sóc nuôi dạy con cái.

Chuyên đề 17. Phòng ngừa, ngăn chặn tình trạng công dân bị lừa bán ra nước ngoài.

1. Thực trạng tình hình công dân bị lừa bán ra nước ngoài

Trong những năm qua tình hình tội phạm mua bán người xảy ra trên địa bàn tỉnh Sơn La có nhiều diễn biến phức tạp, Công an tỉnh Sơn La đã chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ, công an các huyện, thành phố đã triển khai đồng bộ các giải pháp, phòng ngừa, đấu tranh với loại tội phạm này. Thực hiện Kết luận số 09/KL-CAT-PV11, ngày 03/7/2015 của Giám đốc Công an tỉnh Sơn La về giải quyết tình hình liên quan đến công dân vắng mặt lâu ngày tại địa phương, Công an tỉnh đã giao cho lực lượng An ninh điều tra tham mưu, thường trực Kế hoạch chuyên đề số 239/KH-CAT-PA92, ngày 07/8/2015 về giải quyết tình hình công dân bị lừa bán đi nước ngoài trên địa bàn tỉnh Sơn La. Quá trình triển khai thực hiện, đến nay các đơn vị công an oàn tỉnh đã đạt được một số kết quả

nhất định: (1) Triển khai nhiều giải pháp phòng ngừa, trong đó tập trung thực hiện được trên 100 hoạt động tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhiều diện đối tượng (*phụ nữ, trẻ em, học sinh, sinh viên,...*); biên tập, phát hành hơn 800 đĩa DVD tuyên truyền đến các địa bàn; (2) Phát hiện, khởi tố 29 vụ = 51 bị can, ngăn chặn, giải cứu thành công 51 trường hợp (*trong đó xác lập 14 chuyên án, khởi tố 14 vụ = 29 bị can*).

Tuy nhiên bên cạnh kết quả đạt được, tình hình công dân vắng mặt tại địa phương nghi bị lừa bán ra nước ngoài vẫn còn tiềm ẩn nhiều diễn biến phức tạp (*hiện còn hơn 300 trường hợp công dân là phụ nữ, trẻ em vắng mặt tại địa phương nghi bị lừa bán ra nước ngoài*). Phương thức, thủ đoạn của tội phạm mua bán người thường xuyên thay đổi, đặc biệt là triệt để lợi dụng các phương tiện thông tin, liên lạc (*điện thoại, Facebook, Zalo,...*), các loại hình vận tải (*xe khách, xe taxi, xe ôm,...*) để hoạt động phạm tội; hoạt động phòng ngừa, ngăn chặn của các chủ thể tham gia còn bộc lộ nhiều bất cập, hạn chế, đôi khi chưa được quan tâm đúng mức; các hoạt động tuyên truyền chưa được triển khai đến đúng đối tượng, địa bàn có nguy cơ cao,...

2. Thủ đoạn hoạt động của tội phạm mua bán người

- Thủ đoạn lừa gạt của bọn tội phạm ngày càng xảo quyệt, tinh vi. Song có những thủ đoạn tưởng chừng rất đơn giản, quen thuộc mà vẫn đẩy các nạn nhân sa vào cạm bẫy. Chúng thường nhằm vào các đối tượng kém về nhận thức, mù chữ, nhẹ dạ cả tin, thất nghiệp, đói nghèo không nơi nương tựa. Hay cả những trường hợp ăn chơi xa đọa, không chịu lao động sản xuất chỉ mong có cuộc sống nhàn hạ, sung sướng “*không làm mà vẫn có ăn*”, mong muốn khám phá những vùng đất mới...

- Bọn tội phạm thường núp dưới danh nghĩa giúp tìm việc thu nhập cao, rủ đi làm ăn, buôn bán để thay đổi cuộc sống, đi du lịch để thay đổi không khí, kết hôn với người nước ngoài để có được “*tấm chồng ngoại*”, lấy chồng Trung Quốc chỉ ở nhà sinh con, không phải đi làm. Nhưng trong thực tế họ đã bị ép trở thành vợ của những người đàn ông nhiều tuổi, kể cả người tàn phế; số khác bị bán vào các động mại dâm, bị bóc lột, hành hạ cả về thể xác lẫn tinh thần, không có cơ hội trốn thoát, trở về nước, có người sau khi bị bán, sinh con rồi lại bị bán qua tay cho nhiều người đàn ông. Có nhiều trường hợp, chúng dùng chính những nạn nhân đã bị chúng lừa bán để tuyên truyền, lôi kéo, rủ rê, lừa gạt những người khác.

- Thời gian qua, thủ phạm là nam giới thường lợi dụng công nghệ thông tin phát triển để hoạt động phạm tội như thông qua điện thoại, internet, các trang mạng xã hội (*Facebook, zalo,...*) dùng chiêu bài giả vờ làm quen, gọi điện, nhắn tin tán tỉnh các cô gái rồi rủ rê họ bỏ nhà, bỏ chồng hoặc lừa đi chơi mua sắm... do vậy nhiều cô gái nhẹ dạ, cả tin dễ dàng sa bẫy của “*người yêu*”, đến lúc nhận rõ được chân tướng thì đã muộn.

- Ngoài thủ đoạn dụ dỗ phụ nữ đi làm xa, lấy chồng ngoại, bọn lừa đảo còn “*sáng tạo*” ra những chiêu thức mới như qua hình thức xuất khẩu lao động, du lịch để lừa gạt. Có những trường hợp nạn nhân còn phải mất thêm một khoản tiền để lót “*thủ tục*” đến lúc phát hiện ra mình bị lừa thì đã “*tiền mất tật mang*”.

3. Hậu quả của tình trạng mua bán người

- Đối với nạn nhân: Nạn nhân bị mua bán luôn gặp những rủi ro, bất chắc, bị bóc lột về sức lao động, bóc lột về tình dục, bị chà đạp về nhân phẩm, bị lừa gạt về kinh tế và tính mạng luôn bị đe dọa; Có nguy cơ bị mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục.; mất cơ hội học hành; bị tước mất quyền công dân và quyền con người; tinh thần suy sụp, lo âu, sợ hãi; mặc cảm, bi quan, mất niềm tin vào cuộc sống; khó hòa nhập với cuộc sống và cộng đồng; Dễ xa vào các tệ nạn xã hội: Mại dâm, ma túy... hoặc trở thành kẻ buôn người.

- Đối với gia đình: Ảnh hưởng rất lớn đến đời sống vật chất, tinh thần cho các gia đình nạn nhân. Chồng mất vợ, con cái thiếu mẹ chăm sóc, cha mẹ, người thân mất con, cháu, chị, em... và ảnh hưởng lâu dài đến thế hệ con cái của họ (*đa số phụ nữ trong độ tuổi sinh sản, thường con cái họ còn rất nhỏ tuổi..*); Tốn kém tiền bạc, thời gian và sức lực để tìm kiếm người thân; Các thành viên trong gia đình sống trong lo âu, mặc cảm.

- Đối với xã hội: Ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội ở khu dân cư, ở địa phương, ảnh hưởng lâu dài và tiềm ẩn nhiều phức tạp đến an ninh, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội; làm thiếu hụt lao động, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế; tăng gánh nặng kinh tế của địa phương trong việc giải quyết hậu quả của nạn nhân mua bán người; làm tăng nguy cơ lây nhiễm, ảnh hưởng tới sức khỏe cộng đồng.

4. Nguyên nhân

- Cấp ủy, chính quyền một số địa bàn cơ sở chưa thường xuyên quan tâm công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho nhân dân về phương thức, thủ đoạn của các loại tội phạm....

- Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân tại các khu vực vùng cao, vùng sâu, biên giới, nơi có đồng bào dân tộc thiểu số (*đặc biệt đồng bào dân tộc Mông*) còn khó khăn, trình độ dân trí của người dân nơi đây còn hạn chế, là điều kiện để các đường dây tội phạm mua bán người lợi dụng, rủ rờ, đưa ra các viễn cảnh về cuộc sống sung sướng ở bên kia biên giới để các nạn nhân tin tưởng xuất cảnh ra nước ngoài.

5. Các biện pháp phòng ngừa

5.1. Phòng ngừa từ mỗi cá nhân

- Cảnh giác trước những người quen biết qua mạng xã hội, qua điện thoại.

- Khi được bạn bè, người yêu... rủ đi chơi xa, đi làm ăn xa phải thông tin với người thân, bạn bè; xin phép bố mẹ; tham khảo thêm ý kiến của người thân, bạn bè trước khi quyết định đi chơi xa hoặc đi làm ăn xa.

- Tuyệt đối không đi chơi với những người mà người thân trong gia đình mình không quen biết.

- Chỉ đi chơi, đi làm ăn xa với bạn bè, người yêu khi biết rõ và chính xác địa chỉ, nhà cửa của họ; biết về gia đình, bạn bè của họ và được bố mẹ, người thân đồng ý.

- Luôn giữ liên lạc qua điện thoại với gia đình khi đi chơi xa, đi làm ăn xa.

- Khi phát hiện bản thân mình bị lừa đem bán, phải cố gắng tạo sự chú ý của những người xung quanh để nhờ họ giúp đỡ, giải cứu mình khỏi bọn buôn người và thông báo với cơ quan Công an nơi gần nhất.

Luôn rèn luyện tu dưỡng phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh không mắc tệ nạn xã hội; hiểu rõ thủ đoạn của tội phạm mua bán người; có ý thức cảnh giác trước tội phạm mua bán người, trước những lời dụ dỗ, hứa hẹn về việc làm hoặc lấy chồng nước ngoài; khi phát hiện hoặc nghi ngờ bọn chủ mưu môi giới cần thông báo ngay cho Công an, chính quyền, các đoàn thể ở địa phương; Tham khảo ý kiến của người thân, bạn bè trước khi đi làm ăn xa; tìm hiểu kỹ nơi mình định đến, người môi giới, người đi cùng; khi đi khỏi địa phương phải báo với chính quyền địa phương, thông báo địa chỉ nơi đến, giữ mối liên lạc thường xuyên với gia đình; kịp thời báo tin, tố giác, tố cáo hành vi mua bán người và hành vi có liên quan thông qua chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng.

5.2. Phòng ngừa từ gia đình

- Thông tin cho mọi thành viên trong gia đình biết về tình hình hoạt động của tội phạm mua bán người; các thủ đoạn của tội phạm mua bán người để mọi người tự nêu cao tinh thần cảnh giác.

- Thông tin cho mọi thành viên trong gia đình biết về nguy cơ có thể trở thành nạn nhân của tội phạm mua bán người và các biện pháp tự phòng ngừa nêu trên, để mỗi cá nhân tự phòng tránh; tự giải thoát bản thân khỏi tội phạm mua bán người.

- Thường xuyên quan tâm đến mọi thành viên trong gia đình; phát hiện, ngăn chặn kịp thời hoạt động của tội phạm mua bán người, hoặc các trường hợp có dấu hiệu của tội phạm mua bán người.

- Thông báo với cơ quan Công an mọi dấu hiệu nghi vấn của tội phạm mua bán người, hoặc thông tin về các trường hợp nghi bị mua bán để có biện pháp giải quyết kịp thời.

Nâng cao nhận thức cho mọi thành viên trong gia đình về hậu quả của tệ nạn buôn bán người với bản thân, gia đình và xã hội; Giáo dục các thành viên trong gia đình luôn quan tâm thương yêu, đoàn kết gắn bó, thắt chặt sợi dây tình cảm. Giải quyết kịp thời các mâu thuẫn trong gia đình, ngăn ngừa bạo lực gia đình với phụ nữ và trẻ em; quan tâm, bảo vệ, chăm sóc giáo dục trẻ em, không để trẻ em bỏ học đi lao động sớm; tích cực học tập, lao động, xây dựng và phát triển kinh tế, ổn định cuộc sống; hỗ trợ cảm thông chia sẻ khó khăn với thành viên trong gia đình từ nước ngoài trở về tái hoà nhập cộng đồng; phối hợp với nhà trường, cơ quan, tổ chức và các đoàn thể xã hội trong phòng chống mua bán người; chăm sóc, giúp đỡ nạn nhân là thành viên của gia đình để họ hoà nhập cuộc sống gia đình và cộng đồng; khi phát hiện hoặc nghi ngờ bọn chủ mưu môi giới cần thông báo ngay cho công an, chính quyền, các đoàn thể ở địa phương; động viên nạn nhân là thành viên của gia đình hợp tác với các cơ quan có thẩm quyền trong công tác phòng chống mua bán người.

5.3. Phòng ngừa từ cộng đồng xã hội

Tăng cường phổ biến giáo dục pháp luật liên quan đến tội phạm buôn bán người; nâng cao nhận thức về thủ đoạn, nguyên nhân, hậu quả, cách phòng chống mua bán người và kỹ năng tự bảo vệ mình cho phụ nữ trong nhóm có nguy cơ cao; cung cấp thông tin, trang bị kiến thức cho những người muốn chuyển nơi ở, những người muốn lấy chồng nước ngoài; nắm thông tin về những người đến tuyển dụng lao động; rà soát,

quan tâm, giúp đỡ những người phụ nữ và trẻ em trong các gia đình khó khăn về việc làm, đời sống hoặc trong gia đình có mâu thuẫn có thể dẫn đến phụ nữ và trẻ em bỏ nhà ra đi; tăng cường hỗ trợ tạo việc làm, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống; quản lý giáo dục những người có tiền án, tiền sự, những người có biểu hiện vi phạm pháp luật. Chú trọng quản lý những người đã từng đi nước ngoài trở về; quản lý chặt chẽ nhân khẩu, khai báo tạm trú, tạm vắng; quản lý, kiểm tra các ngành nghề kinh doanh, cơ sở sử dụng lao động và các loại hình dịch vụ khác liên quan đến phòng ngừa buôn bán phụ nữ, trẻ em như dịch vụ du lịch, xuất khẩu lao động; tạo dư luận xã hội lên án hành vi mua bán người, mua bán trẻ em.

Chuyên đề 18. Phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm về ma túy và công tác cai nghiện ma túy.

Ma túy vẫn đang là một vấn đề nhức nhối của xã hội. Ma túy không chỉ huỷ hoại sức khỏe con người mà còn khiến nhiều gia đình rơi vào cảnh khánh kiệt, bần cùng. Ma túy không chỉ là nguyên nhân của các mối bất hoà trong gia đình mà còn là nguyên nhân dẫn đến phạm tội và gây mất trật tự, an toàn xã hội. Những tác hại và hậu quả của ma túy vẫn đang tác động và gây ảnh hưởng đến tất cả chúng ta từng ngày, từng giờ. Vì vậy, “chung tay đẩy lùi ma túy” và “*giảm thiểu tác hại*” của ma túy không chỉ là trách nhiệm của các cơ quan nhà nước hay các tổ chức liên quan đến việc phòng chống ma túy mà còn là trách nhiệm của mỗi chúng ta.

I. Một số loại ma túy mới xuất hiện

1. Cocain (là hoạt chất trích xuất từ lá cây Coca)

+ Tên khác: Crack, Ice, hay "*Morphine nhân tạo*", thường tồn tại dưới dạng: bột, tinh thể nhỏ, Màu trắng, không mùi, vị đắng. Cocain được chiết tách từ cây Côca vào những năm 1880, nó được dùng là thuốc gây tê trong giải phẫu mắt. Hiện nay do tiến bộ khoa học kỹ thuật đã sản xuất ra một số thuốc gây mê cục bộ an toàn hơn nên nó không còn được sử dụng trong phẫu thuật.

Theo một số tài liệu được tham khảo thì cây Côca du nhập vào Việt Nam khoảng đầu thế kỷ 20, được trồng chủ yếu ở một số tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Người dân thường nhai lá nuốt nước để giải khát và chống mệt mỏi.

2. Ma túy tổng hợp

Tại Việt Nam, sau một thời gian dài ngự trị của thuốc phiện, Heroin, ma túy tổng hợp được du nhập vào nước ta những năm cuối thế kỷ 20 đầu thế kỷ 21. Ban đầu là những viên hồng phiến, sau đó là viên nhộng (*thường gọi thuốc lắc*). Sau đó xuất hiện dạng bột (*Ke*), tinh thể (*đá*) như hiện nay.

Do nhu cầu tiêu thụ trong nước mạnh nên ma túy tổng hợp (*MTTH*) được đưa trái phép vào Việt Nam ngày một nhiều, cả về chủng loại, mẫu mã. Bình thường Methamphetamin, MDMA tồn tại ở dạng lỏng, không màu, ít tan trong nước và dễ tan trong một số dung môi hữu cơ khác. Ở thị trường ma túy bất hợp pháp thường được sử dụng dưới dạng muối clohydrat, chúng tồn tại dưới dạng viên nén, viên con nhộng, hoạt dung dịch thuốc tiêm vì thế chúng có hàng trăm hình dạng và màu sắc khác nhau. Tuy nhiên một số loại phổ biến thường có màu hồng, màu da cam, màu tím, màu xanh

lá cây ..., trên viên nén có một số ký hiệu như: chữ M; A, Love, VOP; 99, hình lưới liềm, hình cá voi, hình trái tim, hình chiếc ô tô...

* Ma túy đá hay còn gọi là *hàng đá*, *chấm đá* có chứa chất *methamphetamine* (*meth*) và *amphetamine* (*amph*) thậm chí là *niketamid* được phối trộn phức tạp từ các loại hoá chất (*tiền chất*) khác nhau trong đó thành phần chính, phổ biến là *methamphetamine* .

- Loại ma túy này được giới sử dụng gọi là đá vì hình dạng bên ngoài trông giống đá - là tinh thể kết tinh thành những mảnh vụn li ti, gần giống với hạt mì chính (*bột ngọt*) hoặc giống hạt muối và óng ánh giống đá.

Nếu dùng ATS thời gian dài sẽ gây nghiện. Người sử dụng ATS thường thiếu ngủ, chán ăn, đánh trống ngực, chóng mặt và các dấu hiệu cường giao cảm như: tăng huyết áp, tăng thân nhiệt và rối loạn tâm thần, rối loạn nội tiết, rối loạn tâm sinh lý và nhiều chức năng khác của cơ thể. Dùng ATS liều cao có thể dẫn tới loạn thần, ảo giác rất dễ tấn công người khác và làm bị thương bản thân.

3. Kẹo cần sa: Hiện nay đã xuất hiện một số loại kẹo, bánh có chứa cần sa, được ngụy trang rất bắt mắt, có hình dáng rất giống với các loại kẹo dẻo, kẹo mút thông thường, bánh chứa cần sa có màu nâu socola và được đựng trong các túi nhỏ từ 50 đến 200g. Khi sử dụng sẽ có cảm giác kích thích thần kinh, sáng khoái khó kiểm soát được hành vi của bản thân, dễ khốc, dễ cười. Tuy nhiên khi sử dụng lâu dài sẽ dẫn tới nghiện, khiến cho người sử dụng có những cảm nhận khác hoàn toàn thể giới bên ngoài, dễ bị kích động dẫn đến những hành vi nhảy nhót, đánh nhau, giết người. Cá biệt có trường hợp nhảy lầu vì tưởng mình biết bay, hoặc đang đi xuống cầu thang.

4. Tem giấy: Còn được gọi là bùa lưới, thực chất là một miếng giấy dán tem có kích thước 1.5 x 1.5 cm, trong miếng bìa có khoảng 25 tem giấy. Trên bìa in hình các nhân vật nổi tiếng như Einstein hay các ca sĩ nổi tiếng, giống như miếng bìa chơi của trẻ con, giá khoảng 20.000đ mỗi miếng tem. Được tẩm chất LSD là chất gây nghiện được bán tổng hợp từ nấm cựa gà. Đây là chất gây ảo giác mạnh nhất cho đến nay, chỉ cần vài chục microgam là có thể gây ảo giác, vì vậy được xem là chất ma túy nguy hiểm nhất. Đa số người nghiện sẽ gây hại đến bố mẹ, người thân, bạn bè... vì sau khi sử dụng sẽ xuất hiện ảo giác tưởng những người trước mặt là yêu quái, quái vật....

5. Tệ nạn hít “keo” (còn gọi là lạm dụng dung môi hữu cơ)

Về nguyên tắc, các loại keo dán (*gỗ, nhựa, kim loại*) bao gồm 2 thành phần chính: chất kết dính (*polymer*) và dung môi, trong đó dung môi đóng vai trò hoà tan và pha loãng chất kết dính và là một chất dễ bay hơi, sẽ là một tác nhân chính trong việc hít keo. Hiện tượng hít keo dán (*gỗ, nhựa, kim loại*) thực chất là việc hít các dung môi hữu cơ, việc sử dụng dung môi thông qua việc hít hơi của nó để tìm cảm giác sáng khoái.

Hiện nay một số thanh, thiếu niên (*kể cả học sinh phổ thông*) ở một số thành phố lớn (*đặc biệt là ở thành phố Hồ Chí Minh*) đang lạm dụng việc hít các dung môi hữu cơ trong các loại keo dán *gỗ, nhựa, kim loại* để tìm ảo giác thay thế cho việc sử dụng ma túy tổng hợp.

Tác hại của việc hít keo: một người sau khi hít keo sẽ có tác dụng gây cảm giác lâng lâng, đê mê (*kiểu ma túy*). Các dung môi hữu cơ này là loại dung môi bay hơi có

thể gây nghiện nếu thường xuyên hít, ngửi các chất này người hít có cảm giác sáng khoái, ảo giác, thậm chí lú lẫn nếu hít quá nhiều mà người nghiện thường gọi là “phê”. Nếu hít thời gian ngắn có thể gây ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương, gây trầm cảm, ức chế hô hấp, tổn hại phổi, hại gan, thận, gây suy tủy xương, rối loạn nhịp tim, thoái hóa não, ảnh hưởng đến dây thần kinh ngoại biên; nếu hít thường xuyên, lâu dài sẽ bị bệnh ung thư. Cũng như các chất gây nghiện khác, khi đã nghiện dung môi bay hơi, người nghiện sẽ luôn nhớ cảm giác do nó mang lại và phải tiếp tục sử dụng nó. Đến một lúc nào đó sử dụng liều cũ không thỏa mãn, họ phải sử dụng liều cao hơn để đạt được cảm giác mong muốn, dần dần họ trở thành “nô lệ” của chất gây nghiện.

6. Trào lưu hút “pin”(còn gọi là hút “thuốc lào Canada”)

Thời gian qua và hiện nay, một số thanh, thiếu niên ở một số địa phương, đặc biệt là ở thành phố Hà Nội, Hải Phòng và thành phố Hồ Chí Minh đang sử dụng và dần nghiện một loại thảo dược mới thuộc họ cần sa có xuất xứ từ nước ngoài, mà dân chơi (*người sử dụng*) thường gọi bằng các tên gọi khác nhau, ở Hà Nội, Hải Phòng dân chơi thường gọi là: “pin”, “cỏ Malay”, còn ở thành phố Hồ Chí Minh dân chơi gọi là “cỏ Ca” hay còn gọi là “thuốc lào Canada”, bởi chúng có xuất xứ từ Canada. Loại thảo dược này được liệt vào danh mục các tiền chất ma túy và bị Nhà nước ta cấm buôn bán, sử dụng.

Mọi hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển và tổ chức sử dụng loại pin ma túy này đều bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Sử dụng loại thảo dược này sẽ kích thích đến não người sử dụng ở mức độ nhẹ hơn ma túy. Sau khi hút pin, người hút bị kích thích thần kinh, tùy theo ảo giác từng người khi như bay bổng, lúc ngồi yên nhẹ nhàng trên ghế, đờ đẫn ngắm đèn đường. Có người sử dụng xong cảm thấy phấn khích, tưởng tượng đang cầm micro mà đứng hát hò vang trời. Loại pin này cũng gây nghiện như các loại ma túy khác, người hút lâu dài sẽ tổn thương các tế bào não và có thể làm người sử dụng bị suy nhược thần kinh, rối loạn nhận thức, mất khả năng tập trung.

II. Tác hại của ma túy

1. Đối với bản thân người nghiện

- Rất nhiều trường hợp bị tử vong do lạm dụng ma túy hoặc sử dụng ma túy quá liều, ma túy pha nhiều tạp chất...

- Ma túy phá hoại thể xác và nhân cách người nghiện gây di hại cho con cái từ bào thai.

- Khi sử dụng ma túy cơ thể con người bị khai thác nguồn năng lượng dự trữ làm cho con người sau khi hút thuốc thì mệt mỏi, chán ăn, năng lượng không được bổ sung. Lâu dài cơ thể bị suy kiệt, rối loạn tâm sinh lý mà điển hình là rối loạn trong hệ tiêu hoá, hệ tuần hoàn, hệ thần kinh.

- Là một nguyên nhân chiếm tỷ lệ cao (70%) qua con đường tiêm chích ma túy lây truyền căn bệnh thế kỷ HIV/AIDS.

2. Đối với gia đình người nghiện

- Tiêu tốn tài sản của gia đình, người thân cho việc thỏa mãn cơn nghiện.

- Để thoả mãn cơn nghiện, người nghiện có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng như: Đánh đập, chửi bới, chém giết cha mẹ, vợ con, anh em và người thân của mình. đây là nguyên nhân làm tan vỡ hạnh phúc gia đình, ảnh hưởng cuộc sống cộng đồng.

- Trong nhà có người nghiện thì người thân có nguy cơ bị lây nghiện cao.

3. Đối với trật tự an toàn xã hội

- Ma túy là bạn đồng hành của tội phạm, là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác như: trộm, cướp, cướp giết, cố ý gây thương tích, giết người... Bất chấp pháp luật, đạo lý, quên cả tính mạng.

- Môi trường xã hội, nhất là những nơi có các đối tượng nghiện đông bị ảnh hưởng nặng nề.

4. Đối với nền kinh tế

- Hàng năm nước ta phải chi phí hàng trăm tỷ đồng cho việc xóa bỏ cây thuốc phiện, công tác cai nghiện ma túy, công tác phòng chống kiểm soát ma túy. Đây cũng là một gánh nặng vì nếu số tiền đó được đầu tư vào các chương trình phát triển kinh tế xã hội thì mang lại lợi ích và nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng.

- Làm suy giảm lực lượng lao động của gia đình và xã hội cả về số lượng và chất lượng. Người nghiện ma túy hầu hết ở trong độ tuổi lao động. Vì vậy vấn đề đào tạo, thay thế công nhân có tay nghề cũng là vấn đề khó khăn.

III. Dấu hiệu nhận biết người nghiện

Người nghiện ma túy thường tìm mọi cách để giấu người thân, gia đình hành vi sử dụng ma túy của mình. Tuy vậy cũng có thể nghi ngờ nếu có những dấu hiệu kể dưới đây mặc dù không thể dựa vào các dấu hiệu này để biết chắc chắn có nghiện hay không:

- Người nghiện ma túy thường biểu hiện: hay ngáp vặt, chảy nước mắt, nước mũi; toát mồ hôi, ớn lạnh, nổi da gà, gầy yếu, sút cân; nôn, buồn nôn; tiêu chảy, mất ngủ (*thường ngủ ngày*), dễ bị kích động, trầm cảm, lo âu;

- Giờ giấc bất thường, hay rời nhà vào những giờ cố định hoặc thuyết phục người trong gia đình để được tự do hơn trong giờ giấc sinh hoạt, bước ra khỏi sự quản lý của gia đình;

- Tính tình thay đổi, có nhiều lúc hung phẫn, cười nói vô cớ, nói nhiều nhưng câu chuyện cứ lặp đi lặp lại, có lúc lại ủ rũ, uể oải hay ngáp vặt, ít chịu tiếp xúc với người thân trong gia đình, ít quan tâm hơn đến vệ sinh cá nhân;

- Không giao tiếp với người nhà, trốn vào một góc riêng biệt để lơ mơ, lim dim tận hưởng những cơn “*phê*” ma túy;

- Nói nhiều, vui vẻ, hoạt bát thích âm thanh mạnh sau đó trốn vào góc riêng nằm nhắm mắt lim dim, cáu gắt nếu bị quấy rầy;

- Thường xin tiền nhưng không sử dụng vào lý do chính đáng. Sự học hành bê trễ, sa sút không còn sự linh hoạt tinh khôn;

- Dễ nóng nảy cáu gắt nhất là lúc đang *phê*;

- Thức khuya hơn không do bận học hay công việc, ngủ dậy muộn hơn;

- Các loại ma túy có thể gây táo bón, khó tiêu nên các em vào phòng vệ sinh lâu hơn bình thường;

- Mắt thường xuyên đỏ; miệng, gáy, tóc, cổ áo có mùi khét (*bồ đà*);

- Đồng tử (*con người*) mắt giãn, mặt rịn mồ hôi, da mặt ửng đỏ.

- Thoái hóa nhân cách: Chễ mắng công việc, làm việc ể oải hay nghỉ việc, tiêu tiền nhiều hơn trước, bán cả tư trang, phương tiện đi làm mà không có lý do rõ ràng, chính đáng, trộm cắp tài sản, lừa đảo.

IV. Các biện pháp điều trị nghiện ma túy phổ biến hiện nay

1. Phương pháp cắt ngang: (*cai vo*) Phương pháp này nhằm cô lập bệnh nhân tại nơi riêng, không cho phép tiếp xúc với môi trường bên ngoài, ngừng hoàn toàn việc sử dụng ma túy, mặc cho bệnh nhân lên cơn vật vã.

- Ưu điểm: Không tốn kém.

- Nhược điểm: Làm cho bệnh nhân không chịu nổi, có nguy hại đến tính mạng người nghiện.

- Phương pháp này có hiệu quả với những người nhận thấy ma túy là một sai lầm của cuộc đời mình cần phải nghiêm khắc với bản thân mình.

2. Phương pháp giảm dần: Bằng cách giảm dần liều lượng chất nghiện ma túy mỗi ngày một ít trong thời gian từ 15 đến 30 ngày, đồng thời tăng cường thuốc an thần, làm cho người nghiện dần quên đi việc dùng ma túy.

- Ưu điểm: Làm cho người nghiện thích nghi dần, cơn nghiện giảm từ từ.

- Nhược điểm: Thời gian cắt cơn dài, tốn kém tiền của.

3. Phương pháp thủy miên: Bằng cách tạo cho người nghiện một giấc ngủ nhân tạo bằng thuốc ngủ từ 3-5 ngày. Nuôi bệnh nhân bằng truyền dịch, chăm sóc bệnh nhân trong trường hợp đặc biệt.

- Ưu điểm: Giảm cơn vật vã, không đau đớn.

- Nhược điểm: Đối với bệnh nhân có tâm lý nội tại dễ gây nguy hại đến sức khỏe.

4. Phương pháp choáng điện: Bằng cách dùng dòng điện gây co giật hôn mê làm mất cơn vật vã. Người nghiện quên chất ma túy và có cảm giác kinh sợ khi nhìn thấy chúng.

- Ưu điểm: Đơn giản, rẻ tiền, cắt cơn nghiện nhanh, giúp người nghiện vượt qua giai đoạn vật vã.

- Nhược điểm: Mang tính chất tàn bạo, không được người nghiện hưởng ứng.

5. Phương pháp phẫu thuật thủy trán: Phẫu thuật nhằm xoá bỏ một số điểm ở thủy trán của não có quan hệ đến sự thèm muốn chất ma túy, làm cho người nghiện không còn cảm giác thèm ma túy nữa.

- Ưu điểm: Không những cắt được cơn nghiện mà còn cai nghiện vĩnh viễn.

- Nhược điểm: Sau khi phẫu thuật bệnh nhân không còn phân biệt được trái phải trong hành động và có thể gây án mạng.

6. Phương pháp dùng thuốc hướng thần

Phương pháp này được áp dụng rộng rãi trên thế giới. Các thuốc an thần chủ yếu là giảm lo âu: Benzodiazpine (*diazepam, sedusen...*) thuốc an thần kinh (*lovomepromazin, hacoperido*) và các thuốc chống trầm cảm (*Melipramine hoặc Amirtylme*), liều lượng sử dụng tùy thuộc từng người nghiện, có tác dụng cắt cơn từ 7-10 ngày.

- Ưu điểm: Giảm cơn vật vã và đau đớn nhanh.
- Nhược điểm: Phải có sự tham gia của các bác sỹ chuyên khoa tâm thần để xử lý kịp thời các biến chứng.

7. Phương pháp đối kháng ma túy

- Dùng các chất đối kháng morphine như naloxo và naltrexon là những chất đối kháng thực sự cạnh tranh đẩy ma túy ra khỏi cơ thể (*receptor*) làm mất tác dụng của morphine. Vì vậy người có sử dụng ma túy cũng không thấy thích thú nữa. Naltrexon uống đều đặn trong ngày từ 2 đến 3 tháng hoặc lâu hơn.

- Nhược điểm: Gây nên trạng thái bứt rứt khó chịu.

8. Phương pháp thay thế

- Là phương pháp thay thế chất ma túy (*thuốc phiện hoặc các dẫn xuất của thuốc phiện*) bằng methadone. Thật ra Methadone là một dạng thuốc phiện tổng hợp có tác dụng dược lý giống như thuốc phiện, dung nạp chéo với thuốc phiện và ác chế phẩm của thuốc phiện. Thời gian bán hủy 24 giờ nên chỉ cần uống một lần trong ngày là đủ. Người nghiện vẫn có thể làm việc bình thường.

- Ưu điểm: Pha chế dưới dạng xirô uống được hấp thụ hoàn toàn bằng đường tiêu hoá, không cần tiêm chích, do đó giảm nguy cơ lây nhiễm HIV, viêm gan B... việc sử dụng dễ dàng, người bệnh không còn thèm nhớ đến ma túy trước đây, chỉ cần giảm liều từ từ rồi cai hẳn...

9. Liệu pháp tâm lý

- Liệu pháp tâm lý trực tiếp: Giải thích hợp lý, thuyết phục, ám thị, thư giãn, luyện tập, liệu pháp hành vi.

- Liệu pháp tâm lý gián tiếp: Môi trường chăm sóc bệnh nhân tận tình, thầy thuốc và gia đình kết hợp nâng đỡ tinh thần người bệnh.

- Ưu điểm: Không tốn kém, nhưng đòi hỏi các nhà tâm lý phải có kỹ năng.

10. Phương pháp châm cứu

- Châm cứu các huyệt để giúp người nghiện vượt qua cơn nghiện, được tiến hành từ hiệu năm nay tại trung tâm Bình Triệu (*thành phố Hồ Chí Minh*).

- Ưu điểm: Hỗ trợ nhanh, rẻ tiền, nhưng phải tiết trùng kim tốt.

11. Dùng các bài thuốc y học cổ truyền

- Các loại thuốc đông y thường có nguồn gốc từ thảo dược, an toàn, ít độc và ít tác dụng phụ, có hiệu lực hỗ trợ trong điều trị cắt cơn nghiện ma túy, quá trình cắt cơn

êm dịu, thuốc có khả năng bình ổn các triệu chứng của hội chứng cai như là triệu chứng dị cảm và thèm ma túy.

- Nhược điểm: Chưa thực hiện được nghiên cứu mù kép và cơ chế tác dụng của thuốc. Hiện nay có 02 thuốc đông y đã được Bộ Y tế cấp số đăng ký cho phép lưu hành trong các trung tâm cai nghiện (*thuốc cedemex và thuốc bông sen*).

Chuyên đề 19. Phòng ngừa, ngăn chặn hoạt động kinh doanh đa cấp trái phép.

1. Kinh doanh đa cấp là gì?

Kinh doanh đa cấp (KDĐC) hay Bán hàng đa cấp hoặc *kinh doanh theo mạng lưới* là thuật ngữ chung dùng để chỉ một phương thức tiếp thị sản phẩm. Đây là hoạt động kinh doanh bán hàng trực tiếp đến tay người tiêu dùng, người tiêu dùng có thể trực tiếp đến mua hàng tại công ty mà không phải qua các đại lý hay cửa hàng bán lẻ. Nhờ vậy, hình thức này còn tiết kiệm rất nhiều chi phí từ việc quảng cáo, khuyến mại, tiền sân bãi, kho chứa, vận chuyển hàng hóa. Số tiền này được dùng để trả thưởng cho nhà phân phối và nâng cấp, cải tiến sản phẩm tiếp tục phục vụ người tiêu dùng.

Dưới góc độ pháp lý, KDĐC được định nghĩa trong Nghị định số 40/2018/NĐ-CP, ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp, tại Điều 3 quy định như sau: “*Kinh doanh theo phương thức đa cấp là hoạt động kinh doanh sử dụng mạng lưới người tham gia gồm nhiều cấp, nhiều nhánh, trong đó người tham gia được hưởng tiền hoa hồng, tiền thưởng và lợi ích kinh tế khác từ kết quả kinh doanh của mình và của người khác trong mạng lưới*”. Đây cũng chính là định nghĩa được đa số các nhà kinh tế, nhà nghiên cứu khoa học sử dụng hiện nay.

Trong số đó xuất hiện không ít các công ty KDĐC bất hợp pháp. Việc xác định và ngăn chặn được hoạt động phi pháp của các doanh nghiệp bán hàng đa cấp bất chính trở nên cấp thiết. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là phải phân biệt được hoạt động bán hàng đa cấp hợp pháp và bất hợp pháp thông qua các dấu hiệu khác nhau để có sự quản lý, giám sát phù hợp.

2. Tình hình kinh doanh đa cấp bất chính trên cả nước và địa bàn tỉnh Sơn La

Bên cạnh những ưu điểm về hình thức kinh doanh đa cấp như hiệu quả kinh tế, tạo việc làm, thu nhập cho người lao động..., gần đây, nhiều doanh nghiệp kinh doanh đa cấp đã “*biến tướng*” hình thức kinh doanh này để trục lợi, lừa đảo chiếm đoạt tiền của người tham gia mạng lưới kinh doanh đa cấp như: Công ty CP Thương mại Dịch vụ Hoàng Long Việt, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long kinh doanh phân bón vi sinh; Công ty CP Liên kết Sản xuất và Thương mại Con đường Việt, trụ sở chính: 292 Tây Sơn, Hà Nội; Công ty TNHH Thiên Ngọc Minh Uy, trụ sở tại Hà Nội và hai chi nhánh ở TP Hồ Chí Minh và Đà Nẵng...

Đặc biệt ngày 17/12/2015, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an khởi tố vụ án lừa đảo, chiếm đoạt tài sản xảy ra tại Công ty CP Liên kết Sản xuất - Thương mại Việt Nam (*Công ty cổ phần Liên kết Việt*), Văn phòng giao dịch, Tòa nhà 29T1, Hoàng Đạo Thủ, Cầu Giấy, Hà Nội. Khởi tố và bắt tạm giam đối với 7 bị can là lãnh đạo và Tổng đại lý của Công ty. Theo Cơ quan Cảnh sát điều tra, Bộ Công an, đến hết tháng 3/2016 số nạn nhân trong vụ án đã lên tới khoảng 60.000 người tại 27 tỉnh, thành phố. Người bị lừa ít nhất là 8,5 triệu đồng, người nhiều nhất lên tới 6 tỉ đồng; tổng số tiền

bị Công ty Liên kết Việt chiếm đoạt là 1.900 tỷ đồng. (*Sơn La có 352 người tham gia, số tiền bị chiếm đoạt trên 13 tỷ đồng*);

Ngày 30/5/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an đã khởi tố vụ án lừa đảo, chiếm đoạt tài sản xảy ra tại Công ty TNHH Nhượng quyền và Thương mại Thăng Long (*Công ty Thăng long Group*), Khởi tố và bắt tạm giam đối với 4 bị can, gồm Giám đốc, 02 Phó giám đốc và kế toán Công ty. Số tiền lừa đảo chiếm đoạt được lên đến hơn 700 tỷ đồng của hàng vạn người tham gia trong cả nước (*Sơn La có 515 người tham gia với tổng số tiền hơn 33,7 tỷ đồng; Số tiền hoa hồng Nhà phân phối được nhận lại là 13 tỷ; Số tiền thiệt hại là hơn 20,7 tỷ đồng*).

Thực tế trên cho thấy, hậu quả của những kinh doanh đa cấp trái phép, biến tướng thường gây hậu quả hết sức nghiêm trọng, nặng nề, đối tượng tham gia đa số ở nông thôn, người dân vùng sâu, vùng xa, người có trình độ dân trí thấp, thu nhập thấp nhưng lại dành hết số tiền chắt chiu, vay mượn để tham gia vào hệ thống kinh doanh đa cấp, khi đơn vị kinh doanh đa cấp bất chính bị cơ quan chức năng phát hiện, xử lý thì khả năng khắc phục hậu quả là rất thấp.

3. Các dấu hiệu của một mô hình kinh doanh đa cấp bất chính

Theo các quy định tại Điều 3, Điều 48 Luật cạnh tranh năm 2004 và Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp, các dấu hiệu cơ bản để nhận biết hành vi bán hàng đa cấp bất chính bao gồm:

(1) Người bán hàng thường yêu cầu người tham gia đặt cọc và phải mua lượng hàng hóa ban đầu hoặc trả tiền để tham gia vào mạng lưới của doanh nghiệp bán hàng đa cấp;

(2) Không cam kết mua lại hàng hóa trong thời gian luật định và không cam kết mua lại với giá tối thiểu 90% mức giá đã bán;

(3) Cho hưởng lợi ích kinh tế chủ yếu từ việc dụ dỗ người khác tham gia mạng lưới;

(4) Thông tin sai lệch về lợi ích tham gia mạng lưới và hàng hóa để dụ dỗ người khác bán hàng đa cấp;

(5) Lợi nhuận không phát sinh từ việc bán hàng mà chủ yếu từ việc tuyển dụng người tham gia;

(6) Khuyến khích, dạy người khác tuyển người bằng việc hứa trả tiền thưởng;

(7) Không quan tâm tới hàng hóa, hàng hóa chỉ để tượng trưng, không có giá trị sử dụng và khó tìm thấy để so sánh trên thị trường;

(8) Buộc và hối thúc người tham gia mua hàng mặc dù biết không bán được hàng, gây rối người tiêu dùng.

(9) Lôi kéo, quảng cáo hình thức kinh doanh “*đầu tư tài chính*”, một hình thức kinh doanh đa cấp theo dạng mua tiền ảo;

4. Một số giải pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn những tác hại của hoạt động kinh doanh đa cấp trái phép

*** Giải pháp về phía doanh nghiệp:**

- Các doanh nghiệp kinh doanh đa cấp cần đảm bảo về chất lượng và giá cả sản phẩm.

- Doanh nghiệp phải lập kế hoạch kinh doanh cụ thể: Kế hoạch tuyển dụng người vào mạng lưới và huấn luyện phân phối viên; kế hoạch về chính sách trả thưởng; các quy định về chất lượng, giá cả, công dụng và cách thức sử dụng sản phẩm; các quy định về phương thức thanh toán, chế độ bảo hành, mua lại sản phẩm đã bán cho phân phối viên; hợp đồng giữa doanh nghiệp và phân phối viên; lập quỹ dự phòng.

- Doanh nghiệp cần tăng cường quản lý hệ thống phân phối viên.

- Doanh nghiệp KDĐC cần thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước và trách nhiệm đối với xã hội.

- Doanh nghiệp cần thành lập và hoàn thiện tổ chức, hoạt động của hiệp hội KDĐC.

*** Giải pháp đối với người tham gia:**

Trong hình thức KDĐC bất chính, người tham gia vừa là đối tượng thực hiện các phương thức, thủ đoạn lừa đảo, vừa là người bị hại, là đối tượng bị lợi dụng tham gia vào các hoạt động vi phạm pháp luật này. Do đó, bên cạnh việc áp dụng những biện pháp nêu trên cần tiến hành đồng thời các biện pháp sau:

- Nâng cao nhận thức, hiểu biết của người dân về KDĐC;

- Người tham gia cần xác định mục đích đúng đắn, tích cực khi tham gia vào hoạt động KDĐC;

- Người tham gia tích cực vận động, chia sẻ kinh nghiệm với mọi người;

- Cảnh giác với những lời mời chào về công việc nhàn hạ, lương cao, những lời mời dự hội thảo hay đến trung tâm kỹ năng sống biến tướng nhằm mục đích giới thiệu sản phẩm, bán hàng đa cấp... khi trót đến những trung tâm này phải tuyệt đối cảnh giác, không nên ký vào các hợp đồng và nộp tiền khi chưa tìm hiểu kỹ về Công ty, tổ chức mình chuẩn bị tham gia;

- Không tham gia bất kỳ đơn vị tuyển dụng nào mà phải đóng tiền trước hay tham gia vào hệ thống mà bắt buộc phải đóng tiền vào mới được là thành viên của mạng lưới.

Chuyên đề 20. Phòng ngừa, ngăn chặn tình trạng ô nhiễm môi trường.

1. Thực trạng ô nhiễm môi trường

Trong những năm qua, tình hình tội phạm, vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường có những diễn biến phức tạp trên nhiều lĩnh vực ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển kinh tế - xã hội và đời sống, sức khỏe của nhân dân. Vấn đề ô nhiễm môi trường đang là chủ đề nóng trên các diễn đàn và nhận được rất nhiều sự quan tâm của người dân. Mặc dù các cơ quan, ban ngành, đoàn thể ra sức kêu gọi bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước,... nhưng có vẻ là chưa đủ để cải thiện tình trạng ô nhiễm ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Các hoạt động công nghiệp của địa phương mang tính nhỏ lẻ phục vụ nhu cầu tại chỗ như sản xuất vật liệu xây dựng, vận tải, chế biến nông sản, gia

công cơ khí, sửa chữa máy móc. Tốc độ gia tăng dân số, thị hóa tương đối nhanh; hoạt động xây dựng được triển khai mạnh mẽ, diễn ra trên khắp các địa bàn trong toàn tỉnh nhằm kiến tạo hệ thống cơ sở hạ tầng, đường giao thông cho địa phương. Công tác bảo vệ môi trường trong những năm qua đặt ra những vấn đề sau:

- Nước thải công nghiệp, sinh hoạt có thành phần đa dạng, chủ yếu là chất hữu cơ, dầu mỡ, kim loại nặng, khí không được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường. Nước thải sinh hoạt đô thị chưa được xử lý thải ra môi trường cùng với nước mưa trong khi hệ thống cống rãnh thu gom nước thải đang được xây dựng chưa đi vào hoạt động thu gom, xử lý nước thải. Nước thải từ chế biến cà phê: 62.851m³/năm, nước thải từ hoạt động chăn nuôi: 32.897m³/năm, nước thải từ chế biến nông sản khác: 102.700m³, nước thải từ hoạt động chế biến sữa: 108.000m³/năm. Việc xả thải của các cơ sở chế biến nông sản (*dong, cà phê*), trang trại chăn nuôi lợn đang là vấn đề bức xúc. Việc các cơ sở chế biến cà phê tại thượng nguồn suối cấp nước sinh hoạt cho thành phố Sơn La xả thải không qua xử lý vào nguồn nước đã làm ô nhiễm nguồn nước, Công ty cấp nước Sơn La đã phải ngừng cấp nước cho thành phố trong nhiều ngày;

- Khí thải gây ô nhiễm phát thải từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ như khói, hóa chất không được xử lý thải ra gây ô nhiễm môi trường;

- Chất thải rắn trong lĩnh vực công nghiệp chưa được thu gom, xử lý đúng quy định, chất thải rắn chưa được xử lý chủ yếu đổ ra ven đường, bờ khe, sông suối gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng... Việc quản lý chất thải nguy hại như ác quy cũ, dầu thải, phế liệu chứa thành phần nguy hại còn nhiều khó khăn, bất cập. Lượng chất thải rắn sinh hoạt đô thị ngày một nhiều trở thành gánh nặng cho môi trường đô thị, trong khi công nghệ xử lý lạc hậu, chủ yếu là phương pháp chôn lấp gây ô nhiễm môi trường không khí, nguồn nước. Việc thu gom, vận chuyển rác chưa đảm bảo vệ sinh bốc mùi hôi thối, rơi vãi, rò rỉ nước thải ra môi trường. Các cơ sở tiểu thủ công nghiệp, chăn nuôi, chế biến nông sản nằm xen kẽ trong khu dân cư không thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường, việc thu gom chất xử lý chất thải, xử lý môi trường không đảm bảo gây tiếng ồn, mùi hôi thối, khó chịu ảnh hưởng đến sức khỏe, sinh hoạt của cộng đồng dân cư;

- Hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình giao thông, đơn vị thi công không thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định về bảo vệ môi trường và xử lý chất thải trong xây dựng dẫn đến phát thải bụi đất gây ô nhiễm môi trường tại công trường, đường giao thông và vùng xung quanh, xử lý chất thải, đổ thải không đúng nơi quy định gây ô nhiễm môi trường không khí, nguồn nước, bồi lấp dòng chảy, cống thoát nước, hủy hoại quỹ đất nông nghiệp;

- Tình trạng tự phát trong sản xuất thể hiện rõ ở nhiều lĩnh vực hoạt động của ngành trồng trọt, chăn nuôi, đặc biệt là vấn đề chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, chuyển đổi mục đích sử dụng đất thiếu tính quy hoạch ... Canh tác không bền vững, lạm dụng phân hóa học, thuốc bảo vệ thực vật, ước tính có 60-65% lượng phân đạm không được cây trồng hấp thụ, dư lượng trong rau củ quả vượt ngưỡng an toàn thực phẩm cho phép. Phương thức chăn nuôi nông hộ vẫn chiếm tỷ lệ lớn, vì vậy việc xử lý

và quản lý chất thải chăn nuôi ngày càng khó khăn, tỷ lệ số hộ chăn nuôi không xử lý chất thải bằng bất kỳ phương pháp nào mà xả thẳng ra môi trường bên ngoài rất lớn.

2. Trách nhiệm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong công tác bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường.
- Thu gom, phân loại, lưu giữ, xử lý, thải bỏ chất thải rắn theo quy định của pháp luật.
- Giảm thiểu, thu gom, xử lý bụi, khí thải theo quy định của pháp luật; bảo đảm không để rò rỉ, phát tán khí độc hại ra môi trường; hạn chế tiếng ồn, độ rung, phát sáng, phát nhiệt gây ảnh hưởng xấu đối với môi trường xung quanh và người lao động.
- Bảo đảm nguồn lực, trang thiết bị đáp ứng khả năng phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.
- Xây dựng và thực hiện phương án bảo vệ môi trường.
- Cơ sở sản xuất hoặc kho tàng (*có chất dễ cháy, dễ nổ; phóng xạ hoặc bức xạ mạnh; chất độc hại đối với người và sinh vật; phát tán bụi, mùi, tiếng ồn ảnh hưởng xấu tới sức khỏe con người; gây ô nhiễm nguồn nước*) phải có khoảng cách bảo đảm không có tác động xấu đối với khu dân cư.
- Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát sinh lượng chất thải lớn, nguy cơ ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường phải có bộ phận chuyên môn hoặc nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường; phải được xác nhận hệ thống quản lý môi trường theo quy định của Chính phủ.
- Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

3. Trách nhiệm của UBND cấp xã trong công tác bảo vệ môi trường

- Xây dựng kế hoạch, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh môi trường trên địa bàn; vận động nhân dân xây dựng nội dung bảo vệ môi trường trong hương ước; hướng dẫn việc đưa tiêu chí về bảo vệ môi trường vào đánh giá thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, khu dân cư và gia đình văn hóa.
- Xác nhận, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường theo ủy quyền; kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của hộ gia đình, cá nhân.
- Phát hiện và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường hoặc báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cấp trên trực tiếp.
- Hòa giải tranh chấp về môi trường phát sinh trên địa bàn theo quy định của pháp luật về hòa giải.
- Quản lý hoạt động của thôn, làng, bản, tổ dân phố và tổ chức tự quản về giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ môi trường trên địa bàn.
- Hằng năm, tổ chức đánh giá và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường.
- Chủ trì, phối hợp với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tổ chức công khai thông tin về bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với cộng đồng dân cư.

- Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp huyện nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn.

4. Trách nhiệm của hộ gia đình và cá nhân trong công tác bảo vệ môi trường

- Tham gia hoạt động bảo vệ môi trường công cộng và tại khu dân cư. Nộp đủ và đúng thời hạn phí bảo vệ môi trường; chi trả cho dịch vụ thu gom, xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

- Giảm thiểu rác thải sinh hoạt, phân loại tại nguồn, thu gom và chuyển rác thải sinh hoạt đến đúng nơi quy định.

- Giảm thiểu nước thải sinh hoạt, xử lý và xả nước thải sinh hoạt đúng nơi quy định.

- Có công trình vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm bảo đảm vệ sinh, an toàn.

- Không được phát tán khí thải, gây tiếng ồn, độ rung và tác động khác vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường, gây ảnh hưởng xấu đến cộng đồng dân cư xung quanh.

Chuyên đề 21. Phòng, chống vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm.

1. Thực trạng vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm

1.1. Thực trạng chung

Tình hình an toàn thực phẩm (ATTP) đang là một trong những vấn đề nóng gây bức xúc lớn trong cộng đồng người dân, không chỉ là vấn đề nóng của một địa bàn mà là một vấn đề nhức nhối trên toàn cầu. Vệ sinh an toàn thực phẩm là một trong những vấn đề phức tạp ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của nhân dân được các ngành, các cấp và nhân dân quan tâm nhất hiện nay, tình hình vi phạm diễn ra phổ biến, nghiêm trọng tại nhiều địa phương nhất là ở các thành phố lớn. Tình trạng vận chuyển, buôn bán thực phẩm không rõ nguồn gốc xuất xứ, không qua kiểm dịch; sử dụng nguyên liệu, phụ gia thực phẩm, thuốc kích thích tăng trưởng không rõ nguồn gốc xuất xứ, không qua kiểm dịch chất lượng an toàn thực phẩm để sản xuất, chế biến, bảo quản thực phẩm diễn ra phổ biến. Tình trạng giết mổ gia súc, gia cầm không rõ nguồn gốc, không qua kiểm dịch, thiếu kiểm soát của cơ quan chức năng gây nguy cơ lây lan dịch bệnh. Ô nhiễm môi trường nước diễn ra trên diện rộng và phức tạp do dư lượng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật sử dụng trong chăn nuôi, trồng trọt, chế biến nông sản vượt ngưỡng cho phép, nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe của con người. An toàn thực phẩm hiện đang là vấn đề rất nghiêm trọng, nhưng chưa có giải pháp cơ bản nào để giải quyết căn cơ, triệt để.

Trong thời gian gần đây việc sử dụng các chất phụ gia trong sản xuất, chế biến thực phẩm càng trở nên phổ biến, tràn lan, sử dụng không đúng liều lượng và đúng danh mục cho phép. Các loại phẩm màu, đường hóa học lạm dụng trong pha chế nước giải khát, sản xuất bánh kẹo, chế biến thức ăn sẵn, sử dụng hàn the trong sản xuất giò chả hoặc một số cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm chưa được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh ATTP vẫn đi vào hoạt động sản xuất. Các loại động vật, sản phẩm động vật không được tiến hành kiểm dịch, có biểu hiện trốn tránh kiểm duyệt thú y trước khi đưa vào tiêu thụ. Tình hình sản xuất thức ăn, đồ uống giả không đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, không đúng liều lượng, quy trình công nghệ đã

đăng ký với cơ quan nhà nước vẫn xảy ra. Ngoài ra việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất kích thích tăng trưởng và thuốc bảo quản trong trồng trọt, chăn nuôi gia tăng dẫn đến việc gây mất an toàn thực phẩm, ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm môi trường xung quanh; việc bảo quản thực phẩm không đúng quy cách tạo điều kiện cho vi khuẩn và nấm mốc phát triển đã dẫn đến các vụ ngộ độc thực phẩm.

Mặc dù vấn đề ATTP được sự quan tâm của toàn cộng đồng, các cơ quan chức năng trong công tác bảo vệ và vệ sinh an toàn thực phẩm, cũng như biện pháp về giáo dục tuyên truyền pháp luật, ban hành luật, điều lệ và thanh tra giám sát vệ sinh ATTP nhưng các bệnh do kém chất lượng về vệ sinh an toàn thực phẩm vẫn chiếm tỷ lệ cao.

Nó đang có những tác động, ảnh hưởng xấu đến mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Đặc biệt thực phẩm không an toàn đã làm suy giảm sức khỏe, nguy hiểm đến tính mạng của người dân và đe dọa sự phát triển của giống nòi. Các bệnh do thực phẩm gây nên không chỉ là các bệnh cấp tính do ngộ độc mà còn là các bệnh mãn tính do nhiễm và tích lũy các chất độc hại từ môi trường bên ngoài vào thực phẩm, gây rối loạn chuyển hóa các chất trong cơ thể, trong đó có các bệnh về ung thư và tim mạch. Bảo đảm chất lượng vệ sinh ATTP giữ vị trí quan trọng trong sự nghiệp bảo vệ sức khỏe cộng đồng, giảm tỷ lệ bệnh, duy trì và phát triển nòi giống, tăng cường sức lao động, học tập, thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế, văn hóa xã hội và thể hiện nếp sống văn minh.

1.2. Thực trạng ATTP trên địa bàn tỉnh

Sơn La là tỉnh miền núi phía bắc, với thành phần đồng bào dân tộc thiểu số chiếm đại đa số. Địa hình nhiều đồi núi, giao thông đi lại khó khăn. Các khu dân cư tập trung rải rác tại các khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới. Trình độ dân trí không đồng đều do tính chất vùng miền và hủ tục, phong tục tập quán tại địa phương. Mức tăng trưởng kinh tế tại địa bàn tỉnh Sơn La thấp, khả năng tự cung tự cấp còn nhiều hạn chế.

Tình hình ATTP trên địa bàn tỉnh Sơn La đang diễn ra khá phức tạp: Do trình độ dân trí thấp, điều kiện về kinh tế, địa hình, khí hậu ảnh hưởng lớn đến việc sản xuất, khả năng tự cung tự cấp nguồn lương thực tại địa bàn tỉnh còn nhiều hạn chế. Từ đó dẫn đến việc phải nhập các nguồn thực phẩm từ các tỉnh miền xuôi vào tiêu thụ tại địa bàn tỉnh diễn ra thường xuyên. Đánh vào tâm lý chung của người dân bản địa tại tỉnh với nhu cầu tiêu thụ các nguồn thực phẩm có giá thành thấp, nguồn thực phẩm cung cấp thường xuyên nên dẫn đến các hoạt động vi phạm về vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh ngày càng nhiều. Với các hành vi vi phạm chủ yếu như sau:

- Nhóm sản xuất, kinh doanh thực phẩm:

+ Các cá nhân, tổ chức có dây chuyền sản xuất thực phẩm không đảm bảo tiêu chuẩn; không có hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm theo quy định; người trực tiếp sản xuất thực phẩm không qua tập huấn kiến thức về ATTP hoặc sử dụng người mắc bệnh truyền nhiễm tham gia sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đưa thực phẩm không rõ nguồn gốc vào để chế biến thức ăn; thực phẩm không qua kiểm định, giám sát chất lượng trước khi đưa ra cho người tiêu dùng; sử dụng phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm quá giới hạn cho phép; sử dụng hóa chất không rõ nguồn gốc, hóa chất bị cấm sử dụng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm; sử dụng động vật chết

do bệnh, dịch bệnh hoặc chết không rõ nguyên nhân, bị tiêu hủy để sản xuất, kinh doanh thực phẩm;

+ Sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại cơ sở không có giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP; thực phẩm không phù hợp quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa; thực phẩm bị biến chất: có chứa chất độc hại hoặc nhiễm chất độc, tác nhân gây ô nhiễm vượt quá giới hạn cho phép.

- *Nhóm chế biến thực phẩm:*

+ Sử dụng nguồn thực phẩm không đảm bảo an toàn và không còn nguyên thuộc tính vốn có, các nguyên liệu tạo thực phẩm không được tương tác với nhau để tạo ra các sản phẩm gây hại đến sức khỏe, tính mạng con người; sử dụng công nghệ chế biến lạc hậu dẫn đến tình trạng ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm diễn ra khá nghiêm trọng;

+ Khu vực chế biến không đảm bảo đúng quy định, không có hệ thống xử lý nước thải phát sinh; không bố trí khu chế biến theo nguyên tắc một chiều; không tiến hành kiểm dịch ba bước trước khi đưa ra tiêu thụ và không thông qua quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- *Nhóm vận chuyển động vật, thực vật, sản phẩm động vật:*

+ Các cá nhân có hành vi vận chuyển động vật, nội tạng động vật, các sản phẩm chế biến từ động vật chưa qua kiểm soát kiểm dịch, động vật vận chuyển vào địa bàn không rõ nguồn gốc xuất xứ hoặc tiêu thụ động vật, sản phẩm động vật có bơm nước, thuốc an thần; các loại rau, củ, quả có lượng thuốc bảo vệ thực vật vượt mức cho phép;

+ Sử dụng phương tiện vận chuyển gây ô nhiễm môi trường, phương tiện đã vận chuyển chất độc hại chưa được tẩy rửa sạch để vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm động vật; không bố trí hệ thống xử lý nước thải, chất thải phát sinh trong quá trình vận chuyển.

- *Nhóm người tiêu dùng:*

+ Không tuân thủ các quy định về sử dụng thực phẩm an toàn, không thông tin kịp thời cho chính quyền địa phương, tổ chức, cá nhân sản xuất thực phẩm về sản phẩm không đạt tiêu chuẩn, thông tin về các vụ ngộ độc, không phối hợp cùng cơ quan chức năng trong việc truy xuất nguồn gốc thực phẩm trong các vụ ngộ độc do thực phẩm;

+ Không được cung cấp đầy đủ thông tin về an toàn thực phẩm; quy trình lưu giữ, bảo quản, lựa chọn và sử dụng thực phẩm không phù hợp; chế biến thực phẩm không đúng quy trình dẫn đến việc ô nhiễm chéo.

Để tình trạng trên xảy ra một phần do ý thức chấp hành pháp luật ATTP của các tổ chức, cá nhân kinh doanh, sản xuất thực phẩm chưa cao, nhận thức kém, chạy theo lợi nhuận và cố tình vi phạm, làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người tiêu dùng. Khi bị phát hiện vi phạm, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm những tổ chức, cá nhân sẽ bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo các tội danh quy định trong Bộ luật Hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường và khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật. Việc xử lý hành chính được quy định tại Nghị định 178/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ, trong đó mức phạt tiền từ 500.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân và 200.000.000 đồng đối với tổ chức.

Trường hợp đã áp dụng mức phạt cao nhất mà vẫn thấp hơn 07 lần giá trị thực phẩm vi phạm thì được áp dụng mức phạt tối đa không quá 07 lần giá trị thực phẩm vi phạm; đồng thời số tiền, tài sản do vi phạm mà có sẽ bị tịch thu.

2. Trách nhiệm các tổ chức, cá nhân trong sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm và trách nhiệm người tiêu dùng

2.1. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất:

- Tuân thủ các điều kiện bảo đảm an toàn đối với thực phẩm, bảo đảm an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất và chịu trách nhiệm về an toàn thực phẩm do mình sản xuất; công bố tiêu chuẩn sản phẩm do mình sản xuất;

- Tuân thủ các quy định về tăng cường vi chất dinh dưỡng mà thiếu hụt sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng; Thông tin đầy đủ, chính xác về sản phẩm trên nhãn, bao bì, trong tài liệu kèm theo thực phẩm theo quy định về nhãn hàng hóa;

- Thông tin trung thực về an toàn thực phẩm; cảnh báo kịp thời, đầy đủ, chính xác về nguy cơ gây mất an toàn của thực phẩm; kịp thời ngừng sản xuất, thông báo cho các bên liên quan và có biện pháp khắc phục hậu quả khi phát hiện thực phẩm không an toàn hoặc không phù hợp tiêu chuẩn đã công bố áp dụng;

- Lưu giữ hồ sơ, mẫu thực phẩm, các thông tin cần thiết theo quy định về truy xuất nguồn gốc thực phẩm. Thu hồi, xử lý thực phẩm quá hạn sử dụng, không đảm bảo an toàn. Trong trường hợp xử lý bằng tiêu hủy thì việc tiêu hủy thực phẩm phải tuân theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

- Bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật khi thực phẩm không an toàn do mình sản xuất gây ra.

2.2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm:

- Tuân thủ các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong quá trình kinh doanh. Kiểm tra nguồn gốc, xuất xứ thực phẩm, nhãn mác và các tài liệu liên quan đến ATTP, lưu giữ hồ sơ về thực phẩm, thực hiện quy định truy xuất nguồn gốc thực phẩm không bảo đảm an toàn;

- Thông báo cho người tiêu dùng điều kiện bảo đảm an toàn khi vận chuyển, lưu giữ, bảo quản và sử dụng thực phẩm. Kịp thời ngừng kinh doanh, thông tin cho cá nhân, tổ chức sản xuất, nhập khẩu và người tiêu dùng khi phát hiện thực phẩm không bảo đảm an toàn;

- Hợp tác với tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc điều tra ngộ độc thực phẩm để khắc phục hậu quả, thu hồi và xử lý thực phẩm không đảm bảo an toàn.

2.3. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân chế biến thực phẩm:

- Tuân thủ các quy định về chế biến thực phẩm, lựa chọn sản phẩm rõ nguồn gốc xuất xứ, đảm bảo chất lượng về an toàn thực phẩm; chế biến thực phẩm đúng theo quy trình, không sử dụng các chất phụ gia, gia vị chế biến vượt quá mức tiêu chuẩn cho phép; khu vực chế biến phải đảm bảo đúng quy định;

- Không sử dụng chất cấm không nằm trong danh mục cho phép trong chế biến thực phẩm; không sử dụng các chất kích thích, tăng trưởng trong chăn nuôi, trồng trọt nhằm đảm bảo nguồn thực phẩm an toàn cho người tiêu dùng.

2.4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân vận chuyển động vật, sản phẩm động vật:

- Vận chuyển động vật đã qua kiểm soát kiểm dịch hoặc tiêm vacxin phòng ngừa dịch bệnh; không vận chuyển động vật đã chết do bệnh hoặc không rõ nguyên nhân bán lại cho người sản xuất, chế biến thực phẩm; không vận chuyển nội tạng động vật không rõ nguồn gốc hoặc nội tạng đã có biểu hiện thối, hỏng;

- Sử dụng phương tiện vận chuyển đúng theo quy định, có hệ thống xử lý nước thải, chất thải trong quá trình vận chuyển; phương tiện vận chuyển phải thường xuyên tẩy rửa và bố trí phương tiện chuyên dụng có hệ thống làm mát để vận chuyển các loại thực phẩm cần bảo quản theo nhiệt độ quy định nhằm đảm bảo chất lượng nguồn thực phẩm.

2.5. Trách nhiệm của người tiêu dùng:

- Tuân thủ các quy định về thực phẩm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong vận chuyển, lưu giữ, bảo quản và sử dụng thực phẩm. Nâng cao tầm hiểu biết, kiến thức về sử dụng thực phẩm sạch, biết cách phân biệt các nguồn thực phẩm đảm bảo; sử dụng nguồn thực phẩm tại các cơ sở uy tín được cấp phép của cơ quan Nhà nước, không sử dụng nguồn thực phẩm tự chế, không rõ nguồn gốc xuất xứ;

- Kịp thời cung cấp thông tin khi phát hiện nguy cơ gây mất an toàn thực phẩm, khai báo ngộ độc thực phẩm, bệnh truyền nhiễm với Ủy ban nhân dân nơi gần nhất, cơ sở khám, chữa bệnh, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm;

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình sử dụng thực phẩm.

2.6. Trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền địa phương:

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, tăng cường tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đến cộng đồng, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm và người tiêu dùng cách sử dụng, sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo đảm an toàn, chế biến thực phẩm an toàn đúng quy trình. Quản lý chặt chẽ việc kiểm soát bệnh dịch, kiểm dịch động vật trước khi đưa ra tiêu thụ. Rà soát, nắm tình hình các cá nhân, tổ chức có dấu hiệu vi phạm để kịp thời ngăn chặn;

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng có liên quan kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các trường hợp vi phạm về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật, tránh sự chông chéo hoặc bỏ sót đối tượng thanh, kiểm tra và nâng cao hiệu quả quản lý nhất là trong các đợt cao điểm và các cuộc truy xuất nguồn gốc thực phẩm bản, không an toàn.

Chuyên đề 22. Quy định của pháp luật về quản lý cư trú và trách nhiệm của công dân.

1. Trách nhiệm của công dân về cư trú

- Chấp hành các quy định của pháp luật về cư trú.

- Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin, tài liệu về cư trú của mình cho cơ quan, người có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về thông tin, tài liệu đã cung cấp.

- Nộp lệ phí đăng ký cư trú.

- Xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, giấy tờ khác liên quan đến cư trú khi cơ quan, người có thẩm quyền yêu cầu.

- Báo ngay với cơ quan đã đăng ký cư trú khi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, giấy tờ khác liên quan đến cư trú bị mất hoặc bị hư hỏng.

2. Thủ tục và quy định về đăng ký cư trú

2.1. Đăng ký thường trú

- Công dân nộp hồ sơ đăng ký thường trú tại Công an xã, thị trấn thuộc huyện, Công an thị xã, thành phố thuộc tỉnh, bao gồm:

a) Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu; bản khai nhân khẩu;

b) Giấy chuyển hộ khẩu;

c) Giấy tờ và tài liệu chứng minh chỗ ở hợp pháp.

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phải cấp sổ hộ khẩu cho người đã nộp hồ sơ đăng ký thường trú; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2.2. Người đã đăng ký thường trú mà thay đổi chỗ ở hợp pháp, khi chuyển đến chỗ ở hợp pháp mới nếu có đủ điều kiện đăng ký thường trú thì trong thời hạn 12 tháng có trách nhiệm làm thủ tục thay đổi nơi đăng ký thường trú.

2.3. Đăng ký tạm trú: Là việc công dân đăng ký nơi tạm trú của mình với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được cơ quan này làm thủ tục đăng ký tạm trú, cấp sổ tạm trú cho họ.

- Người đang sinh sống, làm việc, lao động, học tập tại một địa điểm thuộc xã, phường, thị trấn nhưng không thuộc trường hợp được đăng ký thường trú tại địa phương đó thì trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày đến phải đăng ký tạm trú tại Công an xã, phường, thị trấn.

- Người đến đăng ký tạm trú phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có xác nhận của Công an xã, phường, thị trấn nơi người đó đã đăng ký thường trú; giấy tờ chứng minh quyền sở hữu hoặc sử dụng nhà ở đó; nộp phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu, bản khai nhân khẩu; trường hợp chỗ ở hợp pháp là nhà do thuê, mượn hoặc ở nhờ của cá nhân thì phải được người cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ đồng ý bằng văn bản.

- Trường Công an xã, phường, thị trấn trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ giấy tờ quy định phải cấp sổ tạm trú. Sổ tạm trú được cấp cho hộ gia đình hoặc cá nhân đã đăng ký tạm trú, có giá trị xác định nơi tạm trú của công dân và có thời hạn tối đa là 24 tháng. Trong thời hạn 30 ngày trước ngày hết hạn tạm trú, công dân đến cơ quan Công an nơi cấp sổ tạm trú để làm thủ tục gia hạn.

2.4. Lưu trú và thông báo lưu trú

- Lưu trú là việc công dân ở lại trong một thời gian nhất định tại địa điểm thuộc xã, phường, thị trấn ngoài nơi cư trú của mình và không thuộc trường hợp phải đăng ký tạm trú.

- Đại diện gia đình, nhà ở tập thể, cơ sở chữa bệnh, khách sạn, nhà nghỉ, cơ sở khác khi có người đến lưu trú có trách nhiệm thông báo việc lưu trú với Công an xã, phường, thị trấn; trường hợp người đến lưu trú tại nhà ở của gia đình, nhà ở tập thể mà chủ gia đình, nhà ở tập thể đó không đăng ký thường trú tại địa bàn xã, phường thị trấn đó thì người đến lưu trú có trách nhiệm thông báo lưu trú với Công an xã, phường, thị trấn. Việc thông báo lưu trú được thực hiện trực tiếp hoặc bằng điện thoại hoặc qua mạng internet, mạng máy tính. Công an xã, phường, thị trấn có trách nhiệm thông báo địa điểm, địa chỉ mạng internet, địa chỉ mạng máy tính, số điện thoại nơi tiếp nhận thông báo lưu trú cho nhân dân biết.

- Việc thông báo lưu trú được thực hiện trước 23 giờ, nếu người đến lưu trú sau 23 giờ thì thông báo lưu trú vào sáng ngày hôm sau; trường hợp ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng, con, cháu, anh, chị, em ruột đến lưu trú nhiều lần thì chỉ cần thông báo lưu trú một lần.

2.5. Khai báo tạm vắng

- Bị can, bị cáo đang tại ngoại; người bị kết án phạt tù nhưng chưa có quyết định thi hành án hoặc được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù; người bị kết án phạt tù được hưởng án treo; người bị phạt cải tạo không giam giữ; người đang bị quản chế; người đang chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh, trường giáo dưỡng nhưng đang được hoãn chấp hành hoặc tạm đình chỉ thi hành khi đi khỏi nơi cư trú từ một ngày trở lên có trách nhiệm khai báo tạm vắng.

- Người trong độ tuổi làm nghĩa vụ quân sự, dự bị động viên đi khỏi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi mình cư trú từ ba tháng trở lên có trách nhiệm khai báo tạm vắng.

- Nơi khai báo tạm vắng là Công an xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú.

3. Xử lý vi phạm quy định về đăng ký và quản lý cư trú

3.1. Cá nhân, chủ hộ gia đình không thực hiện đúng quy định về đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú hoặc điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú; không thực hiện đúng quy định về thông báo lưu trú, khai báo tạm vắng; không chấp hành việc kiểm tra hộ khẩu, kiểm tra tạm trú, kiểm tra lưu trú hoặc không xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, giấy tờ khác liên quan đến cư trú theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền sẽ bị phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng.

3.2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Tẩy, xóa, sửa chữa hoặc có hành vi khác làm sai lệch nội dung sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, giấy tờ khác liên quan đến cư trú;

b) Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật về cư trú;

c) Thuê, cho thuê sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, giấy tờ khác liên quan đến cư trú để thực hiện hành vi trái quy định của pháp luật;

d) Sử dụng sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, giấy tờ khác liên quan đến cư trú để thực hiện hành vi trái quy định của pháp luật;

đ) Cơ sở kinh doanh lưu trú không thực hiện việc thông báo lưu trú với cơ quan công an theo quy định khi có người đến lưu trú;

e) Tổ chức kích động, xúi giục, lôi kéo, dụ dỗ, môi giới, cưỡng bức người khác vi phạm pháp luật về cư trú.

3.3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Khai man, giả mạo hồ sơ, giấy tờ để được đăng ký thường trú, tạm trú, cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú;

b) Làm giả sổ hộ khẩu, sổ tạm trú hoặc giả mạo điều kiện để được đăng ký thường trú;

c) Sử dụng sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giả;

d) Cho người khác đăng ký cư trú vào chỗ ở của mình để vụ lợi hoặc trong thực tế người đăng ký cư trú không sinh sống tại chỗ ở đó;

đ) Cá nhân, chủ hộ gia đình cho người khác nhập hộ khẩu vào cùng một chỗ ở của mình nhưng không bảo đảm diện tích tối thiểu trên đầu người theo quy định;

e) Ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với người lao động không thuộc doanh nghiệp của mình để nhập hộ khẩu;

g) Sử dụng hợp đồng lao động trái với quy định của pháp luật để nhập hộ khẩu;

h) Không khai báo tạm trú cho người nước ngoài thuê nhà để ở.

Chuyên đề 23. Quy định về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

Ngày 20/6/2017 Quốc hội ban hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (*có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2018*), thay thế Pháp lệnh số 16/2012/UBTVQH12 về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. Luật Quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ có những điểm mới cơ bản như sau:

1. Nguyên tắc quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ (Điều 4)

1) Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2) Trang bị vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ phải đúng thẩm quyền, đối tượng và bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

3) Người quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ phải bảo đảm đầy đủ điều kiện theo quy định.

4) Người ra mệnh lệnh hoặc quyết định sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ phải chịu trách nhiệm về mệnh lệnh, quyết định của mình.

5) Sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ phải bảo đảm đúng mục đích, đúng quy định, hạn chế thiệt hại đối với người, tài sản và môi trường.

6) Nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, kinh doanh, trang bị, mang, xuất khẩu, nhập khẩu, vận chuyển, sửa chữa, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ phải được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép, giấy xác nhận.

7) Vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ không còn nhu cầu sử dụng, hết hạn sử dụng hoặc không còn khả năng sử dụng phải được thu hồi, thanh lý hoặc tiêu hủy.

8) Vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ và các loại giấy phép, giấy xác nhận, giấy chứng nhận, chứng chỉ bị mất phải được kịp thời báo cáo cho cơ quan quản lý có thẩm quyền.

9) Vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ phải được thử nghiệm, kiểm định, đánh giá và đăng ký theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa trước khi được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng tại Việt Nam.

2. Các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ và công cụ hỗ trợ (Điều 5)

1) Cá nhân sở hữu vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, trừ vũ khí thô sơ là hiện vật để trưng bày, triển lãm, đồ gia bảo.

2) Nghiên cứu, sản xuất, sửa chữa trái phép vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ hoặc chi tiết, cụm chi tiết để lắp ráp vũ khí, công cụ hỗ trợ.

3) Mang trái phép tiền chất thuốc nổ vào, ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc vào nơi cấm, khu vực cấm, khu vực bảo vệ và mục tiêu bảo vệ.

4) Lợi dụng việc sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, tính mạng, sức khỏe, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

5) Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ được giao;

6) Giao tiền chất thuốc nổ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện theo quy định.

7) Hành vi trao đổi, tặng, cho, gửi, mượn, cho mượn, thuê, cho thuê, cầm cố vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ hoặc chi tiết, cụm chi tiết để lắp ráp vũ khí, công cụ hỗ trợ; trừ trường hợp trao đổi, tặng, cho, gửi, mượn, cho mượn, thuê, cho thuê vũ khí thô sơ để làm hiện vật trưng bày, triển lãm, đồ gia bảo.

8) Vận chuyển, bảo quản, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ không bảo đảm an toàn hoặc làm ảnh hưởng đến môi trường;

9) Chiếm đoạt, mua bán, trao đổi, tặng, cho, mượn, cho mượn, thuê, cho thuê, cầm cố, làm giả, sửa chữa, tẩy xóa các loại giấy phép, giấy xác nhận, giấy chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ.

10) Chiếm đoạt, trao đổi, gửi, phé liệu, phé phẩm vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

11) Hướng dẫn, huấn luyện, tổ chức huấn luyện trái phép cách thức chế tạo, sản xuất, sửa chữa hoặc sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ dưới mọi hình thức.

12) Che giấu, không tố giác, giúp người khác chế tạo, sản xuất, mang, mua bán, sửa chữa, xuất khẩu, nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép hoặc hủy hoại vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ.

13) Đào bới, tìm kiếm, thu gom trái phép vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; phế liệu, phế phẩm vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

14) Cố ý cung cấp thông tin sai lệch về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; không báo cáo, báo cáo không kịp thời, che giấu hoặc làm sai lệch thông tin báo cáo về việc mất, thất thoát, tai nạn, sự cố về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ.

3. Các đối tượng được sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ

3.1. Đối tượng được trang bị, sử dụng vũ khí quân dụng gồm có: Quân đội nhân dân; Công an nhân dân; Dân quân tự vệ; Cảnh sát biển; Cơ yếu; Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Kiểm lâm, Kiểm ngư; An ninh hàng không; Hải quan cửa khẩu, lực lượng chuyên trách chống buôn lậu của Hải quan.

3.2. Đối tượng được trang bị, sử dụng công cụ hỗ trợ: Ngoài các đối tượng được quy định tại điểm 3.1 nêu trên (*trừ Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao*), còn có Câu lạc bộ, cơ sở đào tạo, huấn luyện thể thao có giấy phép hoạt động; Trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh.

3.3. Đối tượng được sử dụng vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ:

a) Là tổ chức, doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, có đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký hoạt động ngành, nghề, lĩnh vực cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

b) Có hoạt động khoáng sản, dầu khí hoặc công trình xây dựng, công trình nghiên cứu, thử nghiệm hoặc thực hiện nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ giao cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

c) Có kho, công nghệ, thiết bị, phương tiện, dụng cụ phục vụ hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; trường hợp không có kho, phương tiện vận chuyển, phải có hợp đồng thuê bằng văn bản với tổ chức được phép bảo quản, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp.

4. Người dân được sử dụng các loại vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ nào

Cá nhân chỉ được sở hữu vũ khí thô sơ là hiện vật để trưng bày, triển lãm, đồ gia bảo. Vũ khí thô sơ được xác định là vũ khí có cấu tạo, nguyên lý hoạt động đơn giản và được chế tạo, sản xuất thủ công hoặc công nghiệp, bao gồm: dao găm, kiếm, giáo, mác, thương, lưỡi lê, đao, mã tấu, côn, quả dằm, quả chùy, cung, nỏ, phi tiêu.

5. Các hành vi vi phạm thường gặp liên quan đến tàng trữ, sử dụng các loại vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ

- 1) Mua bán, vận chuyển trái phép vật liệu nổ công nghiệp.
- 2) Tàng trữ, sử dụng trái phép vật liệu nổ công nghiệp để khai thác khoáng sản (đá, cát sạn...), san lấp mặt bằng công trình xây dựng...
- 3) Mua bán trái phép vũ khí, công cụ hỗ trợ, súng săn, súng tự chế, chi tiết, cụm chi tiết chế tạo vũ khí, súng săn, súng tự chế, súng hơi....
- 4) Sản xuất, chế tạo trái phép vũ khí, súng săn, súng tự chế, súng kíp, súng hơi còn....
- 5) Sử dụng trái phép vũ khí, súng săn, súng tự chế, súng kíp, súng hơi còn để trưng bày, thờ cúng, săn bắn....
- 6) Sử dụng công cụ hỗ trợ khi chưa được đăng ký, cấp giấy phép sử dụng.
- 7) Người quản lý, sử dụng công cụ hỗ trợ chưa được đào tạo, tập huấn cấp Chứng chỉ quản lý, sử dụng công cụ hỗ trợ.
- 8) Làm mất, hư hỏng công cụ hỗ trợ.
- 9) Làm mất, hư hỏng, không cấp đổi, cấp lại giấy phép sử dụng, giấy xác nhận đăng ký công cụ hỗ trợ.
- 10) Sử dụng xung kích điện để đánh bắt hải sản, thủy sản trái phép.

6. Biện pháp giải quyết nếu phát hiện tổ chức, cá nhân tàng trữ, mua bán, vận chuyển, sử dụng trái phép vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ

6.1. Trách nhiệm của người dân:

- Kịp thời thông tin, trình báo, tố giác, phát giác hành vi vi phạm với cấp ủy, chính quyền địa phương hoặc cơ quan Công an gần nhất nơi xảy ra vi phạm;
- Phối hợp với các lực lượng chức năng tổ chức sơ cứu, cấp cứu người bị nạn (nếu có), tham gia bảo vệ hiện trường;
- Cung cấp thông tin, phối hợp cơ quan Công an xác minh, làm rõ vụ việc vi phạm.

6.2. Trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền cơ sở:

- Tiếp nhận thông tin trình báo, phát giác, tố giác hành vi vi phạm do nhân dân cung cấp;
- Chỉ đạo, tổ chức lực lượng điều tra, xác minh nguồn thông tin liên quan đến các hành vi vi phạm;
- Lập hồ sơ, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật (nếu có);
- Tổ chức cuộc vận động toàn dân tham gia giao nộp vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ trên phạm vi địa bàn quản lý, bố trí, sắp xếp, đảm bảo nguồn kinh phí phục vụ công tác triển khai cuộc vận động;

- Khen thưởng kịp thời đối với các cá nhân, tổ chức có thành tích xuất sắc trong công tác quản lý, phòng ngừa, đấu tranh với các hành vi vi phạm liên quan đến vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ.

Chuyên đề 24. Quy định của pháp luật về xử lý hành vi vi phạm ANTT ở địa bàn cơ sở.

Hành vi gây rối trật tự công cộng là hành vi gây náo động, gây mất trật tự ở những nơi công cộng như ngoài đường phố, khu dân cư, công viên..., hành vi này gây nên sự xáo trộn, hoang mang cho những người xung quanh.

1. Người có hành vi gây mất trật tự ở rạp hát, rạp chiếu phim, nhà văn hóa, câu lạc bộ, nơi biểu diễn nghệ thuật, nơi tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, lễ hội, triển lãm, hội chợ, trụ sở cơ quan, tổ chức, khu dân cư, trường học, bệnh viện, nhà ga, bến tàu, bến xe, trên đường phố, ở khu vực cửa khẩu, cảng hoặc ở nơi công cộng khác sẽ bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- Ném gạch, đất, đá, cát hoặc bất cứ vật gì khác vào nhà, vào phương tiện giao thông, vào người, đồ vật, tài sản của người khác;

- Say rượu, bia gây mất trật tự công cộng;

- Tụ tập nhiều người ở nơi công cộng gây mất trật tự công cộng;

- Sách nhiễu, gây phiền hà cho người khác khi bốc vác, chuyên chở, giữ hành lý ở các bến tàu, bến xe, sân bay, bến cảng, ga đường sắt và nơi công cộng khác.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:

- Tàng trữ, cất giấu trong người, đồ vật, phương tiện giao thông các loại dao, búa, các loại công cụ, phương tiện khác thường dùng trong lao động, sinh hoạt hàng ngày nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích cho người khác;

- Lôi kéo hoặc kích động người khác gây rối, làm mất trật tự công cộng;

- Gây rối trật tự tại phiên tòa, nơi thi hành án hoặc có hành vi khác gây trở ngại cho hoạt động xét xử, thi hành án;

- Gây rối trật tự tại nơi tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế;

- Gây rối hoặc cản trở hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức;

- Tập trung đông người trái pháp luật tại nơi công cộng hoặc các địa điểm, khu vực cấm;

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi gây rối trật tự công cộng mà có mang theo các loại vũ khí thô sơ hoặc công cụ hỗ trợ. Ngoài hình thức phạt tiền người có hành vi vi phạm sẽ bị áp dụng hình thức phạt bổ sung tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

5. Trường hợp có hành vi gây rối trật tự công cộng gây ảnh hưởng xấu tới an ninh trật tự, an ninh toàn xã hội; hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này, bị kết án về tội này nhưng chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì có thể bị xử lý hình sự về tội gây rối trật tự nơi công cộng theo điều 318 BLHS năm 2015.

6. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Gây tiếng động lớn, làm ồn ào, huyên náo tại khu dân cư, nơi công cộng trong khoảng thời gian từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau;

b) Không thực hiện các quy định về giữ yên tĩnh của bệnh viện, nhà điều dưỡng, trường học hoặc ở những nơi khác có quy định phải giữ yên tĩnh chung;

c) Bán hàng ăn, uống, hàng giải khát quá giờ quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

7. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi: Dùng loa phóng thanh, chiêng, trống, còi, kèn hoặc các phương tiện khác để cổ động ở nơi công cộng mà không được phép của các cơ quan có thẩm quyền.

8. Trường hợp gây tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật về tiếng ồn dưới 02dBA sẽ bị phạt cảnh cáo; nếu tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật về tiếng ồn từ 02dBA trở lên sẽ bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 160.000.000 đồng.

Chuyên đề 25. Các quy tắc giao thông đường bộ và quy định về xử phạt.

1. Quy tắc chung: Khi tham gia giao thông, người điều khiển phương tiện phải đi về bên phải theo chiều đi của mình; đi đúng phần đường, làn đường; chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ và phải có Giấy phép lái xe (GPLX) do cơ quan có thẩm quyền cấp phù hợp với loại phương tiện đang điều khiển.

2. Một số quy định cụ thể đối với người điều khiển phương tiện khi tham gia giao thông trên đường bộ

- Phải có GPLX do cơ quan có thẩm quyền cấp phù hợp với loại phương tiện đang điều khiển; nếu vi phạm sẽ bị xử phạt từ 800.000 đồng đến 1.200.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô; từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô, tạm giữ phương tiện đến 07 ngày.

- Người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (*kể cả xe máy điện*) phải đội mũ bảo hiểm theo đúng quy cách, người ngồi trên xe ô tô phải thắt dây an toàn; nếu vi phạm sẽ bị xử phạt từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng.

- Chở đúng số người quy định; nếu vi phạm tùy theo mức độ sẽ bị xử phạt từ 100.000 đồng đến 400.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô, phạt đến 40.000.000 đồng đối với xe ô tô chở khách.

- Phải chấp hành nghiêm hệ thống báo hiệu đường bộ; trường hợp không chấp hành tín hiệu đèn giao thông (*vượt đèn đỏ*), sẽ bị xử phạt từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô, từ 1.200.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô, tước GPLX đến 03 tháng.

- Phải chấp hành nghiêm hướng dẫn, hiệu lệnh của người điều khiển giao thông; nếu không chấp hành sẽ bị phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô; từ 1.200.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô, tước GPLX đến 03 tháng.

- Phải đi đúng phần đường, làn đường, chiều đường quy định; nếu vi phạm sẽ bị xử phạt từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô, từ 800.000 đồng đến 1.200.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô.

- Chấp hành nghiêm các quy định về tốc độ, nếu vi phạm tùy theo mức độ sẽ bị xử phạt từ 100.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô, từ 600.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô, tước GPLX đến 03 tháng.

- Khi đến nơi giao nhau (*tại các ngã ba, ngã tư*):

+ Người điều khiển phương tiện khi rẽ phải hoặc rẽ trái phải có tín hiệu báo hướng rẽ; nếu vi phạm sẽ bị xử phạt từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng đối với xe mô tô, và từ 600.000 đồng đến 800.000 đồng đối với xe ô tô;

+ Tại nơi đường giao nhau không có báo hiệu đi theo vòng xuyên, phải nhường đường cho xe đi đến từ bên phải;

+ Tại nơi đường giao nhau có báo hiệu đi theo vòng xuyên, phải nhường đường cho xe đi bên trái;

+ Tại nơi đường giao nhau giữa đường không ưu tiên và đường ưu tiên hoặc giữa đường nhánh và đường chính thì xe từ đường không ưu tiên và đường nhánh phải nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên và đường chính từ bất kỳ hướng nào tới.

- Điều khiển xe mô tô, xe ô tô mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn. Tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt từ 1.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô, từ 2.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô, tạm giữ xe đến 07 ngày, tước GPLX đến 6 tháng.

- Không được phép phá hoại các công trình, thiết bị thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Không đua xe, cở vũ đua xe, tổ chức đua xe trái phép, lạng lách, đánh võng. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô vi phạm buông cả hai tay khi đang điều khiển xe; dùng chân điều khiển xe; ngồi về một bên điều khiển xe; nằm trên yên xe điều khiển xe; thay người điều khiển khi xe đang chạy; quay người về phía sau để điều khiển xe hoặc bịt mắt điều khiển xe; lạng lách hoặc đánh võng trên đường bộ trong, ngoài đô thị; điều khiển xe chạy bằng một bánh đối với xe hai bánh, chạy bằng hai bánh đối với xe ba bánh, tước GPLX đến 6 tháng.

- Điều khiển phương tiện giao thông đường bộ mà trong cơ thể có chất ma túy. Người điều khiển có thể bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 22 tháng đến 24 tháng (*trong trường hợp có Giấy phép lái xe*) hoặc phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô, phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô trên đường mà trong cơ thể có chất ma túy.

- Không bấm còi, rú ga liên tục; bấm còi trong thời gian từ 22 giờ đến 05 giờ, bấm còi hơi, sử dụng đèn chiếu xa trong đô thị và khu đông dân cư... Nếu vi phạm có thể bị xử phạt từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô, từ 600.000 đồng đến 800.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô.

- Cấm đưa xe cơ giới, xe máy chuyên dùng không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ; phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm điều khiển xe ô tô hết hạn đăng kiểm trên 01 tháng, tước GPLX đến 03 tháng, tạm giữ phương tiện đến 07 ngày; quá niên hạn sử dụng tham gia giao thông (*đối với loại xe có quy định về niên hạn sử dụng*), tịch thu phương tiện.

- Khi xảy ra tai nạn giao thông:

+ Người điều khiển phương tiện và những người liên quan trực tiếp đến vụ tai nạn phải có trách nhiệm: Dừng ngay phương tiện; giữ nguyên hiện trường; cấp cứu người bị nạn và phải có mặt khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu; ở lại nơi xảy ra tai nạn cho đến khi người của cơ quan công an đến, trừ trường hợp người điều khiển phương tiện cũng bị thương phải đưa đi cấp cứu hoặc phải đưa người bị nạn đi cấp cứu hoặc vì lý do bị đe dọa đến tính mạng, nhưng phải đến trình báo ngay với cơ quan công an nơi gần nhất; cung cấp thông tin xác thực về vụ tai nạn cho cơ quan có thẩm quyền;

+ Những người có mặt tại nơi xảy ra vụ tai nạn phải có trách nhiệm: Bảo vệ hiện trường; giúp đỡ, cứu chữa kịp thời người bị nạn; báo tin ngay cho cơ quan công an, y tế hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất; bảo vệ tài sản của người bị nạn; cung cấp thông tin xác thực về vụ tai nạn theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

+ Người điều khiển phương tiện khác khi đi qua nơi xảy ra vụ tai nạn có trách nhiệm chở người bị nạn đi cấp cứu (*không bắt buộc đối với các xe được quyền ưu tiên, xe chở người được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao, lãnh sự*).

+ Khi xảy ra tai nạn giao thông không dừng lại, không giữ nguyên hiện trường, bỏ trốn không đến trình báo với cơ quan có thẩm quyền, không tham gia cấp cứu người bị nạn có thể bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô; từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô, tước GPLX đến 04 tháng.

Chuyên đề 26. Các quy tắc giao thông đường thủy nội địa và quy định về xử phạt.

1. Các hành vi bị cấm trong hoạt động giao thông đường thủy nội địa

- Phá hoại công trình giao thông đường thủy nội địa; tạo vật chướng ngại gây cản trở giao thông đường thủy nội địa.

- Mở cảng, bến thủy nội địa trái phép; đón, trả người hoặc xếp, dỡ hàng hóa không đúng nơi quy định.

- Xây dựng trái phép nhà, lều quán hoặc các công trình khác trên đường thủy nội địa và phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

- Đổ đất, đá, cát, sỏi hoặc chất thải khác, khai thác trái phép khoáng sản trong phạm vi luồng và hành lang bảo vệ luồng; đặt cố định ngư cụ, phương tiện khai thác, nuôi trồng thủy sản trên luồng.

- Đưa phương tiện không đủ điều kiện hoạt động tham gia giao thông đường thủy nội địa; sử dụng phương tiện không đúng công dụng hoặc không đúng vùng hoạt động theo giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của cơ quan đăng kiểm.

- Bố trí thuyền viên không đủ định biên theo quy định khi đưa phương tiện vào hoạt động; thuyền viên, người lái phương tiện làm việc trên phương tiện không có bằng, chứng chỉ chuyên môn hoặc bằng, chứng chỉ chuyên môn không phù hợp.

- Chở hàng hóa độc hại, dễ cháy, dễ nổ, động vật lớn chung với hành khách; chở quá sức chở người của phương tiện hoặc quá vạch dấu mức nước an toàn.

- Làm việc trên phương tiện khi trong máu có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc 40 miligam/1 lít khí thở hoặc có các chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng.

- Bỏ trốn sau khi gây tai nạn để trốn tránh trách nhiệm; xâm phạm tính mạng, tài sản khi phương tiện bị nạn; lợi dụng việc xảy ra tai nạn làm mất trật tự, cản trở việc xử lý tai nạn.

- Vi phạm báo hiệu hạn chế tạo sóng hoặc các báo hiệu cấm khác.

- Tổ chức đua hoặc tham gia đua trái phép phương tiện trên đường thủy nội địa; lạng lách gây nguy hiểm cho phương tiện khác.

- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sách nhiễu, gây phiền hà khi thực hiện nhiệm vụ; thực hiện hoặc cho phép thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về giao thông đường thủy nội địa.

2. Một số quy tắc giao thông và quy định xử phạt

- Khi điều khiển phương tiện phải mang theo chứng chỉ chuyên môn, nếu không mang theo sẽ bị xử phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng, trường hợp không có sẽ bị xử phạt đến 1.000.000 đồng.

- Thuyền trưởng, thuyền phó, máy trưởng, máy phó phải có bằng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng phù hợp với loại phương tiện điều khiển; nếu không có, tùy theo các hạng có thể sẽ bị xử phạt đến 5.000.000 đồng.

- Phương tiện thủy khi tham gia giao thông phải kê, gắn số đăng ký của phương tiện đúng quy định; không để mờ, che khuất vạch dấu mức nước an toàn của phương tiện; nếu vi phạm sẽ bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng.

- Khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông trên đường thủy phải mang theo giấy chứng nhận đăng ký phương tiện; kê, gắn số đăng ký của phương tiện theo quy định; kê vạch dấu mức nước an toàn của phương tiện; nếu vi phạm, tùy theo công suất máy sẽ bị phạt tiền đến 300.000 đồng.

- Đối với hành vi chở hàng hóa quá vạch dấu mức nước an toàn, tùy theo công suất máy và mức độ vi phạm có thể bị xử phạt tiền từ 50.000 đồng đến 12.000.000 đồng.

- Người điều khiển phương tiện phải chấp hành yêu cầu về kiểm tra, kiểm soát của người có thẩm quyền; nếu cố tình không dừng phương tiện để kiểm tra, kiểm soát theo lệnh của người có thẩm quyền sẽ bị xử phạt từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

- Trong quá trình cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, người điều khiển phương tiện phải xuất trình đầy đủ giấy tờ của phương tiện, của thuyền viên hoặc người lái phương

tiện, hàng hóa theo quy định khi có yêu cầu. Nếu không chấp hành sẽ bị xử phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng.

- Phương tiện thủy phải được trang bị dụng cụ cứu sinh, cứu đắm, phòng cháy, chữa cháy, neo đậu, liên kết phương tiện theo quy định. Nếu không trang bị, hoặc trang bị không đủ, tùy theo công suất máy, có thể bị xử phạt đến 1.000.000 đồng.

- Đối với hành vi không bố trí đủ định biên thuyền viên theo quy định hoặc sử dụng thuyền viên không có tên trong danh bạ thuyền viên; sử dụng người không đủ điều kiện theo quy định làm thuyền viên sẽ bị xử phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng.

- Phương tiện không có giấy chứng nhận đăng ký hoặc không có giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định sẽ bị xử phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng.

- Hành vi khi đang làm việc trên phương tiện mà có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc 0,25 miligam/01 lít khí thở hoặc sử dụng các chất kích thích khác mà luật cấm sử dụng sẽ bị xử phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng. Bố trí thuyền viên, người lái phương tiện làm việc trên phương tiện trong tình trạng thuyền viên, người lái phương tiện có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc 0,25 miligam/01 lít khí thở hoặc sử dụng các chất kích thích khác mà luật cấm sử dụng sẽ bị xử phạt đến 1.000.000 đồng.

- Nghiêm cấm không được đổ rác hoặc rơm, rạ xuống đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa; buộc động vật vào báo hiệu đường thủy nội địa, mốc thủy chí, mốc đo đạc hoặc mốc giới hạn phạm vi hành lang bảo vệ luồng. Nếu vi phạm sẽ bị xử phạt cảnh cáo hoặc phạt từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng.

- Không được tự ý tháo dỡ cấu kiện hoặc lấy đất, đá của công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa; đổ bùn, đất, đá, cát, sỏi hoặc chất thải khác không đúng quy định xuống luồng, trong phạm vi hành lang bảo vệ luồng hoặc vùng nước cảng, bến thủy nội địa. Nếu vi phạm sẽ bị xử phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

- Nếu để phương tiện đâm, va vào công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa hoặc công trình khác trên đường thủy nội địa làm ảnh hưởng đến an toàn của công trình hoặc gây cản trở giao thông; Dựng nhà, làm nhà nổi, xây dựng công trình không đúng quy định theo giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong phạm vi hành lang bảo vệ luồng hoặc trong phạm vi bảo vệ công trình khác thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa sẽ bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

- Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi đánh bắt thủy sản, hải sản lưu động gây cản trở giao thông.

- Nghiêm cấm không được đặt dụng cụ, để phương tiện khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản trong phạm vi hành lang bảo vệ luồng làm che khuất tầm nhìn của người điều khiển phương tiện hoặc đặt dụng cụ, để phương tiện khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản không đúng hướng dẫn của đơn vị quản lý đường thủy nội địa. Nếu vi phạm sẽ bị xử phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

- Hành vi đặt dụng cụ, phương tiện khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản trên luồng sẽ bị xử phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

- Khi xảy ra tai nạn giao thông trên đường thủy:

+ Người điều khiển phương tiện phải thông báo kịp thời cho cơ quan Công an hoặc Ủy ban nhân dân địa phương nơi gần nhất khi xảy ra tai nạn giao thông đường thủy nội địa; nếu vi phạm sẽ bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng;

+ Người điều khiển phương tiện phải tham gia tìm kiếm, cứu nạn khi có điều kiện; không gây mất trật tự, cản trở việc cứu nạn, xử lý tai nạn hoặc lợi dụng tai nạn xảy ra để xâm phạm tài sản, phương tiện bị nạn. Nếu vi phạm sẽ bị xử phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng;

+ Nếu gây tai nạn bỏ trốn sẽ bị xử phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng.

Chuyên đề 27: Công tác quản lý cư trú của người nước ngoài.

1. Tình hình liên quan quản lý người nước ngoài trên địa bàn

Với xu thế hội nhập quốc tế, việc đi lại giữa các quốc gia, dân tộc ngày càng thuận tiện; nhu cầu xuất cảnh, nhập cảnh, qua lại giữa các quốc gia của công dân các nước ngày càng tăng; số lượt khách nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam nói chung, đến Sơn La nói riêng cũng tăng cả về số lượng và thời gian lưu trú, với mục đích rất đa dạng: du lịch, lao động, làm việc, học tập, thăm thân... Riêng trong 9 tháng đầu năm 2018, có 963 lượt người nước ngoài đến địa bàn tỉnh Sơn La, trong đó có 831 trường hợp đến học tập; 83 trường hợp đến thăm thân, ở cùng gia đình; 46 trường hợp đi du lịch; 03 trường hợp đến lao động.

Người nước ngoài đến địa bàn tỉnh Sơn La học tập, lao động, làm việc, cư trú về cơ bản đã tuân thủ và chấp hành đầy đủ các quy định về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, tuy nhiên cũng còn một số vi phạm hoặc biểu hiện vi phạm, cụ thể: (1) trung tâm ngoại ngữ vi phạm trong bảo lãnh, đề nghị cấp giấy phép lao động, ký hợp đồng lao động với người nước ngoài, gây khó khăn cho công tác quản lý của các cơ quan chức năng, cũng như việc đảm bảo an toàn và quyền lợi cho người nước ngoài; (2) người nước ngoài không nộp hoặc chậm nộp hộ chiếu để hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị cấp thị thực, gia hạn tạm trú; (3) người nước ngoài vào khu vực biên giới, khu vực cấm không có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền; (4) người nước ngoài vào địa bàn, có biểu hiện hoạt động tuyên truyền đạo trái phép hoặc có các hoạt động trái với mục đích nhập cảnh vào Việt Nam.

2. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong công tác quản lý cư trú của người nước ngoài

2.1. Phòng Quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh:

- Là đầu mối thực hiện các hoạt động về quản lý xuất, nhập cảnh trên địa bàn tỉnh Sơn La; thực hiện việc tiếp nhận và xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp hộ chiếu, cấp giấy thông hành biên giới Việt - Lào; quản lý việc nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài trên địa bàn; thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về xuất nhập cảnh, gắn với tuyên truyền, phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi lừa đảo,

mua bán người ra nước ngoài và vi phạm trong công tác quản lý lưu trú của người nước ngoài.

- Trụ sở đơn vị: Số 51 - Đường Tô Hiệu - Phường Tô Hiệu, TP Sơn La; Điện thoại, fax: 0692.680.274.

2.2. Tổ chức, cá nhân bảo lãnh người nước ngoài vào lao động:

Phải thực hiện đúng quy định tại Điều 16, Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam. Cụ thể là:

Điều 16. Thủ tục mời, bảo lãnh người nước ngoài nhập cảnh tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh

1. Người nước ngoài không thuộc diện quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 8 của Luật này phải thông qua cơ quan, tổ chức, cá nhân mời, bảo lãnh làm thủ tục tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh. Cơ quan, tổ chức, cá nhân mời, bảo lãnh người nước ngoài trực tiếp gửi văn bản đề nghị cấp thị thực tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh.

2. Trước khi làm thủ tục mời, bảo lãnh người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam, tổ chức xã hội, doanh nghiệp, tổ chức khác có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam, chi nhánh của thương nhân nước ngoài, văn phòng đại diện tổ chức kinh tế, văn hoá và tổ chức chuyên môn khác của nước ngoài tại Việt Nam phải gửi văn bản thông báo cho cơ quan quản lý xuất nhập cảnh kèm theo hồ sơ, bao gồm:

a) Bản sao có chứng thực giấy phép hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc thành lập tổ chức;

b) Văn bản giới thiệu con dấu, chữ ký của người có thẩm quyền của tổ chức.

Việc thông báo chỉ thực hiện một lần, khi có sự thay đổi nội dung trong hồ sơ phải thông báo bổ sung.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cấp thị thực, cơ quan quản lý xuất nhập cảnh xem xét, giải quyết, trả lời cơ quan, tổ chức, cá nhân mời, bảo lãnh và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền cấp thị thực của Việt Nam ở nước ngoài.

4. Sau khi nhận được văn bản trả lời của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh, cơ quan, tổ chức, cá nhân mời, bảo lãnh người nước ngoài vào Việt Nam thông báo cho người nước ngoài để làm thủ tục nhận thị thực tại cơ quan có thẩm quyền cấp thị thực của Việt Nam ở nước ngoài.

5. Trường hợp đề nghị cấp thị thực tại cửa khẩu quốc tế, cơ quan quản lý xuất nhập cảnh xem xét, giải quyết trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 18 của Luật này; trong thời hạn 12 giờ làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đối với các trường hợp quy định tại điểm đ và điểm e khoản 1 Điều 18 của Luật này.

6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp thị thực cho người nước ngoài tại cơ quan có thẩm quyền cấp thị thực của Việt Nam ở nước ngoài phải thanh toán với cơ quan quản lý xuất nhập cảnh khoản cước phí để thực hiện việc thông báo cấp thị thực.

2.3. Các trường học có lưu học sinh nước ngoài học tập:

- Phải tăng cường quản lý lưu học sinh nước ngoài, rà soát, kiểm tra, nắm số lượng, danh sách từng trường hợp; lập biểu theo dõi chi tiết các kỳ hết hạn tạm trú, thi thực để kịp thời làm hồ sơ đề nghị cấp thị thực, gia hạn tạm trú;

- Phải phân công cán bộ chuyên trách theo dõi, quản lý Lưu học sinh và thực hiện các thủ tục về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, lưu trú của Lưu học sinh nước ngoài ;

- Kịp thời cung cấp, trao đổi thông tin và phối hợp chặt chẽ với Phòng Quản lý xuất nhập cảnh để xử lý kịp thời đối với từng trường hợp cụ thể phát sinh.

2.4. Đối với người nước ngoài:

* Phải chấp hành đúng quy định tại Điều 20, Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, chỉ được nhập cảnh khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế và thị thực. Người nước ngoài nhập cảnh theo diện đơn phương miễn thị thực thì hộ chiếu phải còn thời hạn sử dụng ít nhất 06 tháng và phải cách thời điểm xuất cảnh Việt Nam lần trước ít nhất 30 ngày.

2. Không thuộc một trong các trường hợp dưới đây (*quy định tại Điều 21, Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam*):

- Trẻ em dưới 14 tuổi không có cha, mẹ, người giám hộ hoặc người được ủy quyền đi cùng.

- Giả mạo giấy tờ, khai sai sự thật để được cấp giấy tờ có giá trị nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú.

- Người bị mắc bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh truyền nhiễm gây nguy hiểm cho sức khỏe cộng đồng.

- Bị trục xuất khỏi Việt Nam chưa quá 03 năm kể từ ngày quyết định trục xuất có hiệu lực.

- Bị buộc xuất cảnh khỏi Việt Nam chưa quá 06 tháng kể từ ngày quyết định buộc xuất cảnh có hiệu lực.

- Vì lý do phòng, chống dịch bệnh.

- Vì lý do thiên tai.

- Vì lý do quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

* Lưu học sinh nước ngoài phải tuân thủ, chấp hành nghiêm chỉnh nội quy, quy định của nhà trường và các quy định của pháp luật Việt Nam về nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam; phải chuyển hộ chiếu cho nhà trường quản lý trong thời gian học tập tại Việt Nam.

Chuyên đề 28. Phòng ngừa, ngăn chặn hoạt động phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch đối với địa bàn tỉnh Sơn La.

1. Nhận thức chung

“*Diễn biến hòa bình*” là chiến lược của các thế lực thù địch và phản động nhằm chống phá cách mạng Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, đối ngoại, quốc phòng, an ninh, trong đó lĩnh vực tư tưởng văn hóa được xác định là mục tiêu hàng đầu trong tổng thể chiến lược. Đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn, hoạt động “*Diễn biến hòa bình*” chống phá Việt Nam trên lĩnh vực tư tưởng của các thế lực thù địch là vấn đề có ý nghĩa sống còn của cách mạng Việt Nam, là nhiệm vụ chính trị đặc biệt quan trọng của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta hiện nay.

Thời gian qua, các thế lực thù địch, phản động và phần tử xấu sử dụng nhiều biện pháp, tiến hành nhiều hoạt động phức tạp với nhiều phương thức khác nhau từ bí mật đến công khai nhằm phá hoại tư tưởng, trong đó tập trung vào các phương thức, thủ đoạn chủ yếu như:

(1) Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng nước ngoài, đặc biệt là hệ thống internet, các blog, trang mạng xã hội... để đăng tải, tán phát các bài viết có chứa đựng nội dung phủ định Chủ nghĩa Mác Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, xuyên tạc tình hình nội bộ đảng, nói xấu các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, xuyên tạc tình hình kinh tế, xã hội, phủ nhận thành tựu của sự nghiệp đổi mới;

(2) Lợi dụng việc triển khai, thực hiện các chương trình, dự án có yếu tố nước ngoài qua đó tìm hiểu những sơ hở, yếu kém nhằm tác động, phá hoại từ trong nội bộ hoặc đề xuất đưa chương trình, dự án vào hoạt động tại các vùng khó khăn, nơi người dân có trình độ dân trí thấp, khu vực biên giới, phức tạp về an ninh chính trị để phục vụ cho hoạt động chống phá;

(3) Lợi dụng các sự kiện chính trị, xã hội, các vụ việc nhạy cảm, phức tạp như các kỳ họp của Ban chấp hành Trung ương, kỳ họp quốc hội, các vụ án kinh tế, tiêu cực, tham nhũng có liên quan đến cán bộ, đảng viên và các vấn đề có liên quan đến dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo... để móc nối, liên kết trong ngoài, trong đó chúng tăng cường móc nối, lôi kéo, mua chuộc, khống chế số cán bộ, đảng viên, các chức sắc tôn giáo, số học sinh, sinh viên có biểu hiện cơ hội chính trị, bất mãn, thoái hóa biến chất để “*tạo dựng ngọn cỏ*” trong nội bộ từ đó hình thành các tổ chức chính trị đối lập nhằm đẩy mạnh hoạt động “*diễn biến hòa bình*”, chống phá Đảng và Nhà nước ta, đặc biệt chúng ra sức tấn công phá hoại tư tưởng nhằm mục đích “*đả nguyên, đả đảng*”, tiến tới xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, từng bước hướng lái, đưa nước ta đi theo con đường tư bản chủ nghĩa. Vì vậy việc nhận thức rõ về âm mưu, phương thức, thủ đoạn hoạt động “*diễn biến hòa bình*” nhằm phá hoại trên lĩnh vực tư tưởng của các thế lực thù địch, phản động và phần tử xấu có vị trí, vai trò to lớn trong công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh ngăn chặn các hoạt động trên, góp phần đặc lực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa nói chung và giữ vững ổn định về an ninh chính trị trên địa bàn tỉnh nói riêng;

Đối với địa bàn khu vực Tây Bắc, trong đó có tỉnh Sơn La, thời gian qua, các thế lực thù địch thực hiện âm mưu, chiến lược “*Diễn biến hòa bình*” bằng cách lợi dụng vị trí địa lý khó khăn, hiểm trở, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, đời sống vật chất và tinh thần của người dân, nhất là khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới còn nhiều khó khăn; lợi dụng trình độ dân trí thấp và sự thiếu hiểu biết của một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số, học sinh sinh viên, lợi dụng sự thoái hóa, biến chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên và

những sơ hở, tồn tại, yếu kém của một số cấp ủy đảng, chính quyền địa phương đặc biệt là các vấn đề nhạy cảm liên quan đến dân chủ, nhân quyền, dân tộc tôn giáo để hoạt động tuyên truyền đạo trái phép, tuyên truyền thành lập “*nhà nước Mông*”... nhằm phá hoại tư tưởng, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc nhằm mục đích cuối cùng của chiến lược “*diễn biến hoà bình*” là xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa...

2. Các giải pháp phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn

Để đấu tranh có hiệu quả với hoạt động “*diễn biến hoà bình*” trên địa bàn tỉnh Sơn La, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, cơ quan, đơn vị cần tăng cường phối hợp đồng bộ, hiệu quả; không ngừng củng cố, kiện toàn hệ thống chính trị, đảm bảo vững mạnh cả về “*chất*” và “*lượng*”; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng, kết hợp với xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, nhằm đảm bảo ổn định về an ninh trật tự, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Đồng thời tập trung thực hiện tốt một số nội dung sau:

2.1. Tiếp tục làm tốt công tác định hướng tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về các chủ trương, đường lối của đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, đặc biệt là các chủ trương, chính sách có liên quan đến dân tộc, tôn giáo; đẩy mạnh tuyên truyền về âm mưu, hoạt động “*diễn biến hoà bình*” của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa... góp phần nâng cao nhận thức và tinh thần cảnh giác cách mạng của nhân dân trước các âm mưu, thủ đoạn phá hoại của các thế lực thù địch.

2.2. Cấp ủy, chính quyền các cấp và cấp ủy, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục về chính trị tư tưởng, thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện bản thân theo quan điểm chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kết hợp với việc chăm lo phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân... làm cho mọi tầng lớp nhân dân có nhận thức đúng đắn, tin tưởng vào công cuộc đổi mới của Đảng, Nhà nước, góp phần thực hiện thành công nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2.3. Mỗi cấp ủy đảng và cán bộ, đảng viên phải gương mẫu trong việc chấp hành và thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tiếp tục đẩy mạnh việc “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”; “*Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ*”, củng cố, kiện toàn nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng, xây dựng hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở ngày càng vững mạnh. Đồng thời làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, kịp thời đấu tranh, ngăn chặn các biểu hiện “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*”.

2.4. Chủ động đấu tranh, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật, nhất là số cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất, vi phạm phẩm chất đạo đức lối sống hoặc lợi dụng chức vụ quyền hạn để tiêu cực, tham nhũng, gây ảnh hưởng xấu tới tư tưởng cán bộ, đảng viên và nhân dân. Kết hợp với đấu tranh, phản bác có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch, các luận điệu phủ nhận, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, xuyên tạc đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; vạch trần thủ đoạn thổi phồng những sơ hở, yếu kém của Đảng, Nhà

nước ta trong công tác xây dựng đảng, trong quản lý kinh tế, xã hội nhằm kích động tâm lý bất mãn, chống đối gây chia rẽ nội bộ, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc của các thế lực thù địch, phản động và phần tử xấu, không để chúng có điều kiện thực hiện chiến lược “*diễn biến hòa bình*”.

2.5. Cấp ủy, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh thực hiện phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc, thực hiện tốt công tác bảo vệ nội bộ, bảo vệ bí mật nhà nước, tăng cường mối quan hệ đoàn kết nội bộ, kiên quyết đấu tranh, xử lý nghiêm các biểu hiện “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*” trong nội bộ, phát hiện, xử lý nghiêm số đối tượng vi phạm phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để tham ô, tham nhũng gây ảnh hưởng xấu tới an ninh trật tự.

Chuyên đề 29. Phòng ngừa, ngăn chặn hoạt động của tổ chức “*Hội thánh của Đức chúa trời mẹ*”.

1. Nhận thức về tổ chức “*Hội thánh của Đức chúa trời mẹ*”

Hiện nay, trên mạng xã hội (*Facebook, YouTube...*) xuất hiện nhiều video clip đăng tải hoạt động của các đối tượng theo tổ chức “*Hội thánh của Đức Chúa trời mẹ*”; đồng thời trên thực tế, các đối tượng tham gia tổ chức “*Hội thánh của Đức Chúa trời mẹ*” đã tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền, phát triển đạo, tác động vào một bộ phận người dân và học sinh, sinh viên trên cả nước.

“*Hội thánh của Đức Chúa trời mẹ*” là một tổ chức đạo Tin lành, có nguồn gốc từ Hàn Quốc, do Ahn Sahng Hong (*Anh Xang Hồng*) lập ra năm 1964. Trụ sở chính của tổ chức này đặt tại thành phố Sungnam, tỉnh Kyunggi - Hàn Quốc. Hiện tổ chức này do Zahng Gil Jah (*vợ của Ahn Sahng Hong*) điều hành và mục sư Kim Joo Cheol làm Tổng hội trưởng. Giáo lý của tổ chức này có một số nội dung mang tính chất tà giáo, có nhiều điểm khác so với các tổ chức Tin lành truyền thống như: *không công nhận lễ Giáng sinh; coi Ahn Sahng Hong là “nhà tiên tri” (gọi là Đức Chúa trời) và thay thế chúa Giesu; Sau khi Aha Sahng Hong chết (1985) thì coi Zahng Gil Jah (vợ của Ahn Sahng Hong) là “Đức chúa trời mẹ”; chỉ có “Hội thánh của Đức Chúa trời mẹ” mới đích thực chân chính, người tin theo không được nghi ngờ lời “nhà tiên tri” Ahn Sahng Hong thì mới linh nghiệm...*

Tổ chức “*Hội thánh của Đức chúa trời mẹ*” được tuyên truyền, phát triển vào Việt Nam từ năm 2001 (*hiện vẫn không được Nhà nước ta công nhận*), do một số Giáo sỹ người Hàn Quốc làm việc tại Việt Nam và một số người Việt Nam sau khi học tập, lao động ở Hàn Quốc trở về truyền vào. Trụ sở trái phép của “*Hội thánh Đức chúa trời mẹ*” đang đặt tại 352/5C đường Lê Văn Quới, phường Bình Hưng Hòa A, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động của tổ chức này tại Việt Nam đã và đang gây nhiều phức tạp về trật tự xã hội, tác động ảnh hưởng, làm một số người tin theo, làm xáo trộn đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của một bộ phận quần chúng nhân dân; không đúng với thuần phong mỹ tục, đi ngược lại giá trị đạo đức của con người, có tính chất hoang đường, do đó cũng bị các tôn giáo chính thống lên án và không thừa nhận.

2. Về hình thức tuyên truyền: Các đối tượng thường nhằm vào những người thân, người quen biết, đặc biệt chú ý tác động vào những người đang có hoàn cảnh éo le, bế tắc

trong cuộc sống; các đối tượng thường đến các phòng trọ, khu ký túc xá sinh viên hoặc gặp bất cứ ai trên đường để tuyên truyền. Với ai còn nghi ngờ thì đối tượng bằng mọi cách rủ đi chơi, xem giảng đạo hoặc phục vụ chăm sóc tận tình khi ốm đau, giống như người thân trong gia đình để lấy được lòng cảm kích, biết ơn. Sau khi rủ rê, lôi kéo được khoảng 10 người đồng ý tham gia, các đối tượng sẽ tổ chức lễ nhập hội thánh với quy trình: Cởi hết quần áo, sau đó vẩy nước lên khắp người, cho mặc bộ quần áo trắng và uống một loại nước, mà họ cho rằng là “nước thánh” rồi tuyên truyền “*phải học và theo Hội thánh này mới tránh được tai họa ập đến đối với chính mình và những người thân trong gia đình, sau khi chết sẽ được lên thiên đàng sống một cuộc sống sung sướng, được hưởng nhiều phúc nếu đi truyền giáo và kết nạp được nhiều thành viên...*”.

3. Hậu quả, tác hại khi tham gia tổ chức “Hội thánh của Đức chúa trời mẹ”

- Người tham gia vào tổ chức này thường bỏ gia đình, chỉ sống cho bản thân, không cần anh em, người thân trong gia đình, với tâm niệm rằng “*có một đấng tiên tri thần học ở nước ngoài về xem và nói về tương lai đúng 100%, không làm cũng có ăn, sắp tới ngày tận thế phải đi theo tổ chức này mới được cứu vớt và lên thiên đàng*”; dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, ly hôn, gia đình bị đảo lộn, ly tán.

- Bỏ học, bỏ bê công việc, mất việc làm, không có thu nhập do giành phần lớn thời gian để đi tuyên truyền, tham gia sinh hoạt đạo.

- Chỉ tin theo lời dạy của Hội thánh, khi ốm đau không đi khám chữa bệnh ở các cơ sở y tế mà nằm nhà chờ “*Cha trời*” đến chữa trị, do vậy có trường hợp bệnh phát triển nặng, không thể chữa trị, ảnh hưởng đến tính mạng của chính họ.

- Chỉ thờ “*Chúa trời*”; bỏ việc thờ cúng ông bà, tổ tiên theo truyền thống, đập phá bàn thờ, bát hương... dẫn đến làm mất đi truyền thống dân tộc, nét đẹp tín ngưỡng văn hóa thờ cúng tổ tiên của cha ông ta từ ngàn đời nay.

- Số đối tượng cầm đầu tổ chức “*Hội thánh Đức Chúa trời mẹ*” lợi dụng giáo lý, giáo luật của tà đạo, ép buộc những người tin theo (*tín hữu*) dâng hiến 1/10 thu nhập để trục lợi, điều này thể hiện rất rõ thông qua việc dâng hiến, quản lý thu, chi không rõ ràng minh bạch.

4. Thực trạng tại địa bàn tỉnh Sơn La

- Tổ chức “*Hội thánh của Đức Chúa trời mẹ*” xuất hiện tại địa bàn tỉnh Sơn La từ đầu năm 2016, do một nhóm đối tượng ở Hà Nội đến thành phố Sơn La tuyên truyền, đến nay đã có một số người bị tác động và tin theo. Các cơ quan chức năng đã phát hiện, xử lý 13 vụ tổ chức tuyên truyền, phát triển đạo “*Hội thánh của Đức Chúa trời mẹ*” trái phép trên địa bàn, đẩy đuổi khỏi địa bàn 07 đối tượng, thu giữ 101 cuốn sách “*Truyện tích kinh thánh dành cho thiếu nhi*”, 157 quyển kinh thánh các loại, 06 đĩa VCD có nội dung tuyên truyền đạo, tạm giữ 01 máy tính, 01 loa máy tính, 01 ti vi. Tuy vậy, một số đối tượng vẫn lén lút tổ chức tuyên truyền, ảnh hưởng xấu đến ANTT.

- Việc xuất hiện tổ chức “*Hội thánh của Đức Chúa trời mẹ*” trên địa bàn tỉnh Sơn La đã gây ra một số hệ lụy, ảnh hưởng đến cuộc sống của một số gia đình. Do vậy, nhiều gia đình, người thân của những người bị tác động, lôi kéo tham gia tổ chức này đã làm đơn tố cáo, yêu cầu chính quyền sớm ngăn chặn, dẹp bỏ hoạt động của tổ chức này.

Trước những hệ lụy, ảnh hưởng tiêu cực của tổ chức “*Hội thánh của Đức Chúa trời mẹ*” mọi người cần nâng cao ý thức cảnh giác trước những hoạt động tuyên truyền lôi kéo của các đối tượng, vận động gia đình và người thân giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc. Khi phát hiện các đối tượng đến tuyên truyền lôi kéo cần báo cáo cho chính quyền địa phương hoặc Công an nơi gần nhất để kịp thời xử lý.

Chuyên đề 30. Phản bác luận điệu tuyên truyền lập “Nhà nước Mông”.

1. Trong thời gian qua, các thế lực thù địch và phần tử xấu ở nước ngoài tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động chống phá nước ta và nước bạn Lào thông qua việc tuyên truyền, lôi kéo, kích động thành lập cái gọi là “*Nhà nước Mông*”. Thông qua mạng internet, các đài phát thanh bằng tiếng Mông có trụ sở tại Mỹ, Thái Lan, Philippin, các đối tượng tuyên truyền, kích động tư tưởng dân tộc hẹp hòi, ly khai tự trị và tán phát tài liệu tuyên truyền, lôi kéo đồng bào dân tộc Mông Việt Nam (*trong đó có đồng bào Mông tỉnh Sơn La*) di cư, xuất cảnh trái phép sang Lào, Myanmar, Thái Lan nhằm tập hợp lực lượng, phục vụ mưu đồ thành lập “*Nhà nước Mông*”.

Do bản chất thật thà, dễ tin, dễ ngờ nên một số người đã bị mắc mưu kẻ xấu, không yên tâm lao động, sản xuất để ổn định cuộc sống mà có tư tưởng ngóng chờ, khi có điều kiện sẽ đi sang Lào tham gia hoạt động thành lập “*Nhà nước Mông*”; cá biệt có người tin theo nên đã bán hết tài sản, đưa cả gia đình di cư sang Lào để tham gia hoạt động thành lập “*Nhà nước Mông*”; khi sang đến nơi thì bị các đối tượng lừa lọc, dụ dỗ đưa hết tiền, tài sản để chúng sử dụng, ăn chơi, tiêu xài, còn mình và gia đình phải chịu cuộc sống khổ cực, lam lũ, vất vả, thiếu thốn đủ thứ, ngoài ra, còn phải trốn chui lủi để tránh sự phát hiện, bắt giữ của cơ quan chức năng Lào. Nhiều trường hợp không chịu đựng được cuộc sống khổ cực, vất vả nên đã qua đời. Việc tham gia hoạt động thành lập “*Nhà nước Mông*” đã làm cho nhiều người, nhiều hộ gia đình người Mông phải quay trở lại cuộc sống nghèo khổ, thiếu thốn, du canh, du cư như ngày xưa; con cái không được học hành, thiệt thòi so với bạn bè cùng trang lứa.

2. Trong lịch sử hào hùng của dân tộc Việt Nam chống ách đô hộ của thực dân, đế quốc, chống đói nghèo và lạc hậu để đất nước ta được thống nhất, độc lập, tự do và phát triển như ngày hôm nay, có phần đóng góp to lớn của đồng bào dân tộc Mông. Dân tộc Mông là một dân tộc thật thà, luôn có tinh thần đoàn kết, cần cù, sáng tạo, chịu thương, chịu khó, đã có nhiều đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, với đường lối cách mạng đúng đắn, đồng bào dân tộc Mông Việt Nam đã đặt trọn niềm tin và quyết tâm một lòng đi theo Đảng, theo Bác Hồ.

Trong thời kỳ chiếm đóng của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, với chính sách “*chia để trị*”, thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đã triệt để lợi dụng tâm lý, phong tục tập quán, trình độ, nhận thức còn hạn chế của một bộ phận dân tộc Mông, sử dụng thủ đoạn tuyên truyền luận điệu “*Xứ Mông tự trị*” nhằm kích động tư tưởng dân tộc hẹp hòi, ly khai, tự trị, chia rẽ dân tộc Mông với các dân tộc khác, dụ dỗ, mua chuộc, cưỡng ép người Mông làm tay sai cho chúng, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phá hoại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. Tuy nhiên, đồng bào Mông mình có lòng tự tôn dân tộc, tha thiết yêu tự do, độc lập, không chịu khuất phục, luôn sống đoàn

kết nên đã không theo Pháp, Mỹ để làm tay sai cho bọn chúng. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ hào hùng, trong người Mông đã xuất hiện nhiều tấm gương anh hùng bất khuất chống giặc ngoại xâm, tiêu biểu như Vừ Pá Chay, Sòng Phát Sinh, Vừ A Dính... được cả nước ngưỡng mộ, noi theo. Nhiều địa bàn sinh sống của đồng bào Mông đã trở thành căn cứ địa, thành những khu du kích chống Pháp, chống Mỹ, góp phần quan trọng trong sự nghiệp giải phóng, thống nhất nước nhà.

Đồng bào Mông luôn muốn có cuộc sống hạnh phúc ấm no lâu dài, giống như câu hát “*Sáng mùa chí sáng phuya, sáng mùa chí sáng tùa*” nghĩa là “*Muốn giàu không muốn nghèo, muốn sống không muốn chết*” đã nói lên mong ước cháy bỏng đó của đồng bào Mông. Hiểu được mong muốn đó, Đảng, Bác Hồ, Nhà nước và Chính phủ Việt Nam luôn quan tâm, làm mọi cách để đồng bào Mông ta ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành. Nhiều năm qua Đảng và Nhà nước đã đầu tư nhiều tiền của để phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội, nâng cao đời sống cho đồng bào Mông chúng ta, tạo điều kiện giúp đỡ đồng bào Mông phát triển kinh tế, xã hội, đầu tư nhiều dự án như mở đường giao thông, đưa điện về bản, làm thuỷ lợi, cho cái giống mới, dạy cho mình cách làm ăn mới, xây dựng trạm y tế để khám, chữa bệnh cho bà con. Dân tộc Mông mình cái đầu phải nghĩ, cái tay phải làm mới giàu có được, chứ chẳng nhờ vào “*Vua Mông*” nào để người Mông mình không làm cũng có ăn đâu.

3. Một số dẫn chứng cụ thể

(1) Năm 1957, các thế lực thù địch và kẻ xấu đã dựng chuyện “*Vua Mông*” xuất hiện ở Lào. Rất nhiều già làng, thanh niên, phụ nữ người Mông ở vùng biên giới Sốp Cộp, Sông Mã bị kẻ xấu lừa sang Lào đón “*Vua Mông*”. Có người đã ở, chờ cả tháng đợi “*Vua Mông*” ra, nhưng chẳng thấy “*Vua*” đâu cả, đành phải quay về nhà.

(2) Tháng 8/2003, một số đối tượng người phản động ở Lào do tên May Hồ cầm đầu đã tuyên truyền, lôi kéo một số người Mông, chủ yếu là thanh niên ở huyện Sông Mã, huyện Sốp Cộp sang Lào để xem vua Mông, nhưng thực tế là bị May Hồ lừa gạt, khi mọi người sang đến nơi, May Hồ đã không chừa, bắt phải theo May Hồ đi hoạt động phi, gây rối an ninh tại nước bạn Lào. Một số người bị Quân đội, Công an Lào bắt, một số bị bắn chết, một số chạy vào rừng sâu, một số nghe theo lời kêu gọi của chính quyền về đoàn tụ với gia đình. Nhưng còn một số người đến nay vẫn không thấy trở về, không biết còn sống hay đã chết. Không ít già làng, trưởng bản người Mông ở vùng biên giới Sông Mã, Sốp Cộp bị kẻ xấu lừa sang Lào đón vua Mông đến nay vẫn không quên chuyện đau lòng này.

(3) Tháng 5/2011, các tổ chức phản động và “*số người xấu*” ở Mỹ, Thái Lan, Lào, Trung Quốc tung tin đồn nhảm là sẽ có “*Vua Mông*”, “*Nhà nước Mông*”, ai không đi theo sẽ chết, ai muốn có cuộc sống sung sướng, muốn được lên quan, phải tham gia vào quân đội Mông, Công an Mông... chúng còn may cò “*Nhà nước Mông*”, may quân phục bộ đội, Công an, có cả sao hàm, mũ mào; rèn dao kiếm, súng kíp, tổ chức tập võ, tập bắn súng... để tuyên truyền, kích động, lôi kéo đồng bào Mông ở nhiều địa phương di cư đến huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên và di cư sang Lào, lừa đảo đồng bào Mông đóng góp lương thực, thực phẩm, tiền nong để ủng hộ cái gọi là “*Nhà nước Mông*”... Do không biết được âm mưu, thủ đoạn của chúng nên rất nhiều người đã mắc mưu,

bán hết trâu bò, tài sản, đưa cả gia đình di cư đến huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên, di cư sang Lào, sau đó đưa tiền, tài sản cho bọn chúng ăn chơi, tiêu xài.

(4) Tháng 9/2015, ông Vàng A Lầu, cư trú tại bản Trò, xã Suối Tọ, huyện Phù Yên do bị tác động, lôi kéo của đối tượng xấu đã nghe theo và đi tuyên truyền, lôi kéo người thân, gia đình của mình và một số người dân tại các xã Háng Đồng, Hua Nhàn, Phiêng Ban thuộc huyện Bắc Yên và các xã Suối Tọ, Suối Bau thuộc huyện Phù Yên cùng trốn sang Lào, tham gia hoạt động thành lập cái gọi là “*Nhà nước Mông*”. Đến nay, một số đối tượng đã bị bộ đội Lào bắn chết, một số bị Công an Lào bắt, giam giữ và trao trả cho Công an tỉnh Sơn La xử lý theo quy định của pháp luật Việt Nam. Hiện các đối tượng đang bị giam giữ tại Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La để xử lý về tội “*Trốn đi nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân*”.

4. Hình thức, thủ đoạn các đối tượng sử dụng để lừa người Mông

(1) Chúng triệt để lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ nhân quyền, phong tục tập quán của dân tộc, với đặc điểm tâm lý “*Dễ tin, dễ nghe*” của đồng bào dân tộc Mông.

(2) Thông qua các hình thức rỉ tai, truyền miệng hoặc qua đài phát thanh bằng tiếng Mông ở Mỹ, Thái Lan, Philippin, qua các trang mạng xã hội như: Zalo, Facebook, Youtube... để tuyên truyền, tác động trực tiếp vào người Mông chúng ta, kêu gọi tham gia vào các nhóm, các tổ chức phản động để thành lập “*Nhà nước của người Mông*”.

(3) Chúng vẽ lên hình ảnh của một “*Đất nước riêng của người Mông tươi đẹp, giàu có, độc lập*” và tuyên truyền rằng chúng sẽ đánh chiếm một ít đất của Lào và huyện Mường Nhé - tỉnh Điện Biên để làm đất của người Mông và thành lập Nhà nước Mông ở đó... nhằm lừa gạt người Mông chúng ta tin, nghe theo mưu đồ của chúng.

(4) Chúng hứa hẹn với người Mông, khi tham gia sẽ được chia đất, nhà ở, giữ các chức vụ to và nhiều lợi ích khác tại một đất nước của người Mông trong tương lai.

(5) Ví dụ cụ thể: Từ tháng 9/2014 đến tháng 9/2015, đối tượng Sùng Sinh, 49 tuổi, thuộc tổ chức bất hợp pháp “*Đất nước Mông*” ở bang California - Mỹ đã lập một tài khoản ở ngân hàng và tuyên truyền, kêu gọi “*Ai muốn tham gia Nhà nước Mông thì hàng tháng gửi tiền vào tài khoản của Sùng Sinh từ 20 - 40 USD, sẽ được Sùng Sinh cho 10 mẫu đất, một ngôi nhà và nhiều lợi ích khác tại một đất nước của người Mông trong tương lai ở khu vực Đông Nam Á*”. Nghe, tin theo lời tuyên truyền, nhiều người Mông đã chuyển vào tài khoản của Sùng Sinh số tiền trên 3.000 đô la Mỹ, có người còn chuyển trên 5.000 đô la Mỹ (*tương đương hơn 110 triệu đồng tiền Việt Nam*) với mong muốn được tham gia “*Nhà nước Mông*”. Tuy nhiên thực chất đây chỉ là thủ đoạn của Sùng Sinh dùng để lừa gạt đồng bào Mông chúng ta chuyển tiền cho đối tượng để sử dụng ăn chơi, tiêu xài cá nhân, thực chất không hề có “*Nhà nước riêng của người Mông*” ở đâu cả. Ngày 23/03/2016, Cảnh sát Mỹ đã bắt giữ Sùng Sinh để điều tra về tội “*lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Ngày 25/01/2017, Tòa án Mỹ đã xét xử, tuyên phạt Sùng Sinh phải chấp hành án phạt 15 năm tù giam.

Trong thời đại ngày nay, các nước trên thế giới đều đã có chủ quyền, lãnh thổ riêng được thế giới và Liên hợp quốc công nhận. Liên hợp quốc không cho phép nước

này xâm chiếm nước khác, cũng như không cho phép một dân tộc trong một đất nước đứng lên thành lập “*Vương quốc*”, “*Nhà nước riêng*”.

Vì vậy, bà con mình nên hiểu rằng, các phần tử xấu đã lợi dụng việc người Mông có lòng tin mãnh liệt sẽ xuất hiện của một “*ông vua*” và “*Nhà nước Mông*” để kích động, lừa đảo bà con người Mông, làm cho người Mông càng khổ hơn, chứ không có ông vua Mông, “*Nhà nước Mông*” nào cả. Đó chỉ là những lời nói dối, lừa gạt của kẻ xấu, xin bà con đừng tin và nghe theo. Chỉ có tin và đi theo Đảng, Nhà nước Việt Nam theo con đường Bác Hồ đã lựa chọn thì đồng bào Mông mới có cuộc sống ấm no, sung sướng mà thôi.

Đề nghị bà con đồng bào Mông chúng ta, từ nay trở đi nếu thấy ai tuyên truyền về “*Nhà nước Mông*” thì phải cảnh giác vì đó không phải sự thật, chỉ là bịa đặt cho đồng bào Mông, khiến cho người Mông rơi vào cảnh khốn cùng và chết chóc dần mà thôi. Nếu đồng bào Mông mình tin vào những lời bịa đặt này, nó sẽ khiến chúng ta mất tiền của, mất cửa mất nhà, mất quê hương và còn vi phạm pháp luật. Chỉ có Đảng và Chính phủ, Nhà nước Việt Nam mới là một đất nước yêu thương và bình đẳng với chúng ta, không có một dân tộc, một đất nước nào dành tình yêu thương, tôn trọng đối với người Mông như những gì nước Việt Nam đã dành cho chúng ta.

Chuyên đề 31: Phòng ngừa, ngăn chặn hoạt động di cư tự do.

1. Tình hình và hậu quả, tác hại của việc di cư tự do

Trong những năm qua Đảng, Nhà nước và tỉnh Sơn La đã quan tâm đầu tư phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tốt các chế độ, chính sách dân tộc, hỗ trợ các chương trình, nguồn vốn đầu tư cho các địa bàn mà đồng bào dân tộc Mông sinh sống để bà con phát triển sản xuất, ổn định cuộc sống. Tuy nhiên, một bộ phận đồng bào người Mông vẫn tự ý di cư đi nơi khác, trái với quy hoạch, kế hoạch của chính quyền địa phương, gây phức tạp đến ANTT trên địa bàn, đồng thời ảnh hưởng xấu đến chính cuộc sống của gia đình và bản thân người di cư, cụ thể:

- Đối với người di cư và gia đình:

+ Khi di cư, đã bán tài sản, đất đai với giá rẻ. Khi quay trở về quê cũ không còn tài sản, đất đai, nhà cửa, dẫn đến tranh chấp (*điển hình 02 hộ Thào A Súa - 06 khẩu; Thào A Dơ - 09 khẩu cư trú tại bản Huổi Tao, xã Chiềng Cang, huyện Sông Mã di cư sang Lào, bị cơ quan chức năng của Lào bắt và trao trả 03 lần vẫn tiếp tục di cư, hiện nay trở về địa phương không có nhà ở, không có đất để sản xuất, cuộc sống rất khó khăn*).

+ Con cái không được học hành, phải bỏ học do không có hộ khẩu, không có hồ sơ học bạ, không có tiền cho con tiếp tục theo học; không được khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe do không có thẻ bảo hiểm y tế...

- Đối với kinh tế, xã hội và an ninh trật tự:

+ Di cư tự do đã phá vỡ kế hoạch, quy hoạch dân cư của địa phương, gây khó khăn cho công tác quản lý, triển khai thực hiện các chế độ, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của chính quyền các cấp (*cả nơi đi và nơi đến*), đặc biệt là việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước đối với đồng bào như: y tế, giáo dục, văn hoá,

xã hội; phá vỡ cơ cấu về nguồn nhân lực, làm nảy sinh những vấn đề phức tạp về xã hội, ảnh hưởng xấu đến sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

+ Việc người dân di cư tự do tại nơi đi không báo, nơi đến không trình, cư trú một cách tùy tiện, bất thường, gây rất nhiều khó khăn cho công tác quản lý và quy hoạch dân cư của địa phương. Tình trạng tranh chấp đất canh tác và đất ở giữa dân nhập cư và dân sở tại diễn ra phức tạp, gây nhiều khó khăn cho chính quyền trong giải quyết xử lý tranh chấp đất đai.

+ Các hoạt động sinh hoạt của người dân di cư tự do chủ yếu là phá rừng để làm nương rẫy, chặt, phá rừng lấy gỗ để bán, săn bắn thú rừng để lấy thịt; những hoạt động này đã vi phạm luật bảo vệ rừng, luật bảo vệ môi trường, luật bảo vệ động vật hoang dã, rất khó kiểm soát, tác động ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường, sinh thái.

+ Di cư tự do làm cho đời sống của đồng bào mất ổn định, không an tâm sản xuất, cuộc sống gặp nhiều khó khăn, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội nơi ở mới hết sức yếu kém (*thiếu đường, điện lưới, trạm y tế, trường học và nước sinh hoạt*).

+ Dân di cư tự do không theo kế hoạch dẫn đến một số nơi, nhất là khu vực biên giới “*trống dân*”, “*trắng bản*”, ảnh hưởng tiêu cực đến công tác bảo vệ an ninh biên giới và chủ quyền quốc gia; di cư tự do làm phá vỡ bản sắc văn hóa, tâm linh truyền thống của dân tộc và các giá trị văn hóa tốt đẹp đã được gìn giữ lâu đời của dân tộc.

2. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng di cư tự do

- Do địa bàn cư trú của đồng bào dân tộc Mông chủ yếu ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, điều kiện giao thương còn khó khăn, một số nơi đồng bào còn thiếu đất sản xuất.

- Đồng bào Mông có quan hệ dòng tộc, thân tộc rất rộng không những trong nước mà còn có quan hệ ở nước ngoài. Chính vì vậy, những người đồng tộc di cư tự do từ trước đã tác động, lôi kéo người thân, anh em, họ hàng tiếp tục di cư, xuất cảnh trái phép để có thể sống chung với nhau trên vùng đất mới.

- Do mâu thuẫn giữa các dòng họ chưa được giải quyết kịp thời.

- Do bị tác động ảnh hưởng của các luận điệu tuyên truyền thành lập “*Nhà nước Mông*”, do lầm tưởng sẽ có “*vua Mông*” dẫn dắt người Mông trên vùng đất mới nên nhiều hộ gia đình đã lén lút bán tài sản để xuất cảnh trái phép sang Lào, Myanmar với mong muốn có cuộc sống sung sướng hơn.

- Các thế lực thù địch triệt để lợi dụng phong tục tập quán của đồng bào Mông, lợi dụng đặc điểm tâm lý “*Dễ tin, dễ nghe*” của đồng bào, các đối tượng sử dụng hình thức rỉ tai, truyền miệng hoặc qua đài phát thanh bằng tiếng Mông ở Mỹ, Thái Lan, Philippin, qua các trang mạng xã hội như Zalo, Facebook... tác động trực tiếp vào đồng bào dân tộc Mông để tuyên truyền, lôi kéo đồng bào di cư tự do, xuất cảnh trái phép sang Lào nhằm phục vụ mưu đồ của chúng. Thủ đoạn chủ yếu là tung tin, đồn nhảm, ví dụ như: “*Vua Mông sắp về Lào, nếu đi muộn sẽ không có đất ở*”; “*ở Thái Lan có rất nhiều người Mông Việt Nam đang sinh sống, số này đang chờ đủ số người để chính quyền địa phương cho thành lập bản. Ở bên Thái Lan không phải lao động nhiều như ở Việt Nam...*”.

3. Để bảo vệ chính mình và gia đình, họ hàng, làng bản, bà con cần lưu ý

(1) Mỗi người dân, chủ hộ, trưởng dòng họ, già làng, trưởng bản... cần gương mẫu đi đầu và tuyên truyền cho người thân biết được những việc làm trái chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước cũng như quy ước, hương ước của địa phương.

(2) Mỗi người dân cần nâng cao tinh thần cảnh giác, đồng thời phối hợp với chính quyền, công an, quân sự... chống lại kẻ xấu, bảo vệ bà con dân tộc mình, bảo vệ nhân dân xây dựng cuộc sống ấm no, tham gia bảo vệ ANTT tại bản, làng mình.

(3) Tích cực lao động, sản xuất, phát triển kinh tế gia đình; thực hiện tốt nội dung cam kết “5 có, 5 không” đã cam kết; khi phát hiện có đối tượng tuyên truyền, lôi kéo, rủ rê đồng bào tham gia các hoạt động “Xưng vua”, “đón vua”, lập “Nhà nước Mông”, di cư tự do, xuất ảnh trái phép phải báo cáo ngay với cấp ủy, chính quyền, lực lượng Công an, Quân đội trên địa bàn để xử lý kịp thời. Đồng thời nâng cao nhận thức, cảnh giác không bị lôi kéo bởi các luận điệu xuyên tạc của chúng, phản bác kịp thời không để các luận điệu xấu len lỏi vào trong đời sống nhân dân gây tâm lý hoang mang, làm xáo trộn cuộc sống bình thường của nhân dân, ảnh hưởng xấu đến ANTT.

Chuyên đề 32. Khiếu kiện đồng người, trái phép; hậu quả, tác hại và âm mưu, phương thức, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch.

1. Tình hình chung

Khiếu nại, tố cáo là một trong những quyền cơ bản của công dân, là công cụ pháp lý để công dân bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi bị xâm hại, là biểu hiện của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Khiếu nại, tố cáo là một kênh thông tin khách quan phản ánh tình hình thực hiện công vụ của cán bộ, công chức. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo không những có vai trò quan trọng trong quản lý nhà nước, mà còn thể hiện mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân. Thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo, Đảng và Nhà nước kiểm tra tính đúng đắn, sự phù hợp của đường lối, chính sách, pháp luật do mình ban hành, từ đó có cơ sở thực tiễn để hoàn thiện sự lãnh đạo của Đảng và hiệu quả quản lý Nhà nước. Để việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng pháp luật, góp phần phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức, Nhà nước ta đã ban hành Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo.

Trong những năm qua, việc triển khai thực hiện các chương trình, dự án trên địa bàn tỉnh liên quan đến công tác di dân tái định cư, thu hồi đất giải phóng mặt bằng, công tác giải quyết tranh chấp đất đai liên quan đến đường địa giới hành chính... đã ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của các hộ dân có liên quan. Việc triển khai các chương trình, dự án là những chủ trương đúng đắn nhằm phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Sơn La nói riêng, cả nước nói chung, đồng thời cũng góp phần quan trọng từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện một số chương trình, dự án đã xảy ra tình trạng nhân dân khiếu kiện (*khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh*) ở các mức độ khác nhau, ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự và đời sống sinh hoạt của nhân dân.

Một số vụ, việc khiếu kiện không dừng lại ở tính chất đơn lẻ của một số cá nhân đòi hỏi quyền lợi hợp pháp của bản thân và gia đình mình, mà mang tính có tổ chức, vụ lợi, lôi kéo đông người tham gia, khiếu kiện kéo dài, vượt cấp, gây rối trật tự công cộng... Trong những người đi khiếu nại, tố cáo, có những người khiếu nại, tố cáo đúng, mong muốn được pháp luật giải quyết công minh; nhưng cũng có một số người, vì nhiều lý do khác nhau (*chủ yếu do bị các đối tượng xấu kích động, xúi giục*) cố tình khiếu nại, tố cáo kéo dài, vượt cấp. Một số người đi khiếu nại, tố cáo có thái độ gay gắt, cực đoan, có hành vi quá khích làm ảnh hưởng đến trật tự xã hội. Một số đối tượng với thủ đoạn tuyên truyền về chế độ chính sách của nhân dân chưa được thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ đã tác động đến tâm lý của người dân để thông qua các đối tượng viết đơn khiếu kiện vượt cấp, tập trung đông người gây áp lực với các cấp chính quyền. Có đối tượng đã cung cấp thông tin, tài liệu phản ánh không đúng sự thật về việc thực hiện chế độ chính sách cho phóng viên, nhà báo hoặc đưa lên mạng xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, ảnh hưởng đến uy tín của một số lãnh đạo chính quyền các cấp.

Tình hình khiếu kiện phức tạp chủ yếu do một số nguyên nhân cơ bản sau: (1) Chính sách, pháp luật liên quan quản lý, sử dụng đất đai, triển khai dự án và nhiều lĩnh vực khác của đời sống xã hội cũng như việc tổ chức thực hiện còn nhiều hạn chế, bất cập, thiếu đồng bộ, chưa phù hợp với thực tế; (2) công tác giải quyết khiếu kiện của một số địa phương và cơ quan chức năng còn hạn chế, nhiều vụ việc giải quyết chậm, không thoả đáng gây bất bình, bức xúc trong nhân dân; (3) nhận thức và ý thức chấp hành chính sách pháp luật của một bộ phận nhân dân còn thấp, nhiều người dân bị kích động đòi hỏi yêu sách vô lý, không đúng pháp luật; (4) công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động, thuyết phục, hướng dẫn người khiếu nại, tố cáo và công tác hòa giải ở cơ sở chưa được quan tâm thực hiện đúng mức, dẫn đến có những vụ việc đơn giản vẫn phát sinh đơn thư khiếu nại, tố cáo vượt cấp; (5) tác động từ các thế lực phản động, thù địch và các phần tử xấu nhằm tạo nên sự bất ổn của xã hội, chống phá đất nước.

2. Hậu quả, tác hại của tình hình khiếu kiện

Đối với xã hội: Hậu quả của các vụ khiếu kiện phức tạp khi không được giải quyết ổn thỏa, triệt để sẽ gây sự hoài nghi, mất lòng tin của một bộ phận quần chúng nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, gây mất ổn định về an ninh, trật tự, ảnh hưởng đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đây là một lĩnh vực nhạy cảm, nếu bị kẻ địch lợi dụng sẽ ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, dẫn đến xung đột xã hội rất nguy hiểm; số đối tượng xấu lợi dụng, kích động, lôi kéo, xúi giục nhân dân thực hiện các hành vi gây rối an ninh, trật tự, chống đối người thi hành công vụ, gây sức ép với cán bộ Đảng, chính quyền, khống chế dọa dẫm những người không ủng hộ họ khiếu kiện ...

Đối với người khiếu kiện: Việc nhân dân tập trung đông người khiếu kiện, khiếu kiện kéo dài sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống sinh hoạt bình thường của chính những người tham gia khiếu kiện như: phải bỏ thời gian để tham gia, trì trệ trong công việc, thậm chí có thể bị các đối tượng lợi dụng thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật.

Một số vụ, lợi dụng việc khiếu kiện đòi quyền lợi cho người dân, các đối tượng đã vận động các hộ dân đóng góp tiền nhưng thực chất là nhằm thu lợi cá nhân. Điển hình như đối tượng Lò Văn Châu trú tại bản Nhà Sày, xã Mường Sại, huyện Quỳnh Nhai, Lò Văn Thời trú tại bản Huồi Liu 2, xã Mường Chùm, huyện Mường La lừa đảo chiếm đoạt số tiền hàng trăm triệu đồng, hiện đã bị xử lý hình sự về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; đối tượng Đèo Văn Ban tự nhận đại diện cho 365 hộ di dân tái định cư khu vực mặt bằng công trình thủy điện Sơn La khiếu kiện đến các cấp, các ngành của Trung ương, tỉnh, đối tượng có thỏa thuận miệng với các hộ về việc nếu đòi được tiền đền bù theo giá đất năm 2015 thì các hộ phải trích từ 10% - 20% số tiền được nhận để trích lại cho đối tượng. Hiện đối tượng đã bị xử lý hình sự về tội cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng.

3. Một số quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo

3.1. Quy định của Luật Khiếu nại

Khiếu nại là việc công dân, cơ quan, tổ chức hoặc cán bộ, công chức theo thủ tục đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước hoặc quyết định kỷ luật cán bộ, công chức khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Một số hành vi bị nghiêm cấm: Cố tình khiếu nại sai sự thật; kích động, xúi giục, cưỡng ép, dụ dỗ, mua chuộc, lôi kéo người khác tập trung đông người khiếu nại, gây rối an ninh trật tự công cộng; lợi dụng việc khiếu nại để tuyên truyền chống Nhà nước, xâm phạm lợi ích của Nhà nước; xuyên tạc, vu khống, đe dọa, xúc phạm uy tín, danh dự của cơ quan, tổ chức, người có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, người thi hành nhiệm vụ, công vụ khác; vi phạm quy chế tiếp công dân; vi phạm các quy định khác của pháp luật về khiếu nại và giải quyết khiếu nại.

Trình tự khiếu nại: Khi có căn cứ cho rằng quyết định hành chính, hành vi hành chính là trái pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình thì người khiếu nại khiếu nại lần đầu đến người đã ra quyết định hành chính hoặc cơ quan có người có hành vi hành chính hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết lần đầu hoặc quá thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết thì quyền khiếu nại lần hai đến Thủ trưởng cấp trên trực tiếp của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần hai hoặc hết thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Hình thức khiếu nại: Việc khiếu nại được thực hiện bằng đơn khiếu nại hoặc khiếu nại trực tiếp.

Đơn khiếu nại phải ghi rõ ngày, tháng năm khiếu nại; tên, địa chỉ của người khiếu nại; tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân bị khiếu nại; nội dung, lý do khiếu nại, tài liệu liên quan đến nội dung khiếu nại và yêu cầu giải quyết của người khiếu nại. Đơn khiếu nại phải do người khiếu nại ký tên hoặc điểm chỉ. Trường hợp nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung thì có chữ ký của những người cùng khiếu nại và cử người đại diện để trình bày khi có yêu cầu của người giải quyết khiếu nại.

3.2. Quy định của Luật Tố cáo

Tố cáo là việc công dân theo thủ tục báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức.

Một số hành vi bị nghiêm cấm: Cố ý tố cáo sai sự thật; kích động, cưỡng ép, dụ dỗ, mua chuộc người khác tố cáo sai sự thật; mạo danh người khác để tố cáo; mua chuộc, hối lộ người giải quyết tố cáo; đe dọa, trả thù, xúc phạm người giải quyết tố cáo; lợi dụng việc tố cáo để tuyên truyền chống Nhà nước, xâm phạm lợi ích của Nhà nước; xuyên tạc, vu khống, gây rối an ninh, trật tự công cộng, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác; đưa tin sai sự thật về việc tố cáo và giải quyết tố cáo; vi phạm các quy định khác của pháp luật về tố cáo và giải quyết tố cáo.

Hình thức tố cáo: Việc tố cáo được thực hiện bằng đơn tố cáo hoặc tố cáo trực tiếp.

Đơn tố cáo phải ghi rõ ngày, tháng năm tố cáo; họ, tên, địa chỉ của người tố cáo; nội dung tố cáo. Đơn tố cáo phải do người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ. Trường hợp nhiều người cùng tố cáo bằng đơn thì trong đơn phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ của từng người tố cáo, có chữ ký hoặc điểm chỉ của những người tố cáo; họ, tên, người đại diện để phối hợp khi có yêu cầu của người giải quyết tố cáo.

- *Xử lý hành vi vi phạm pháp luật:* người nào có một trong các hành vi bị nghiêm cấm hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

4. Âm mưu, phương thức, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, bọn phản động và phần tử xấu

Các thế lực thù địch đã và đang thực hiện chiến lược “*Diễn biến hòa bình*” nhằm chuyển hóa, xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Lợi dụng những vấn đề phức tạp trong đó có vấn đề khiếu kiện đê vu cáo, xuyên tạc chế độ ta, kích động tâm lý bất mãn, tư tưởng chống đối của các phần tử xấu để thúc đẩy những hoạt động gây rối, gây mất ổn định an ninh, trật tự. Chúng chủ động tạo ra, triệt để lợi dụng và khoét sâu vào vấn đề mâu thuẫn nội bộ nhân dân, những nhân tố gây mất ổn định xã hội làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến công cuộc bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

Một số phần tử xấu, bất mãn, cơ hội lợi dụng chiêu bài đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, đòi quyền lợi, chế độ chính sách để kích động, tổ chức cho nhân dân tập trung đông người đấu tranh, có những hành động vô tổ chức, gây rối an ninh, trật tự; các thế lực thù địch có thể lợi dụng tình hình phức tạp trên để đẩy mạnh các hoạt

động chống phá. Một số đối tượng xấu lợi dụng sự nhẹ dạ, cả tin và thiếu thông tin về chế độ chính sách của người dân để đưa ra những thông tin sai sự thật nhằm kích động, xúi giục nhân dân tập trung đông người khiếu kiện.

Đáng chú ý, các thế lực thù địch, phản động ở trong và ngoài nước gia tăng các hoạt động kích động, hậu thuẫn người khiếu kiện như một lực lượng chính trị đông đảo nhằm tiến hành các hoạt động chống Đảng, Nhà nước, lật đổ chế độ như: Lợi dụng các vụ khiếu kiện để kích động tập hợp người khiếu kiện biểu tình, tiến tới bạo loạn lật đổ; chỉ đạo, hỗ trợ lập các tổ chức “*dân oan*” và hậu thuẫn các tổ chức này tiến hành các hoạt động chống phá; thường xuyên đưa tin, hình ảnh về tình hình khiếu kiện để xuyên tạc chính sách của Nhà nước, vu cáo Việt Nam vi phạm nhân quyền, “*đàn áp tôn giáo, dân tộc*” làm giảm uy tín, vai trò lãnh đạo của Đảng và chính quyền, đồng thời kích động nhân dân “*nổi dậy*” đấu tranh chống chính quyền, nhằm tạo ra một lực lượng chống đối, chia rẽ giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân. Nếu không ngăn chặn kịp thời thì rất có thể sẽ bị các đối tượng thù địch và phần tử xấu lợi dụng thực hiện ý đồ lập tổ chức chính trị đối lập chống Đảng, Nhà nước.

Từ tình hình trên, đề nghị nhân dân cần nắm vững và thực hiện tốt một số vấn đề sau:

- Cần nắm và tuân thủ các quy định của pháp luật như: Luật Khiếu nại năm 2011, Luật Tố cáo năm 2011, Luật Tiếp công dân năm 2013, Nội quy tiếp công dân tại Ban Tiếp công dân và các địa điểm tiếp công dân.

- Khiếu kiện theo đúng trình tự, thủ tục được quy định, đúng cấp giải quyết theo thẩm quyền, không khiếu kiện vượt cấp.

- Cảnh giác với các luận điệu tuyên truyền nhằm kích động, xúi giục, lôi kéo nhân dân tập trung đông người khiếu kiện, khiếu kiện vượt cấp lên tỉnh, Trung ương, gây rối an ninh, trật tự.

- Tham gia công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh với những hoạt động lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo của nhân dân để thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật. Không tin và nghe theo những luận điệu tuyên truyền sai trái nhằm lôi kéo, kích động người dân tham gia các hoạt động vi phạm pháp luật.

- Trường hợp nhiều người có cùng nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh nên cử người đại diện (*từ 2 đến 5 người*) đến Ban tiếp công dân của huyện, tỉnh. Không nên đồng loạt cùng đi đông người, gây ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của các cơ quan, ban ngành, tốn kém thời gian, công sức, tiền bạc của những người tham gia.

Chuyên đề 33. Bảo vệ bí mật nhà nước trên không gian mạng.

1. Thực trạng tình hình

Theo thống kê, từ năm 2014 đến nay đã có hơn 18.000 trang/cổng thông tin điện tử bị tấn công; chưa hết, tin tặc cũng tấn công giả mạo lệnh chuyển tiền đối với ngân hàng TPBank; tấn công DDoS hệ thống mạng của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) gây ra đình trệ toàn bộ hệ thống cung cấp dịch vụ của tập đoàn này. Đỉnh điểm là vụ sử dụng mã độc tấn công, chiếm quyền điều khiển màn hình hiển thị tại sân bay Nội Bài, Tân Sơn Nhất, tấn công vào hệ thống máy chủ của Vietnam

Airlines; đã gây hậu quả nghiêm trọng, làm trễ gần 100 chuyến bay trong ngày 29/7/2016. Riêng trong năm 2017, Bộ Công an phát hiện, xử lý 58 vụ lộ, lọt bí mật nhà nước (BMNN) trên không gian mạng (trong đó có nhiều tài liệu “Tuyệt mật”, “Tối mật”); phát hiện 8.564 trang/công thông tin điện tử (TTĐT) có tên miền quốc gia (.vn) bị tấn công, chiếm quyền điều khiển, thay đổi giao diện, chỉnh sửa nội dung (tăng 20% so với năm 2016); đáng lo ngại là trong số này có 262 trang thuộc quản lý của các cơ quan nhà nước (.gov.vn).

Hiện nay mạng lưới vạn vật kết nối Internet đã và đang làm thay đổi thế giới, tiềm ẩn nguy cơ mất an ninh mạng rất cao, dự báo đến năm 2020 có 50 tỷ đồ vật kết nối vào internet, 4 tỷ người kết nối với nhau (thực tế có thể sẽ cao hơn rất nhiều), từ đó bí mật thông tin có thể bị lộ, bị thay đổi, bị làm giả; 3 nhóm tấn công điển hình là: chiếm đoạt tài khoản người dùng, tấn công lừa đảo, phát tán phần mềm mã độc. Việt Nam là quốc gia có số lượng người sử dụng internet lớn, số lượng thiết bị kết nối Internet ngày càng tăng, là mục tiêu tấn công của các nhóm tin tặc.

Ý thức được tầm quan trọng của công tác bảo vệ BMNN, Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản, chỉ thị, nội dung cụ thể hóa nhiệm vụ bảo vệ BMNN, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động, giúp mỗi cán bộ, đảng viên không ngừng nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng và xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm bảo vệ BMNN.

Tại địa bàn tỉnh Sơn La, trong những năm qua cấp ủy đảng, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị đã triển khai thực hiện nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước về bảo vệ BMNN, đến thời điểm hiện tại chưa phát hiện vụ việc lộ lọt BMNN trên địa bàn. Tuy nhiên vẫn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây lộ lọt bí mật nhà nước trên không gian mạng như:

- Một số cơ quan, đơn vị chủ quan, chưa chấp hành đúng các quy định về việc quản lý, sử dụng công/trang TTĐT (công/trang TTĐT còn tồn tại lỗ hổng bảo mật, nguy cơ chiếm quyền điều khiển, thay đổi giao diện rất cao); bên cạnh đó ý thức bảo mật, an toàn thông tin của người quản trị chưa cao, còn sử dụng mật khẩu bảo vệ yếu.

- Sử dụng máy tính kết nối internet để soạn thảo, in, sao tài liệu chứa nội dung BMNN, vi phạm quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 8 Nghị định số 33/2002/NĐ-CP của Chính phủ.

- Ý thức bảo vệ BMNN của một số cán bộ, nhân viên các cơ quan, đơn vị chưa cao, vẫn còn sử dụng các thiết bị lưu trữ di động như USB, ổ cứng di động để chuyển đổi dữ liệu giữa máy tính nội bộ với máy tính có kết nối internet, trao đổi BMNN, bình luận, đăng tải, chia sẻ thông tin cá nhân, địa chỉ cơ quan, hình ảnh nơi làm việc, lịch công tác,... của cơ quan, đơn vị trên các trang mạng xã hội (facebook, zalo, gmail).

- Chưa thật sự quan tâm đầu tư đúng mức phần cứng máy tính và phần mềm bảo mật (chưa trang bị tường lửa vật lý, phần mềm chống gián điệp, phần mềm chống virus, sử dụng phần mềm không có bản quyền...) dẫn đến tin tặc có thể cài cắm mã độc nhằm chiếm đoạt tài liệu BMNN.

- Cán bộ làm công tác liên quan đến BMNN chưa được trang bị những kiến thức, thông tin cần thiết để làm tốt vai trò bảo mật thông tin, bảo vệ BMNN.

2. Âm mưu của các thế lực thù địch và bọn tội phạm

Các thế lực thù địch chưa bao giờ từ bỏ âm mưu và hoạt động chống phá nước ta, nhằm xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta; nguy cơ lộ lọt BMNN trên không gian mạng như đã nêu trên không những là điều kiện thuận lợi để các thế lực thù địch chống phá cách mạng mà còn là điều kiện để bọn tội phạm lợi dụng xâm phạm đến lợi ích kinh tế của tổ chức, cá nhân. Điều này đã và đang đặt ra nhiều vấn đề cấp thiết trong công tác bảo vệ BMNN trên không gian mạng.

Để thực hiện ý đồ chính trị, các thế lực thù địch, bọn phản động trong, ngoài nước đã và đang lợi dụng triệt để không gian mạng để thu thập tin tức BMNN quan trọng của ta trên mọi lĩnh vực, nhằm thực hiện ý đồ chống phá. Các đối tượng xấu, bọn tội phạm tập trung khai thác các lỗ hổng bảo mật tồn tại của hệ thống và phần mềm hệ điều hành, ứng dụng tấn công từ chối dịch vụ, phát tán virus, mã độc, tin nhắn rác, tạo các trang web, blog giả mạo có gắn mã độc nhằm đánh cắp tài liệu BMNN, chiếm đoạt thông tin tài khoản, chiếm quyền quản trị, phá hoại cơ sở dữ liệu, làm đình trệ hoạt động các cổng/ trang TTĐT của các cơ quan, đơn vị.

3. Giải pháp nâng cao chất lượng công tác bảo vệ bí mật nhà nước trên không gian mạng

Để khắc phục những mặt hạn chế, thiếu sót, đấu tranh có hiệu quả với các âm mưu, thủ đoạn thu thập BMNN, phá hoại cơ sở dữ liệu trên không gian mạng, cấp ủy, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La cần quan tâm chỉ đạo, quán triệt thực hiện các chỉ thị, quy định của Đảng, Nhà nước về quản lý, bảo vệ BMNN; **trọng tâm là:**

- Nhận thức rõ những thành tựu và những nguy cơ từ cuộc cách mạng 4.0; đặc biệt nhận thức rõ những nguy cơ về an ninh mạng.

- Bên cạnh đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị khoa học công nghệ để phục vụ sự phát triển, cần chú trọng việc trang bị các phương tiện bảo mật và thực hiện các hành động phù hợp nhằm đảm bảo an toàn thông tin, dữ liệu (*cổng, trang TTĐT, hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật, máy móc... của các cơ quan, đơn vị phải thường xuyên được kiểm tra, rà quét lỗ hổng bảo mật, virus, mã độc, sử dụng mật khẩu an toàn, cập nhật phần mềm và các bản vá phù hợp*) nhằm đáp ứng yêu cầu bảo vệ BMNN trên không gian mạng; xây dựng hệ thống tiêu chuẩn về nghiệp vụ quản lý, trang thiết bị kỹ thuật, bảo đảm tốt kinh phí nghiệp vụ và có chế độ, chính sách phù hợp cho cán bộ, nhân viên, những người làm công tác có liên quan đến BMNN.

- Nghiêm cấm soạn thảo, lưu trữ văn bản nội bộ, thông tin thuộc BMNN trên máy tính, các thiết bị có kết nối mạng internet.

- Nghiêm cấm sử dụng USB, ổ cứng di động và các thiết bị lưu trữ khác có khả năng tự sao chép dữ liệu để chuyển dữ liệu giữa các máy tính nghiệp vụ và giữa máy tính nghiệp vụ với máy tính có kết nối internet. Trường hợp cần thiết thì phải sử dụng đĩa CD/DVD và phải hủy sau khi sử dụng.

- Nghiêm cấm chuyển đổi mục đích sử dụng từ máy tính dùng để soạn thảo, lưu trữ thông tin có nội dung BMNN sang máy tính có kết nối internet và ngược lại mà chưa có giải pháp xử lý dữ liệu triệt để. Trường hợp thiết bị, phương tiện điện tử lưu giữ nội dung BMNN bị hỏng, không có khả năng sửa chữa, phục hồi, không hoạt động

được do thiếu đồng bộ, lạc hậu mà không có nhu cầu sử dụng lại, phải được bảo quản, xử lý hoặc tiêu hủy theo đúng quy trình, quy định của pháp luật về bảo vệ BMNN.

- Nghiêm cấm đăng tải các nội dung liên quan đến BMNN lên internet, không truyền, đưa tài liệu có chứa BMNN qua các hộp thư điện tử, dịch vụ chia sẻ thông tin trên mạng internet hoặc qua mạng viễn thông diện rộng mà không được mã hóa, bảo mật.

- Nghiêm cấm sử dụng micro vô tuyến, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị ghi âm, ghi hình, thu phát tín hiệu có khả năng kết nối internet trong các cuộc họp có nội dung BMNN; không sử dụng các thiết bị có tính năng kết nối internet để quay phim, chụp ảnh, đăng tải hình ảnh cơ quan, đơn vị, địa điểm chứa đựng BMNN lên mạng internet.

- Không truy cập vào các liên kết lạ; sử dụng mật khẩu (*password*) có độ bảo mật cao (*gồm chữ cái, con số và các kí tự đặc biệt*).

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền, giáo dục, làm cho cán bộ và nhân dân nhận rõ âm mưu, thủ đoạn của các thế lực phản động, thù địch trong việc chiếm đoạt BMNN, từ đó tăng cường nhận thức, nâng cao tinh thần cảnh giác trong công tác bảo vệ BMNN.

- Các cơ quan chức năng tăng cường kiểm tra, hướng dẫn và kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp vi phạm quy định, vô tình hay cố ý làm lộ, lọt thông tin BMNN trên không gian mạng. Tuyên truyền cho cán bộ, nhân dân về âm mưu thu thập thông tin, BMNN của các thế lực thù địch cũng như các loại tội phạm công nghệ cao. Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, bổ sung, hoàn thiện các quy chế, quy định của cơ quan về công tác bảo vệ BMNN phù hợp với thực tiễn./.